



ĐẶC BIỆT GIÁNG SINH

1974

Sách chỉ được **biếu tặng** đến thân hữu, những nhà nghiên cứu lịch sử văn học, hay những bạn trẻ giúp họ có cái nhìn rõ hơn về nền văn học chiến tranh để họ hiểu chúng tôi phải sống như thế nào và viết như thế nào.

Đây là một công việc hoàn toàn được chúng tôi tự đặt ra và tự làm, trên tinh thần tự nguyện, bất vụ lợi không ngoài mục đích giữ gìn DI SẢN VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM

Bản tặng thân hữu

Độc trong số này

Bu i chiều áp l , r	ệ H ng
Cây giáng sinh b ng lửa, truyện	er y osinski
Giáng sinh năm ấy, truyện	H Minh D ng
Đêm thánh vô c ng, truyện	Trần Hoài Thư
Mấy ngày trư c giáng sinh, truyện	Mang Viên ong
Những bài thơ tình VN	Thanh Tâm Tuyên, Mai
	Thảo, han ạc húc
Chúng ta, ua tiếng nói, tản mạn	Võ hiên
Nh Ca, nh n định	ê Huy Oanh
nửa cuộc, mộng tr ng , thơ	Nguy n Viên Chân
Bản về tiểu thuyết, nh n định	Do n uốc S
Hộp thư	Văn

Ch nhiệm Nguy n Đình Vương
Ch bút Mai Thảo

NHƯ mọi năm, năm nay Văn lại thực hiện một số đặc biệt Giáng Sinh. Với hình bìa của họa sĩ Thái Tuấn minh họa lại một sự tích Kinh Thánh là cuộc chạy trốn về Ai Cập trong cớ sử của dân tộc Do Thái (La Fuite En Egypte) và một số bài viết ở đó có bóng tháp giáo đường, những hàng nến cháy và những bản thánh ca, những trang Giáng Sinh như nhận sau đây không chỉ thu hẹp trong thuật tả một vài cảnh tượng Giáng Sinh, chắc chắn muôn phần hoàn hảo và sinh động hơn, bằng tiếp xúc thẳng, của từng người.

Phát hành trong mấy ngày cuối cùng của một năm dương lịch sắp qua đi, số báo bất ngờ ra trúng thời gian tạo cho nó một ý nghĩa đặc biệt. Với thế giới, 1974 là năm đánh thức lương tâm nhân loại. Tiếng chuông Noel 74, nếu đang truyền đi khắp thế gian niềm hy vọng phục sinh rạng ngời, còn vang rền một báo động khẩn cấp.

Hàng triệu trẻ nhỏ đang chết vì thiếu ăn ở Ethiopie, Ấn Độ, Bangla Desh của một nạn đói kém và mất mùa chỉ mới bắt đầu. Cuộc khủng hoảng nhiên liệu đang lay chuyển đến gốc rễ cả những khu vực văn minh trù phú nhất. Cùng một số đại nạn khác, những đại nạn lâu đầu tiên trong lịch sử loài người đều mang những kích thước lớn lao toàn cầu, cộng đồng thế giới đang ở trên con thuyền Noê. Tất cả. Không trừ một cá nhân, một dân tộc nào. Tất cả. Đại cường, kém mở mang, nhược tiểu, như nhau cùng đứng trước hiểm họa đắm chìm toàn thể. Một con số, ghê gớm, vì không thể sai : trước gia tăng nhân số, nếu vấn đề sản xuất lương thực không được điều chỉnh gấp trên bình diện toàn cầu, chỉ tới năm 2000 đã có 500 triệu người chết đói. Mọi tranh chấp cục bộ thoát trở thành thứ yếu, lỗ bịch và phi lý. Nhân loại đang bị đe dọa. Cứu rồi duy nhất là giống người phải tức khắc và huynh đệ kết liên thành một mặt trận trái đất. Đề đối phó với đại nạn chung.

Số Giáng Sinh này xin gộp một ngọn nến nhỏ. Vào thức tỉnh lớn. Trước quá muộn. Trước giờ thứ hai mươi lăm. Trước đại hồng thủy.



buổi chiều áp lễ

LÊ HẰNG

Tôi đếm từng bậc thang, một, hai, ba, bốn, mười hai, mười bảy, mười chín... Bàn tay của tôi lướt trên thành vịn đã trơn láng và đã quen thuộc từng ngày. Tôi đi về phía tay mặt của tôi. Cái gì cũng « của tôi » hết, của người ta khác kia. Tôi tin như thế. Lối đi cũng có một hàng lan cao sắt, và bàn tay tôi mỗi ngày đều chạm tới, vuốt ve nín lấy bọc cho chúng lớp sơn thời gian nhiệm mầu của sự trơn láng, phẳng lì và lạnh mượt tay. Cái gì rồi cũng trơn láng đi như thế này hết. Tai ương và định mệnh của tôi cũng trơn láng đi như thanh sắt, như thành vịn cầu thang, như lối tôi quen đi mỗi ngày. Tôi đếm đủ hai mươi bước rồi rờ tay trên một cánh cửa, tìm quả nắm bằng đồng xoay nửa vòng. Cánh cửa dĩ nhiên mở ra, tôi bước vào, chốn này mới thật của tôi. Không cần nhìn, tôi cũng biết rõ từng vật trong phòng. Năm bước kể từ cửa, tôi sẽ đặt được tay tôi lên mặt bàn. Mặt bàn có tấm gương lớn, trên đó, mẹ tôi để những tấm danh thiếp cần nhớ của nhiều người và một máy điện thoại, mẹ tôi đã cẩn thận gắn chặt vào bàn ở góc tay mặt, nếu tôi ngồi vào ghế. Từ chiếc ghế này,

muốn tới cửa sổ, tôi sẽ lùi lại bốn bước. Đối diện cửa sổ, là một tủ sách, muốn tới những kệ sách dựng đứng trăm nghìn đời sống kỳ dị đó, những đời sống bất diệt, đời đời im lặng, choán đầy trên từng trang sách, từ cửa sổ, tôi sẽ đi đủ hai mươi một bước.

Hết rồi. Trong căn phòng này chỉ có bao nhiêu đó thôi. Quên chứ, tôi chưa nhắc tới cái ghế của hai mẹ con tôi. Đó là một chiếc ghế xoay tròn được. Bọc nệm da, êm và được chú Toàn cho dầu mỗi tuần để mỗi vòng quay của tôi chiếc ghế không phải rên xiết vì đau đớn. Tôi hay quay tròn nó lắm, mỗi khi đứng lên để đi chuyển trong phòng, tôi đều quay tròn nó, đặt hai chân tôi xuống, ngay ngắn và bắt đầu đếm.

Và như thế, người yêu của tôi là những con số, bởi tôi chưa nhắc tới ai nhiều bằng chúng. Tôi cũng xuống vườn nữa, tôi hay đi loanh quanh dưới đó vào buổi chiều, khi lũ chim líu ríu của mẹ tôi bay hết về tổ của chúng, bỏ lại ngôi nhà, và khoảng vườn chút im lặng của đêm tối. Bên kia một hàng cây, và một bức tường, ngôi giáo đường nhỏ, mỗi chiều vang tiếng kinh. Không hiểu sao, tôi vẫn yêu những lời kinh nguyện buổi chiều hơn sáng. Chúng thoát bay lên không những êm thanh không dấu rì rầm, đều đặn và nghiêm trang. Ở đó, những nữ tu đọc tiếng Latin và hát tiếng Latin để nói chuyện cùng Thượng Đế. Tôi yêu những buổi chiều, yêu cả buổi sáng, và yêu luôn những đêm trong ngôi nhà này. Tôi thấy mình tham lam tẻ, nhưng tôi không bao giờ ghét tôi vì điều đó đâu. Đời sống trôi qua trước mặt tôi một cách bí mật và đầy tràn dấu hỏi. Mẹ nói, mắt tôi luôn luôn mở tròn, thăm thẳm và băn khoăn. Tôi tiếc, cho tôi, không bao giờ thấy được chính hai mắt của mình. Tôi yêu quý những vòng dây âm thanh chung quanh tôi. Tiếng kinh chiều từ nhà nguyện của dòng tu, tiếng hát líu lo như bầy chim của lũ trẻ con, những giờ học, giờ chơi. Sáng sớm ra, cũng như mọi người, tôi « mở mắt » lắng nghe tiếng chuông rung nhẹ trên nóc nhà thờ. Rồi những bài kinh nguyện bằng La ngữ. Những lúc sau này, vào những ngày chủ nhật, vòm âm thanh đó thoát lên những lời kinh chiều dấu của ngôn ngữ nước tôi cho gáo hữu quanh khu phố dự lễ. Tôi lạc lõng và cảm thấy vắng mặt, tôi yêu những lời kinh nguyện không dấu, rì rầm và đều đặn bằng La ngữ hơn, bởi vậy, ngày

chứa nhật, tôi đóng lại cánh cửa sổ phòng tôi và nghe nhạc tình.

Ngày trước, tôi ở bên dòng tu đó cũng học đủ mọi thứ như những đứa trẻ khác. Mẹ gọi tên tôi là Ô Thuộc, bởi vì tôi, ba mẹ bỏ ý định xa rời nhau vĩnh viễn. Năm tôi hai tuổi, ba mẹ tôi bất hòa, nổi bất hòa tưởng không gì hàn gắn được nữa, hai ông bà đứng đưng nhìn ngó nhau sống. Khi tai nạn tới cho tôi, một hàn gắn quá đắt cho một hạnh phúc xót xa. Sabina đã khổ công dạy tôi đàn dương cầm, ba đã dạy tôi cách nghe và quay số điện thoại. Mẹ đã dạy tôi những bước đi làm trơn bóng tay vịn cầu thang. Ngày của tôi yên bình và êm ả đến bù cho những ngày trẻ tuổi của ba tôi. Ba tôi nhiều quyền hành lắm, ông có dưới tay nghìn vạn đàn ông, một lời ông nói lên, có thể làm cho một trăm người ngã xuống. Một ngón tay ông húng ra, nghìn người lao tới cùng thần chết. Mẹ tôi ra vào nhà thờ, lui tới cô nhi viện để đến bù cho ông. Những năm sau này, ba tôi về chiều, thôi làm tướng, thôi hét ra lửa. Mẹ tôi mua ngôi nhà này của một bà già người Pháp, và mở vườn trẻ để dạy lũ trẻ con hát líu lo như chim những bài hát thanh bình không có máu tươi. Ba tôi sợ nơi này, ông vẫn ở dinh thự cũ của ông, thỉnh thoảng ba tôi mới về lại nhà những ngày lễ và những ngày chứa nhật ông mới rời tay cô nhân tình bé nhỏ của ông. Cô ấy có hai chân dài thích để trần, và bộ ngực thích bày ra ngoài. Chị Hai nói cho tôi biết đó. Chị Hai lạ đời lắm, chị rằng nặc bảo rằng, cô ấy cùng một loại với chị vì cô ấy cũng làm thuê cho ba tôi, nhưng việc cô ấy làm nhẹ nhàng hơn việc chị Hai chút thôi. Chị Hai dọn dẹp dưới bếp, còn cô ấy, cô ấy làm việc trên giường.

Tôi cũng có việc làm của tôi chứ. Tôi là điện thoại viên của vườn trẻ Ô Thuộc đấy. Nhiệm vụ của tôi nhẹ nhàng lắm, mỗi sáng, tôi rời phòng ngủ, đếm đủ mười tám bước trên hành lang để tới cửa phòng này, ngồi vào bàn, khi chuông rung nhẹ nhẹ những đường ngân dài, tôi rời tay lên cái máy nghe hơi lạnh và áp vào tai mình.

— Vườn trẻ Ô Thuộc, tôi nghe đây.

Đôi khi là một phụ huynh, đôi khi một bà bạn của mẹ. Tôi có thể gọi mẹ tôi lên, hoặc tự trả lời thay bà tùy từng trường

hợp, Những lúc sau này, mẹ tôi loanh quanh với bầy chim của bà. Ghé vào lớp Sơn Ca nhắc cô giáo trẻ, một em bé có tật khóc nhè lúc mười giờ, lúc đó, phải cho em ngồi chung ghế với cô giáo. Em bé đó không có mẹ, mẹ em đi xa lắm, bên kia đại dương khi ba em về từ mặt trận, với một chân đã chôn xuống mộ. Lớp Phương Hoàng có một bé khác, lớn rồi, đã tới vườn trẻ, bé vẫn lặn lội với ngày hoải. Tại có đến bốn tháng, bé sống dưới hầm tối với cha mẹ khi thành phố của bé lọt vào trận mưa pháo. Bốn tháng đó, không có mặt trời mọc, không có mặt trời lặn. Bé có thể đang ngồi học đó, hát liu lo đó rồi lăn ra ngủ. « Mọi sự đã đảo lộn hết mong tới ngày trật tự trở lại chốn này » mẹ tôi thường nói hoải câu đó.

Cho tới một buổi sáng, giờ làm điện thoại viên của tôi. Chuông rung, tôi nhắc máy lên, giọng nói người đàn ông trầm ấm và dịu dàng dù biết ông ấy đã lắm số, tôi vẫn ngồi im nuốt vào ngực tôi những lời thì thầm của ông ấy : Nhớ gọi cho anh, đêm nay, lúc chín giờ. Tôi gác máy, tay vẫn còn run, tôi sờ tay lên mặt tôi để chìm bĩm xuống với cơn bàng hoàng ngầy ngất đó. Chín giờ đêm, hồi chuông cuối ngày và những lời kinh rì rầm của những nữ tu bên kia khoảng vườn đã tắt. Tôi rời phòng ngủ tìm tới đây, nhắc máy, gọi lên. Ông ấy đã cho tôi những con số, những con số hằn dấu trên những nếp óc còn nguyên vẹn của tôi. Tôi nghe chính hồi chuông rung nhẹ của tôi, nhịp tim đập rồi bời trong ngực ; đúng giọng của ông ấy : Anh nghe đây, em phải không ? Chín giờ, cảm ơn em đúng hẹn. Tôi tê đi mất một giây rồi mới run rẩy nói : Tôi không phải là cô ấy, nhưng tôi thay thế cô ấy bữa nay được không ? Ông ấy im lặng như đang ngạc nhiên và suy nghĩ.

Hồ thẹn choàng ôm lấy ngực tôi, cho tới khi ông ấy dịu dàng nói : Được chứ, tôi yêu những gì tình cờ lắm. Cô có yêu không ? Tôi im lặng, tôi thích nghe nhiều hơn nói. Suốt một đời, tôi chưa được nghe ai nói với tôi như ông ấy : Cô đừng gác máy nghe, nói gì đi, thương thương vào giờ này cô làm gì ? Tôi nói nhỏ : Tôi học dương cầm . Vậy hả ? Tại sao cô không để máy lên đàn và cho tôi nghe chung với gió. Để gió mang đi uổng quá phải không ?... Đàn không có ở đây... Nơi cô, có gì nữa không ?

... Buổi sáng, có lũ nhỏ dưới vườn trẻ hát líu lo, buổi chiều, nữ tu đọc kinh bằng La ngữ...Ồ chốn của cô tuyệt quá, thảo nào giọng cô ngọt ngào tôi muốn biết tên nơi cô đang ở?... Sẽ không bao giờ tôi cho phép tôi nói ra với ông điều đó... Tiếc cho tôi, nhưng không sao, chúng ta nói chuyện, cho tôi số điện thoại của cô đi... Tôi chỉ xin phép thay thế cô ấy của ông một lần thôi... Không được, cô đã chiếm lấy chỗ của người ta rồi, cô phải gọi cho tôi mỗi đêm. Chín giờ. Đêm mai nhớ nghe.

Và như thế đã gần nửa năm. Mỗi tối, tôi đếm đủ tám bước rời tay lên cánh cửa phòng này, xoay một vòng khóa để tự nhốt mình và gọi tới chàng. Tôi nhớ chú Toàn và ông gác đàn rời cái dương cầm từ phòng ngủ sang đây đêm đêm buông những nốt nhạc mềm cho ông ấy nghe. Đời sống tôi đầy ngất những giây âm thanh đó. Tôi lắng nghe và nuôi nấng chúng cho thế giới của tôi ngày một tràn đầy. Tôi phân biệt được từng ngày lễ, từng mùa Vui, mùa Thương, mùa Mừng theo lời kinh đều đặn mỗi ngày của những nữ tu. Tôi biết giờ giấc bằng âm thanh nữa. Tám giờ sáng lũ trẻ hát líu lo bài ca thứ nhất. Chúng vỗ tay đều nhịp lúc chín giờ, chúng đọc kinh lúc mười giờ. Tôi thường chỗi dậy theo hồi chuông thứ nhất tỏa xuống từ đỉnh tháp cao của nhà nguyện, mắt tôi dõi tìm, đời đời dõi tìm vào khoảng không mù mịt thăm thẳm của riêng tôi. Tôi đứng hàng giờ để nghe và để nhớ những bức tường bằng đá, đặt tay lên đó, cảm nghe được chúng cũng đang nguyện cầu. Bên đó, có Sabin hiền dịu đủ hai mươi bốn giờ trong ngày. Mỗi bước Sabin đi, loạt soạt sóng áo và chuỗi kinh. Mười hai giờ trưa âm thanh thoát bay lên rất cao, khi lũ trẻ con đã rời lớp. Rồi giờ nguyện ban chiều êm ả nhưng đầy những thở than. Một đôi khi, chỉ cần nghe những lời kinh bằng La ngữ, không có dấu, đều đặn một giọng, tôi biết vậy trong bốn bức tường nghiêm khắc đó, một nữ tu vừa mới nằm xuống, chấp khít hai tay trước ngực và nhắm mắt nghìn thu. Những hôm có hồi chuông báo tử, có bài kinh nguyện cuối đời đó, tôi bỏ đàn, đứng hàng giờ ở cửa sổ, dù chẳng nhìn thấy gì trên vòm trời cao.

Bây giờ, căn phòng có thêm chiếc đàn, tủ áo của tôi và một cái giường cũng nhỏ bé như giường nội trú. Mẹ có bao giờ không chiều tôi? Mẹ chẳng cần hỏi vì sao tôi đòi ngủ đêm trong căn

phòng này. Căn phòng có nhiều sách, dựng đứng bên nhau như những linh hồn nghiêm túc kính trọng nhau và căn phòng, có giọng nói chàng đã từ bên kia giây chuyển tới, Thế giới của tôi, chàng còn thiếu gì nữa dù ai cũng nhìn tôi bằng tia nhìn tiếc nuối và xót xa. Tôi quên mất những hình sắc rồi, tôi cố gọi nhớ những màu áo tôi mặc. Xanh đỏ tím vàng là sao ? Sao ta không trộn chúng vào nhau thành một màu thăm thẳm và tối tăm cho rồi.

Tôi rời cửa sổ, gần chín giờ đêm rồi, đêm bên tu viện đã phủ đầy rồi đó, Sabin chắc đã xõa dài tóc xuống lưng, mặc áo vải trắng từ cổ xuống gót chân. Tôi đếm đủ bốn bước để trở lại bàn. Tay tôi rờ nhẹ lên mép bàn, cái ghế, rồi mới nhẹ nhàng ngồi xuống. Còn năm phút mới chín giờ, tôi đoán giờ ít khi sai lắm, dù mẹ đã mua cho chiếc đồng hồ đặc biệt, nhưng ít khi tôi dùng tới nó. Tay tôi vừa chạm tới máy nói, chưa kịp quay những vòng số của chàng, chuông đã rung. Tôi khựng người, chắc hai mắt tôi tròn lăm. Có lẽ một phụ huynh gọi tôi cho mẹ, tôi nghĩ thăm.

Một tiếng cười, trời ơi của chàng... tại sao chứ ? Làm sao chàng biết được số của tôi ? Chỉ có tôi gọi, mãi mãi phải là tôi gọi tới chàng thôi.

— Kim ơi, em không trốn được anh nữa đâu, hôm nay, chính anh anh gọi cho em nhé, phải cho anh gọi tới em chứ.

Tôi run rẩy, hai môi lắp bắp :

— Nhưng tại sao anh biết số của em ? Tại sao hả ?...

Chàng dịu dàng :

— Đàn cho anh nghe đi, anh nghiện tiếng đàn của em mất rồi. Kim, em nghe anh nói không ?

— Em run tay lắm, đàn không nổi nữa.

— Anh xin lỗi, nhưng em hiểu cho anh, anh phải biết về người anh yêu. Em quên, có một lần em khoe, mẹ gọi em là Ô Thước.

Tôi hồn hèn :

— Anh, nghe em nói, đừng tìm tới em, đừng tới.

Chàng say sưa :

— Anh cũng ngốc nữa, tại anh không có con nên không để ý tên vườn trẻ, mãi tới chiều nay, anh tới thăm bà chị họ, cả năm trời anh mới tới thăm lại bà ấy. Bà chị anh khoe thằng con út đi

học vườn trẻ. Vườn trẻ Ô Thước. Anh ngán người ra chú. Mừng quá. Hết trốn anh nữa nghe.

Tôi buông máy xuống, tôi không đủ can đảm. Những gì nữa sẽ tới, khi chàng biết sự thật về tôi? Tôi rờ tay lên mắt tôi, ở đó, còn những hàng mi rung nhẹ. Sợ chàng sẽ gọi tôi nữa tôi hấp tấp đứng lên, đầu gối tôi và vào thành giường, cơn đau buốt tôi xương. Ra tới cửa, tôi ngán ngừ đứng lại. Đêm mất rồi còn đâu, lũ trẻ đã bay hết về tổ, cho khu vườn chìm vào yên tĩnh. Cũng không còn những lời kinh La ngữ, đều đặn cất lên. Tôi ôm lấy ngực tôi, hai mắt tôi cố mở ra thật lớn. Tôi không muốn vừa đi vừa lầm nhảm đếm nữa, những con số không thể là người tình. Tôi muốn gọi tên chàng. Vũ Nguyên, Vũ Nguyên... Tôi muốn bám vào tay chàng, thay vì bám tay lên cái lan can lạnh ngắt này.

Mười giờ đêm, tôi trở về phòng, tôi chưa bao giờ lên giường trễ hơn nữa. Tôi mở cửa sổ để lắng nghe lời của đêm tối kể, những ngọn lá thì thầm kể chuyện người cho nhau nghe. Bên tu viện, nỗi im lặng tràn trề phủ kín. Chuông lại rung nhẹ. Tôi với tay nhắc máy nghe lên, tôi biết ai đang gọi tôi cho tôi rồi:

— Kim, đừng trốn anh, tại sao em trốn tránh anh?

Tôi im lặng, trái tim tôi nhói lên rồi lặng lẽ, tôi gác máy xuống. Vẫn biết, như thế tôi tàn nhẫn với chàng, nhưng gặp nhau, giữa hai chúng tôi sẽ có một kẻ biến thành sát nhân.

Một giờ sau, chuông lại rung. Tôi ôm lấy mặt quay đi, rồi tôi vẫn nhắc máy lên áp vào tai mình.

— Em chưa ngủ phải không? Anh không ngủ được. Anh chưa hiểu gì hết, ai ngăn cản em? Kim, nghe anh nói, đừng gác máy, nghe rõ chưa? sao em im lặng mãi thế? Anh một mình, và anh yêu em. Anh biết em xinh và đẹp, em đã đọc cho anh nghe những bản luận vũ mềm như thế. em không thể nào không xinh đẹp. Sa Kim, nói gì cho anh nghe đi. Nói đi em, đừng im lặng nữa. Để anh nói về anh cho em nghe.

Tôi cắn nghiến tay tôi, rồi nặng nề đặt trả cái máy nghe vào giá. Tôi vươn người lên để thử dọc từng cơn, tôi vừa leo một con dốc kinh khủng quá.

Sau giờ sáng ngày hôm sau, lời chuông và lời kinh thứ nhất

Trong ngày tỏa lên không trung, tôi vẫn mê mải nằm lịm trên giường vì suốt một đêm trằn trọc thao thức. Những lời nguyện, trầm ấm bay ra từ mái ngói cổ kính bên đó khiến tôi ngồi sững sờ. Sao tôi có thể quên được ? Mùa này ? Giáng Sinh ? Những bài ca nguyện thanh thoát, trong như những giọt sương, trắng như mưa tuyết đó có bao giờ tôi quên đâu ?... Vì chàng với cơn mê quay tròn êm ái, tôi quên mất thời gian đã ru trời đất vào tháng lạnh... Đêm Thánh vô cùng. Giây phút tung bừng. Đất với Trời se chữ đồng... Linh hồn tôi vỡ theo giòng nhạc đó. Tôi đứng như thế mãi, cảm ơn Thượng Đế, còn cho tôi biết nghe và nhốt vào hồn tôi những âm thanh lung linh như sao vỡ này. Không nhìn thấy, tôi cũng biết Sabin đang ngồi trước đàn bên trong vòm nhà nguyện bằng đá đỏ. Đá biết áp ủ nhạc thánh, biết run lên theo từng cung bậc. Đá ơi, đá cũng không nhìn thấy màu trời mùa Đông xám ngắt bên đó phải không ? Tôi không thấy gì hết, nhưng tôi thấy chàng, bằng trái tim run vỡ của tôi.

Khi lũ nhỏ tràn tới, lú lo dưới vườn, những bước chân nhỏ nhỏ của chúng tung tăng trên cuội nhỏ, và những viên cuội cũng hớn hở lăn theo bước chân chim hiền ngoan của chúng. Hôm nay lũ nhỏ được mỗi đứa một gói quà, chúng thời còi nhựa vừa được cho, lúc lắc món đồ chơi có tràng nhạc trong bụng và hát những đoạn thánh ca ngắn : Chuông reng, chuông reng reng...

Tôi áp hai tay tôi lại trước ngực, cẩn thận trở vào phòng, lần theo đường giây tôi cắt đứt sợi giây nối kết tôi với chàng. Mẹ sẽ vô tình tưởng máy hư, và phải qua lễ vài ngày mẹ mới báo cho Bưu điện biết. Chàng nữa chàng sẽ gọi tôi hoài, nhưng chuông sẽ không bao giờ rung, để tim tôi đừng tan nát thêm.

Một năm nữa lại sắp mất đi. Mình bao nhiêu tuổi rồi ? Thôi Sa Kim, đừng thêm đếm thời gian nữa, mi không có tuổi lớn, vì mi không bao giờ thấy được mặt trời lên và tắt.

Hai ngày rồi, vườn nhà tôi vắng lặng, bởi lũ nhỏ nghỉ lễ. Buổi chiều áp lễ Giáng Sinh. Tôi chậm chạp xuống vườn. Ba hôm rồi, chuông điện thoại không rung nữa. Nhưng tôi nghe hoài những hồi chuông vui mừng tỏa quanh đỉnh tháp nhà nguyện. Ba về cho quà, và ba đã đi. Mẹ tôi còn loay quanh đâu dưới phố. Cậu Toàn cặm cũi trang hoàng lại nhà cửa. Tôi nhàn nhạ

đi từng bước. Tôi vào lớp Sơn Ca, những chiếc bàn thấp, những chiếc ghế nhỏ. Tôi cũng ngồi xuống, chống tay dưới cằm và nhìn mông lung vào khoảng không trước mặt. Tôi len đi giữa những bàn những ghế rồi ra ngoài vườn. Những cái ghế đu buồn bã không thở nữa. Lũ nhỏ bỏ quên chúng rồi, thiếu lũ nhỏ, ghế đu, cầu tuột, rũ liệt như chết.

Tôi cẩn thận bám vào những hàng rào cây vảy quanh khu vườn dành cho lũ nhỏ và bắt đầu đếm nhỏ trong miệng: một, hai, ba... mười bốn bước. Tôi dừng lại, đặt được tay trên thành ghế, tôi ngồi xuống. Ở đây, tôi có thể nghe thật gần những lời kinh La ngữ của nữ tu khi họ phàn nàn, than thở cùng Thượng Đế về kiếp người. Tôi muốn mở lớn hai mắt tôi ra, tôi muốn nhìn thấy tất cả mọi vật quanh tôi? Rõ ràng, hai mắt tôi đã mở thật tròn nhưng tôi nuốt vào cho tôi, một khoảng chân không tối thẳm. Tôi nghe được hơi thở của bầu trời buổi chiều, những cụm mây nổi trôi nửa phả xuống mặt đất, những nốt ngân lặng lẽ. Có tiếng chân ai về trước cổng. Một người, và không phải là mẹ. Tiếng chân mẹ tôi nhận biết ngay. Là ai, đã tới trước hai cánh cổng sắt? Tôi nhìn về phía đó, lắng nghe, hai bàn tay tôi miết trên thành ghế.

Tiếng chân đi động tới gần tôi. Tiếng cánh cửa sắt rít nhẹ trên bản lề. Tiếng những viên cuội nhỏ lúi rúi khoe nhau người khách lạ.

— Chào cô bé, có ai ở nhà với cô không?

Tôi lặng người, mọi người có thể nghe lắm, nhưng tôi thì không? Chúa đã cho tôi hai vành tai rất nhạy cảm với âm thanh. Những ngón tay run của tôi nắm vào nhau. Vũ Nguyên đã tới. Tôi ghen ngào ngửa mặt tôi lên cùng chàng. Hình như chàng cũng chăm chăm ngó tôi.

— ...

Tôi nói với chàng, một lời thầm trong buồng tim bé nhỏ của tôi. Chàng dịu dàng:

— Tôi tìm Sa Kim. Kim có nhà không cô bé?

Tôi biết chàng đã không nhận ra tôi, bởi chàng tưởng tôi là thiếu nữ, ít nhất, cũng mười tám hay hai mươi rồi.

— Sa Kim không còn ở đây nữa. Đã đi xa lắm.

Chànu kêu lên :

— Cô nói sao ? Sa Kim không còn ở đây nữa ? Không, tôi không tin, mới cách đây vài ngày.

— Chị Kim làm việc ở đây, vườn trẻ Ô Thước. Và chị ấy đã xin nghỉ việc từ tuần trước rồi. Ông là ai vậy ông ?

— Tôi là... này cô bé, có biết Sa Kim đi đâu không ?

— Chị ấy về dưới tỉnh, tôi quên hỏi mẹ tôi là tỉnh nào.

Chàng im lặng, tôi cảm thấy chàng đang ngó quanh. Tôi ngạc nhiên thấy tim tôi còn đập bình an, cỗi của tôi êm ả.

— Đây là vườn trẻ Ô Thước mà ?

— Vâng, nhưng Sa Kim mới nghỉ việc chừng một tuần nay.

Chàng dăm ăm :

— Tôi không muốn tin, nhưng đành tin, bởi hai mắt cô lạ lùng quá, mắt của cô bé không thể nói dối tôi, phải không bé ? Bé mười mấy tuổi rồi ?

— Dạ mười bốn.

Chàng cười dăm ăm :

— Sao bé cứ nhìn hoài phía trước, có gì ngoài đường đâu mà bé nhìn dăm dăm vậy ?

Tôi nhẹ nhàng :

— Tôi quen nhìn như thế rồi. Ông đừng để ý mắt của tôi.

Những viên cuội nhỏ lại reo lên với nhau dưới chân chàng. Hồi chuông vui mừng bắt đầu vang lên trên tháp chuông nhà nguyện. Đã tới giờ nữ tu nói chuyện cùng Thượng Đế bằng những âm thanh không dấu của họ. Tôi dơ một bàn tay lên :

— Ông có thể dắt tôi về phía đó không ?

Chàng cầm lấy tay tôi :

— Được chứ, bé đau chân ?

— Không, tôi mất một thứ khác. Ông yêu chị Sa Kim lắm hả ông ?

— Nàng bí mật, dễ thương và dịu dàng.

Tôi nhắm mắt lại.

— Tôi muốn gặp nàng đêm nay, muốn tặng cho nàng món quà giáng sinh thứ nhất. Sa Kim đi rồi, bé là em ruột của Sa Kim mà, sao dấu tôi ?

Tôi xúc động :

— Tại sao ông nói như thế ?

— Tôi đoán, giọng nói bé non nớt hơn, nhưng cũng ấm và ngọt như Kim. Mắt Kim có thăm thẳm như mắt bé không ?

Tôi cắn nhẹ môi rồi gật đầu :

— Chị ấy cũng hay nhìn soi vào khoảng không trước mặt như tôi, cũng thích ngồi một mình hằng giờ, thích nghe nhạc thánh tóa ra từ những bức tường đá bên dòng tu.

Chàng xiết nhẹ tay tôi :

— Cho tôi địa chỉ của Kim đi. Kim đang ở đâu đó trong nhà phải không bé ?

Tôi lắc nhẹ. Chàng tò mò :

— Kim có hay lầm nhảm đếm số khi đi dạo như cô bé không ?

Tôi giật mình :

— Ồ không...

Chàng cười :

— Chị em cô lạ lùng quá. Bé thích dắt tôi đi đâu đây ?

— Tôi thích tới ngồi trên những bậc thềm đá nhà nguyện, tôi thích ngồi ở ngoài hơn là vào hẳn trong nhà thờ. Ông có thích không ?

Chàng im lặng, ý vào chàng, tôi đi thềm thang không dò dẫm nên hụt chân xuống một đường rãnh nhỏ. Bàn chân tôi buốt đau và lão đảo ngã xuống. Chàng kêu lên một tiếng nhỏ, ngạc nhiên và xót xa :

— Không chịu nhìn gì hết vậy, mắt nhỏ để đi đâu ?

— Tôi không có mắt.

Chàng dừng lại :

— ...

— Tôi mù.

Chàng cười khẽ :

— Đừng giận, xin lỗi rồi đó nghe.

— Tôi có giận ông bao giờ đâu. Tôi mù thật mà.

Hình như chàng nín thở, tôi nghe rõ hơi thở chàng sau đó dồn dập hơn :

— Cô bé không đùa chứ ?

— Không, tôi đùa sao nổi.

Chàng buông tay tôi xuống, tôi nghe thấy chàng lùi ra xa tôi một chút, mắt tôi vẫn bất động, im lìm và tê điếng.

— Cô mà ?

Tôi gật đầu, chàng lầm bầm :

— Đôi mắt của bé đẹp quá, tôi không tin, không thể nào tin được.

Tôi vẫn nhìn thẳng về phía trước, tôi muốn xé rách tấm màn tối tăm của tôi xuống, để nhìn thấy chàng, lúc này, một giây thôi cũng được. « Lay Chúa, cho tôi nhìn thấy, dù một giây, đôi mắt của chàng... ». Tôi rờ tay tôi trên hè đá trước khi ngồi xuống, chàng chụp lấy tay tôi :

— Trời ơi, em mù thật sao ?

Tôi rưng rưng gật khẽ. Chàng xiết tay tôi, rồi chàng im lặng. Bờ tường đá ngân lên những nốt nhạc trầm, rồi lời kinh La ngữ ri rầm toát ra.

— Em có thấy tôi không ? Tôi đang đứng hay ngồi hả ? Nói đi, cô bé,

Tôi lắc đầu :

— Tôi không thấy gì hết.

Tôi dơ tay ra trước, và chạm ngay vào cổ của chàng, trái bom oan khiến trên cổ chàng đang run. Tôi để yên tay tôi trên đó, sự im lặng tràn xuống. Lời thở than bên trong những bức tường đá đều đều cất lên. Một lúc rất lâu chàng không nói, và tôi nữa, tôi ngồi im, mở lớn mắt ra ném vào cõi tối tăm của riêng mình những dấu hỏi muôn đời còn đó.

Chàng cũng vuốt nhẹ tay chàng lên cổ tôi, dỗi dằn, và chế ngự.

— Đừng buồn nữa bé, bé không thấy thật đó, nhưng biết đâu, bé thấy được nhiều hơn tôi, đừng tưởng thế giới của người sáng không có sự mù lòa.

Tôi ngồi im, rồi chàng đeo vào cổ tôi một sợi giây nhỏ :

— Của Kim đó, bây giờ dành cho bé.

— Tượng Đức mẹ phải không ông ?

Hình như chàng gật đầu, tôi hỏi tiếp :

— Nó màu gì hả ông ?
— Màu trắng, bạch kim.
— Màu sắc có đẹp không ông ? Trời hôm nay xanh hay là xám ông ? Ông đang mặc áo màu gì đó ?

Chàng nhẹ tay lên ngực tôi :

— Đề tôi đưa bé về nhé, mẹ sẽ hoảng sợ nếu bé vắng mặt lâu.

Tôi sờ tay trên bờ tường đá một lần chót :

— Đá cũng mù lòa như tôi phải không ông ?

Lần về, chàng dắt tôi cẩn thận hơn, và hỏi :

— Tại sao bắt bé hư ? Tôi thấy mắt bé vẫn đẹp và hiền, không một dấu hiệu nào của sự mù lòa hết, nó có nói cho cô bé biết, mắt cô bé đẹp như mắt thiên thần không ?

Tôi lắc đầu vẫn mãi mãi soi tìm phía trước, cái khoảng trời thăm thẳm bí mật với tôi.

— Mắt của tôi màu gì hả ông ?

— Màu xanh, rất trong và rất đẹp.

— Ông an ủi tôi.

— Không phải đâu cô bé, tôi nói thật đó, nói chuyện hàng giờ với bé, tôi có biết bé không thấy đường đâu.

— Ông cứ dùng chữ mù đi, gọn và giản dị hơn, tôi quen với sự mất mát của tôi rồi.

Chàng nhắc bổng tôi lên, để bằng ngang một quãng đường trở ngại nào đó, hồn nhiên và ngay thẳng.

Khi chàng đẩy nhẹ cánh cửa sắt, những viên cuội trong vườn lại reo lên với nhau. Chàng đem tôi trả lại cho chiếc ghế mây.

— Bé ngồi xuống đây đi, bé thích tôi ở lại dẫn bé đi lễ đêm nay không ?

Tôi nhẹ nhàng :

— Còn Sa Kim ?

— Sa Kim hả ? Tôi sẽ tìm cho bằng được nàng, sẽ tới ngày nàng không trốn được tôi nữa.

— Ông yêu Sa Kim lắm hả ?

— Bé hỏi câu đó rồi mà.

Tôi lần tay trên sợi giây chuyền nhỏ, chàng tò mò :

— Bé có biết tại sao chị Kim của bé trốn tôi không ?

Tôi đáp nhỏ :

— Sẽ không bao giờ chị Kim gặp ông đâu.

Chàng kêu lên :

— Sao kỳ quái vậy ?

Tôi lắc đầu :

— Tôi không nói được, gặp chị Kim, ông tự biến ông thành sát nhân.

Chàng chụp lấy vai tôi :

— Sát nhân, tôi không hiểu gì hết.

— Ông tự giết chết chị ấy trong tim ông, không phải là sát nhân sao ?

Chàng thở dài :

— Tôi không hiểu gì hết, thôi được bé, nhờ xin phép mẹ đi nhé. Tôi sẽ trở lại dắt bé đi lễ đêm.

Bên kia dòng tu. Tiếng kinh chiều êm ả cất lên. Rồi chuông ngân vang trên thính không, mừng vui tràn lan. Trời và đất... Đêm thành vô cùng... giây phút tung bừng. Đất với trời se chữ đồng, đêm nay Chúa sinh ra chốn hang lừa...

Chàng đặt nhẹ tay trên tóc tôi :

— Nói với chị Kim, anh yêu nàng.

Tôi cắn môi, lắng nghe bước chân chàng xa dần. Tôi tự biết, sẽ không bao giờ tôi gặp lại chàng nữa.

Viết tặng bé Kim, trường mù Nữ Vương QN

LÊ HẰNG

CUỘC TÌNH TRONG NGỰC THẬT

của NGUYỄN THỊ HOÀNG

tác phẩm đang gây chấn động khắp văn giới

CÂY GIÁNG SINH BẰNG LỬA

nguyên tác của
JERZY KOSINSKI

Jerzy Kosinski là một nhà văn Hoa Kỳ gốc Ba Lan, sinh năm 1933, khá nổi tiếng hiện đại. Ông đã đoạt nhiều giải thưởng văn chương quan trọng, trong đó có giải « National Book Award » và được bầu làm chủ tịch Hội Văn Bút Hoa Kỳ năm 1973. Truyện dưới đây được trích trong cuốn « The Painted Bird » (Cánh Chim Sắc Sỡ) viết về cuộc đời một đứa bé gốc du mục, Do Thái lên sáu bị lạc cha mẹ trôi giạt nhiều nước Âu Châu trong suốt Đệ Nhị Thế Chiến, chứng kiến nhiều thảm cảnh và bị hành hạ ngược đãi như một con vật đến bị cùm, có lần bị đem bắn hụt. Nhưng nhờ lanh trí, giỏi chịu đựng, nó đã vượt qua được mọi nghịch cảnh để gặp lại cha mẹ sau sáu năm ở chỗ cực nhục. Cuốn truyện được xem là sống động và hấp dẫn hơn « Nhật Ký Anne Frank ». « The Painted Bird » (bản dịch của Đinh Hoàng Sa mang nhan đề « Niềm Đau Do Thái », sắp x.b) đã được trao tặng giải « Meilleur Livre Étranger » (giải tác phẩm ngoại quốc giá trị nhất) năm 1966 tại Pháp và đã được dịch ra trên 30 thứ tiếng.

« Cây Giáng Sinh Bằng Lửa » là những nhận xét so sánh ngây ngô của một thằng bé lên sáu trước cảnh chết chóc mà nó chưa có một ý niệm nào.

Bà Marta bỗng ngã bệnh. Bà than đau dưới những đốt xương sườn, chỗ quả tim vẫn trú ngụ và đập cánh suốt đời. Bà nói với tôi rằng hoặc Thượng Đế hoặc ma quỷ đã đem chứng bệnh này tới để chấm dứt đời sống của bà trên thế gian này. Tôi không hiểu tại sao bà Marta không tự lột lớp da già cỗi như con rắn kia để bắt đầu lại một kiếp sống trẻ trung khác.

Khi tôi đưa ra ý kiến đó, bà dùng dùng nỗi giận mắng tôi là một tên du mục đáng nguyên rủa, đồ con hoang của quỷ sứ. Theo ý bà thì bệnh tật thường xâm nhập vào một người khi ít nhiều người đó có tư tưởng đến nó.

Bà Marta không lướt nỗi bệnh tật và đau đớn dù bà chống chọi với chúng từng phút. Khi cơn đau nổi lên hành hạ, bà lấy một miếng thịt sống, thái ra thật mỏng rồi để vào một cái liễn bằng đất nung. Bà đổ lên một ít nước giếng múc đúng vào lúc mặt trời sắp mọc rồi bà đem cái liễn chôn thật sâu trong góc lều. Bà cho rằng làm thế bà sẽ dịu bớt đau đớn trong vài ngày cho đến khi những lát thịt đó rữa nát ra. Nhưng sau đó cơn đau tái phát, bà lại tái diễn trò kia một lần nữa.

Ban tối bà Marta ngồi cạnh lò sưởi vừa lắc lư cái đầu vừa đọc kinh cầu nguyện. Tôi ngồi cạnh đó nghĩ đến cha mẹ tôi. Tôi nhớ lại các món đồ chơi trước đây mà bây giờ có lẽ đã thuộc về những đứa bé khác rồi. Một chú gấu bự nhồi vải nhưng có cặp mắt bằng thủy tinh, chiếc phi cơ có hai cái chong chóng và có thể thấy mặt các hành khách qua cửa sổ bằng nhựa trong; chiếc xe thiết giáp nhỏ có máy vận chạy được, và chiếc xe cứu hỏa có gắn chiếc thang dài.

Qua những hình ảnh hấp dẫn đó, túp lều của bà Marta bỗng trở nên ấm cúng hơn lên. Tôi có thể tưởng tượng hình ảnh mẹ tôi đang ngồi bên chiếc dương cầm. Tôi nghe văng vẳng bên tai những lời nhạc mà bà hát.

Nhưng với thời gian, quá khứ đó của tôi đã nhanh chóng trở thành ảo ảnh như một trong những chuyện huyền hoặc khó tin mà chị vú trước kia của tôi đã kể. Tôi tự hỏi không biết có bao giờ ba má tôi còn tìm gặp lại tôi nữa không!

Một buổi sáng khi thức dậy tôi cảm thấy túp lều có vẻ lạnh lẽo: lửa trong lò sưởi đã tắt và bà Marta như thường ngày vẫn ngồi giữa nhà, váy tốc ngược lên, hai bàn chân của bà ngâm trong chậu nước.

Tôi thử lên tiếng hỏi nhưng không thấy bà ta trả lời. Tôi sờ tay bà ta thì thấy lạnh ngắt và cứng đờ, các ngón tay dính vào nhau bất động. Bàn tay buông thõng dọc theo ghế bành như

một miếng vải nhúng nước treo trên giây phơi đồ vào một ngày đứng gió. Khi tôi nâng đầu bà ta lên, cặp mắt ướt nhèm của bà như nhìn vào tôi trừng trừng. Trong đời tôi từ trước đến nay chỉ nhìn thấy những cặp mắt tương tự như vậy có một lần, đó là lúc mà con suối chảy vào bờ xác những con cá chết.

Tôi kết luận rằng bà Marta đang ở giai đoạn chờ lột vỏ như con rắn trong góc vườn của bà dạo nào và không nên quấy rầy bà ta. Tôi không biết làm gì hơn là kiên nhẫn chờ đợi.

Lúc đó đã cuối thu. Gió làm gãy những cành khô và bứt nốt những chiếc lá cuối cùng ném tung giữa không trung. Lũ gà mái đậu cú rữ trên những cây đã dành riêng cho chúng, đầy vẻ ngái ngủ và buồn bã, có khi chỉ mở hé một mắt với vẻ chán chường. Trời thì lạnh mà tôi lại không biết làm sao nhóm lửa lò sưởi lên được. Dù tôi đã tìm đủ mọi cách hỏi chuyện bà Marta nhưng không làm sao cho bà hé môi. Bà vẫn ngồi bất động trên ghế nhìn trừng trừng vào một điểm vô hình nào đó không biết.

Tôi bỏ đi ngủ lại vì không còn biết làm gì khác và hy vọng rằng lúc tôi thức dậy thì bà Marta đã xuống nhà bếp làm bữa những lời cầu kinh náo nùng của bà. Nhưng đến tối tôi thức dậy bà ấy vẫn còn ngồi bất động, ngâm chân trong chậu nước. Tôi đói meo và bóng tối làm cho tôi sợ hãi.

Tôi thấy cần phải thắp ngọn đèn dầu lên cho sáng sủa. Tôi mò mẫm đi tìm hộp quẹt mà bà Marta thường giấu kỹ dưới nhà bếp. Tôi cẩn thận lấy cây đèn xuống khỏi giá nhưng cũng trượt tay làm đổ một ít dầu hỏa xuống đất.

Mấy que diêm lại không chịu cháy. Cuối cùng mới có một que chịu cháy lên nhưng lại bị gãy đôi và rơi xuống đất ngay chỗ dầu hỏa vừa đổ. Lúc đầu ngọn lửa chỉ cháy quanh chỗ đó, tỏa lên một ít khói xanh xanh, nhưng chẳng mấy chốc đã cháy lan ra tận giữa phòng.

Cả túp lều sáng rực lên, tôi thấy rõ bộ mặt của bà Marta. Bà không có vẻ quan tâm gì tới những việc đang xảy ra. Bà không để ý gì đến ngọn lửa bây giờ đã lan tới vách nhà và liếm vào chân ghế mà bà đang ngồi.

Túp lều không còn giá lạnh như hồi nãy nữa. Ngọn lửa đã

bò sát tới chậu nước mà bà Marta đang ngâm chân. Chắc là bà phải cảm thấy nóng chứ, nhưng bà vẫn không nhúc nhích. Tôi thân phục sự can đảm của bà hết sức. Bà đã ngồi đó suốt ngày và suốt đêm nên không thêm cục cựa nữa.

Túp lều bây giờ đã nóng rực. Những ngọn lửa bắt đầu leo trên vách như những dây nho leo. Lửa reo lách tách, răng rắc như đồng vỏ đậu khô bị dẫm dưới chân. Nhất là quanh cửa sổ, một cơn lốc làm cho ngọn lửa bùng thêm lên. Tôi đã lùi ra gần cửa, sẵn sàng thoát thân, nhưng tôi còn đợi bà Marta cử động. Bà ngồi cứng đờ như không hay biết gì cả. Ngọn lửa đã bắt đầu liếm vào hai bàn tay buông thõng của bà như con chó le lưỡi liếm tay chủ. Lửa tiến tới đầu da thịt bà tím ngắt tới đó và bò dần lên tận mái tóc rối bù của bà.

Những ngọn lửa trên người bà Marta khiến người ta nghĩ đến hình ảnh một cây giáng sinh, chẳng mấy chốc bùng lên làm thành một cái nón chóp bằng lửa trên đầu bà ta. Bà Marta đã biến thành một ngọn đuốc. Lửa vây bọc bà một cách âu yếm, thỉnh thoảng những mảnh áo ấm bằng lông thỏ cháy đỏ trên người bà rớt vào chậu nước gây nên những tiếng xèo xèo lạ tai. Qua những chỗ hở đó và nhờ ánh lửa tôi thấy những mảng da trắng xanh nhão nhèo trên cánh tay xương xẩu của bà.

Tôi lớn tiếng gọi bà một lần cuối rồi mới cầm đầu chạy ra ngoài sân. Lũ gà mái vừa kêu «cục-cục» một cách tuyệt vọng vừa đập cánh quánh lên trong chuồng của chúng dính liền với cầu nhà. Chỉ bỏ cái bình thương vữa đã ỉ ạch nay vừa rống lên những tiếng thảm thiết vừa lấy đầu húc vào cửa chuồng. Tôi thấy không cần đợi bà Marta cho phép cứ tự ý mở cửa chuồng gà cho chúng thoát ra. Chúng vừa đập cánh ủa ra khỏi chuồng, vừa la chi chèo đầy vẻ hốt hoảng. Chỉ bỏ cái cũng đã phá được cửa chuồng. Chỉ chạy tuốt ra một vị trí an toàn cách xa đám cháy đứng lại nhìn, mồm bồm bẻm nhai lại mớ thức ăn dự trữ trong cổ với dáng suy tư.

Bên trong túp lều bây giờ đỏ rực như một lò lửa. Những ngọn lửa lộ ra ngoài cái cửa lớn, cửa sổ. Mái lều bằng tranh bắt lửa từ dưới lên bốc khói mù mịt. Tôi lấy làm lạ về bà Marta. Bà

vẫn coi thường tất cả những biến cố đang xảy ra như vậy sao ? Phải chăng bà đã nhờ các bùa ngải, phù phép riêng che chở bà khỏi bị ngọn lửa giết hại trong khi mọi vật khác xung quanh đều cháy thành tro ?

Vẫn chưa thấy bà ra khỏi đám cháy. Tôi phải lùi xa tận mút sân vì không chịu nổi hơi nóng. Chuồng gà và chuồng bò cũng đã bị cháy lây. Cả lũ họ hàng nhà chuột bị sức nóng của lửa làm thất kinh hồn vía chạy tán loạn khắp sân. Chỉ mèo nằm trên bờ ruộng u tối nhìn quang cảnh điêu tàn. Trong tròng mắt vàng của chị phản ánh những ngọn lửa đang nhảy múa.

Bà Marta vẫn chưa thấy xuất hiện. Dù vậy tôi vẫn tin rằng bà sẽ thoát ra khỏi đám cháy bình yên vô sự. Nhưng khi một tấm vách ngã ập xuống để lộ bên trong trống trơn của túp lều tôi mới sợ rằng sẽ không bao giờ thấy lại bà ấy nữa.

Trong những đám khói dày đặc tỏa lên không trung, tôi tưởng như thấy rõ một bóng dáng kỳ lạ hình bầu dục. Phải chăng đó là linh hồn bà Marta vụt bay lên trời ? Hay chính bà Marta thực sự, nhờ ngọn lửa làm cho trẻ lại, trút bỏ lớp da già cỗi nhăn nheo, cỡi trên một chiếc cán chổi thần bay lên khỏi trần gian này như bà phù thủy trong một chuyện cổ tích mà má tôi đã từng kể cho tôi nghe ?

Trong khi đang mải mê nhìn đám cháy, tôi giật mình tỉnh mộng vì những tiếng người và tiếng chó sủa inh ỏi. Những người dân quê lân cận đang chạy tới. Bà Marta thường dặn tôi đề phòng dân làng. Bà bảo rằng nếu đề họ bắt gặp tôi một mình họ sẽ nhận nước tôi chết tươi như dìm một con mèo con, hoặc họ sẽ giết tôi bằng một lưỡi rìu.

Vì thế ngay khi thấy bóng đám người đầu tiên xuất hiện dưới ánh lửa, tôi cầm đầu chạy muốn vắt giò lên cổ. Họ không thấy tôi. Tôi cầm cổ chạy như điên, vấp đại vào những rễ cây trồi trên mặt đất tối thui và dẫm bừa lên những bụi cây đầy gai. Cuối cùng tôi ngã lăn quay giữa một khe núi. Tôi nghe văng vẳng tiếng la ó của đám dân làng và tiếng những tấm vách đổ xuống, rồi tôi ngủ thiếp đi.

Khi tôi thức dậy thì trời đã sáng người gần như lạnh cóng.

Một màn sương phủ đầy khe núi như một tấm mạng nhện. Tôi trèo lên đỉnh đồi. Một ít khói và vài ngọn lửa nhỏ vẫn âm ỉ cháy từ mớ cây gỗ còn sót và các đống tro chôn vùi xác túp lều của bà Marta.

Chung quanh tôi hoàn toàn vắng lặng. Tôi tin rằng bây giờ tôi sắp gặp lại ba má tôi tại đây vì tôi nghĩ rằng dù đang ở cách xa bao nhiêu ba má tôi cũng phải biết những gì vừa xảy đến cho tôi. Tôi là con của ba má tôi kia mà! Vai trò của cha mẹ là gì nếu không đến với con mình khi nó gặp cảnh nguy khốn?

Có thể ông bà đang đến gần đâu đây, nghĩ thế tôi cất tiếng gọi lớn, nhưng chẳng nghe tiếng đáp lại.

Tôi cảm thấy lạnh và đói rã. Tôi không biết phải làm gì hay đi đâu. Ba má tôi vẫn chưa thấy đến với tôi. Tôi run lên và ớn mửa. Tôi phải tìm gặp bất cứ người nào. Tôi phải đi đến một ngôi làng.

Tôi bước khắp khả khắp khiêng tìm lối đi ngang qua đám cỏ vàng cuối thu tiến về phía một thôn làng xa.

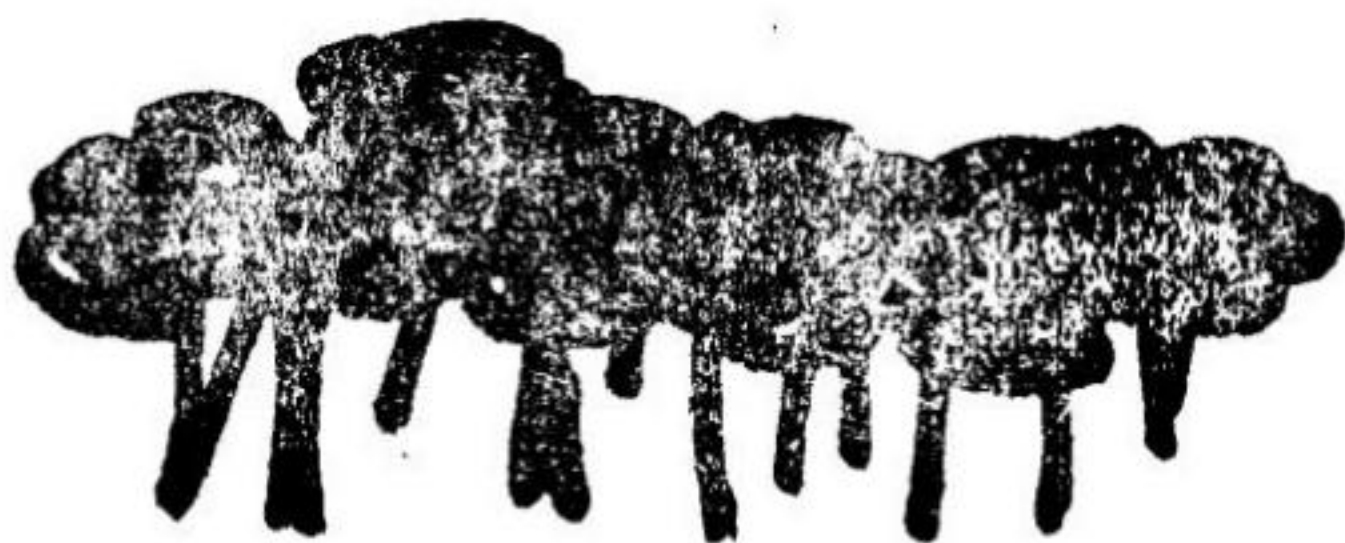
ĐINH HOÀNG SA dịch

ĐÃ PHÁT HÀNH :
THƯ VỀ
NHÂN BẢN CHỦ NGHĨA
của MARTIN HEIDEGGER

Cuốn sách huyền diệu bất ngờ, dành để suy
tư về Thời Đại và về Con Người Thời Đại.

TRẦN XUÂN KIÊM dịch, giới thiệu
TÂN AN xuất bản

giáng sinh năm ấy



truyện HỒ MINH DŨNG

Giáo xứ của ngài rộng và hoang vu nhất trong giáo phận, điều đó chẳng những không làm cho ngài lo ngại mà ngài còn sung sướng và hãnh diện.

Không ai biết tên thật của ngài, ở đâu người ta cũng gọi ngài bằng cái tên thánh giản dị : cha Gioan.

Trước khi đến nhận giáo xứ này ngài làm linh mục tuyên úy cho một bệnh viện, trong bệnh viện ấy có một căn phòng dành riêng cho những người điên, nơi ngài chú ý hơn cả và cũng là nơi mà khi xa nó, ngài thấy có nhiều vấn đề cần phải nghĩ tới, dĩ nhiên có một vài kỷ niệm khó khăn nào đó thấp thoáng trong cõi lòng mà có người ví như bãi sa mạc về chiều.

Ngày tôi mới đến, ngài đã tâm sự, cách đây không đầy một tháng cha đã ở với những người mắc bệnh điên, có một điều cha không thấy họ mắc bệnh gì cả. Tại sao gọi điên là một cơn bệnh, một cơn bệnh tại sao không có bệnh trạng, không có thuốc chữa. Cha coi họ như những con chiên... Tôi cũng góp ý kiến, con cũng đồng ý với cha, nên coi họ như những con chiên, dù là chiên ghê, chiên lạc đàn. Ngài điềm tĩnh, tiếng nói nghe xa vời, đã là chiên thì dù hoàn cảnh nào cũng mang linh hồn một con chiên, con chiên có nhiều ghê cũng không phải con chồn, con cáo được...

Nói xong, ngài gọi chú giúp việc pha hai ly cà phê và trải ra trước mắt tôi một tấm bản đồ, ngài nói :

— Con thấy đây, những vòng chi đỏ là thuộc về giáo xứ của cha, đây là đầm, đây là cồn cát, đây là đồng ruộng hy vọng cha về là không để cho lòng lác mọc, đây là những hố bom, đây là nghĩa địa, đây là làng mạc, người ta không đánh dấu số lượng của các ngôi mộ trong nghĩa địa này nhưng cha đoán là nhiều lắm, con hiểu chứ ?

Tôi gật đầu vui vẻ tiếp nhận, cảm ơn cha, con hiểu.

Đặt ly cà phê lên môi, uống từng ngụm nhỏ, mắt cha không rời vạc nắng đan chiếc lưới vụng về trên bãi cỏ non, hân trí cha lúc đó còn nghĩ tới những đám mây bay trên trời, những con chim sâu chuyển từ cành hoa giấy này đến cành hoa giấy khác. Tôi cũng đặt ly cà phê lên môi. Chiều xuống, ngày thoi thóp thở.

Nhìn tôi uống một cách ngon lành, ngài hỏi :

— Con hút thuốc không, cho cha một điếu.

Tôi mời ngài và bật hộp quẹt. Ánh lửa soi sáng một phần căn nhà vừa mới quét vôi và làm rạng rỡ thêm vầng trán cao rộng của ngài. Nhả khói lên trần nhà, ngài nở một nụ cười :

— Lúc nào cha cũng yêu tuổi trẻ, thích chan hòa với nó. Con đừng có ý nghĩ là tâm hồn cha đã già cỗi nhé. Hồi còn ở đại chủng viện, thỉnh thoảng cha về phố thế nào cũng tìm cách vào tiệm uống một tách cà phê, ngồi ngắm cảnh phố phường, tiệm nào ở bên bờ sông càng tốt, cha thấy Chúa ở trên sông, trên lá cây. Chúa ở khắp mọi nơi mà. Ngày lên thầy sáu, khi nhận thấy mình khó lòng mà về đời được, cha bắt đầu làm thơ, dĩ nhiên là trước đó cha thuộc lòng hầu hết những bài thơ tiền chiến. Thơ cha làm chỉ đề ca ngợi mấy con đường trong nghĩa địa nhà dòng, tặng cho các cha chết già những bài kinh mà hội thánh chưa làm đề đọc. Tóm lại cha là một người nghệ sĩ, chính vì thế mà cha viết thư yêu cầu con về đây ở với cha, trước phụ giúp cha trên đường truyền giáo, sau...

Ngài ngừng lại đột ngột và tôi cũng không muốn ngài nói hết câu. Tôi cắt ngang :

— Thưa cha, con là một người ngoại, làm sao con giúp cha truyền giáo được.

Ngài cười nhẹ nhàng :

— Điều đó, cha sắp sửa nói với con. Chính những lúc con ở bên cạnh cha, ăn cơm với cha, đi với cha, bàn bạc việc đời với cha, đó là những lúc con đại diện cho cha, nói lên tiếng nói của cha, chắc con cũng đồng ý với cha rằng, cái thế gian tuy rộng lớn này nhưng chỉ có một bầu trời, tất cả đều ở dưới mái nhà khổng lồ ấy, tất cả là anh em. Có ai trong loài người dám nói mình không phải là con của Adam đâu.

Tôi trình bày tiếp :

— Và thơ con, chỉ đề ca ngợi những cuộc tình.

Ngài thoáng một chút ngạc nhiên :

— Tình đẹp dễ hay tình dở dang?

— Thưa cha, loại nào cũng có. Thơ con diễn biến theo tình chất những cuộc tình đến rồi đi trong đời con.

Suy nghĩ một lát, ngài gật gù :

— Cũng tốt. Tình yêu vun xới cho mặt đất tốt tươi thêm. Rất tiếc, trong kinh thánh không nhắc đến những mối tình của Chúa Giê-Su nhưng cha tin chắc chắn ngài là một người giàu tình cảm.

Nhìn những cụm núi đứng xa mờ, sương chiều cắt ra từng mảnh, ngày như còn trình diễn một bản nhạc cuối cùng ở đâu đó. Nét mặt người linh mục bỗng trở nên cần cỗi :

— Mấy mươi năm về trước, khi chưa thọ phong chức cha, một mối tình chợt đến với cha, nhưng con biết những gì xảy ra sau đó không... Cha phải tự đào một cái huyệt để chôn nó...

Ngài cũng nhìn ra ngoài hàng hiên như tìm kiếm lại những cảnh vật ban chiều. Bóng tối thì thầm bắt đầu nổi hân hoan của đêm. Một hồi chuông khởi đầu bằng mấy tiếng rì rạc. Nền trời thấp thoáng sao. Đôi mắt ngài đốt cháy sâu thẳm, con còn thuốc không, mời cho cha một điếu nữa, trời đã bắt đầu có gió mùa thu sao, suốt cả tuần này cha không nghe một tiếng chim hót, con đợi cha một chút, cha đọc vài kinh cảm tạ rồi ăn cơm.

Ngài bước vội ra hành lang. Chút ánh sáng đầu điếu thuốc không đủ sức cản nổi đám bóng tối quái đản chạy đuổi theo ngài. Gió thổi mạnh lay động hầu hết những thân cây bên ngoài. Một

cơn mưa lại đến, cũng như hồi chuông mai táng một ngày, khởi đầu bằng những giọt lơ đãng. Tôi lắng tai nghe, tiếng gì nức lên trong gió, vĩnh biệt em... vĩnh biệt cõi đời này... kiếp sau xin em nhìn ra tôi... Rồi những tiếng sau đó mất hút đi, với vợ. Và, ngài trở vào, dưới ánh nến mới đốt lên, đôi mắt ngài như có những hạt mưa tinh khiết vừa đậu xuống.

Ở với ngài, ngoài việc dạy dỗ đám học trò quê mùa, thơ ngây, tôi còn đi theo ngài về những vùng thôn quê hẻo lánh những chuyến đi mà ngài thường ví, đem hạt giống tôi cho cánh đồng đang bỏ hoang. Một học sinh vừa rời ghế nhà trường, sinh trưởng nơi thành thị, hẳn tôi chọn lựa và mến yêu cuộc sống của dân lành, hay ít ra cũng gần gũi được họ. Và cũng từ giai đoạn đó, tôi chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện làm thơ nữa. Cha Gioan đã nhiều lần thôi thúc tôi nên làm thơ, ngài nói, giục giã lên kéo ngày tháng sẽ hết. Tôi hiểu ý ngài muốn nói đến tuổi trẻ, sợ tuổi trẻ sẽ qua đi. Để cảm ơn cha, tôi cố làm sống lại cảm xúc của mình giữa thiên nhiên, nhưng nỗi cảm xúc đó không bao giờ thành những vần thơ được. Rồi chiến sự xảy đến. Khởi đầu bằng một câu chuyện vào đêm giáng sinh năm ấy...

Cũng như hàng năm, bầu trời đen đặc mây mù. Có những đám mây về lợp mái trắng cho tháp chuông từ buổi chiều. Khí trời lạnh lạnh vừa đủ để cho cây cối cảm thông với người. Thời tiết như chỉ có một bồn phận duy nhất để nhắc nhở cho đời người vạch những đường ranh giới quá rõ rệt cho từng giai đoạn cuộc sống. Chúng con có nhìn thấy không, bóng hoàng hôn đang chạy đuổi theo sau lưng ta, có một bàn tay nào đó đang cầm cái cọ với lon sơn trắng chờ quét lên mái tóc ta... Trong thánh đường cũ kỹ này có ai nghe những lời tha thiết của ngài thì bây giờ chắc hẳn phải dừng lại một giây phút nào đó trước thánh đường để nhìn lớp sương mù đậu phủ trên máng cổ lộ thiên, ở đó người họa sĩ có ẩn ý cho mọi người thấy rằng ngay trên cánh đồng Bê-lem lịch sử thời tiết vẫn là yếu tố quan trọng để nhắc nhở đến đoạn chót của cuộc sống nhân loại.

Bên trong căn nhà của cha bốn sở nhờ những ngọn đèn nền tỏa chiếu êm dịu, chúng tôi tìm lại không khí hân hoan xa cách với màu trời bên ngoài.

Sau lễ nửa đêm, chúng ta đang quây quần ăn reveillon thì đột ngột ngay giữa cửa chính hiện ra một người.

Tất cả chúng tôi đều đứng phắt dậy ngạc nhiên, chờ đợi. Dường như tôi là người đầu tiên có cảm giác mình đang đối diện với một địch thủ hay ít ra là đang nhìn thấy một kẻ thù. Không biết cha Gioan nghĩ thế nào trong một thái độ vô cùng điềm tĩnh khi ngài mở một uý cười hướng về người lạ mà người ấy đang mang trên mình một khẩu súng AK và nhiều đạn được trang bị.

Mấy phút nặng nề trôi qua, người lạ cất tiếng :

— Thưa cha tôi muốn gặp cha.

Không do dự, ngài vui vẻ :

— Mời anh cứ vào.

Người lạ vừa bước chân lên bậc tam cấp thứ nhất bỗng trượt xuống ngay :

— Thưa cha, tôi muốn gặp cha ở ngoài.

— Vâng.

Trước khi đi theo người lạ mất, ngài ân cần dặn chúng tôi :

— Các con cứ tiếp tục nhé. Trong phòng ngủ cha còn nhiều đèn cây lấy đốt lên, chờ cha.

Khi hai người tan vào đêm, chúng tôi mới kết luận đại khái rằng, đó là một người cán binh Cộng sản, tuổi quá trẻ, nói giọng Bắc, vân vân. Và, mỗi người đưa ra một lập luận, có người lo sợ cho số phận của cha Gioan, hoặc bị thủ tiêu, hoặc bị bắt đi, hoặc bị đấu tố, cảnh cáo, có người kinh nghiệm thời cuộc hơn cho rằng đã đến lúc phía bên kia bày tỏ thái độ, ít ra cũng buộc ngài rời khỏi giáo xứ này, trả lại ngôi thánh đường cho hoang vu, cỏ lác. Nhưng tất cả chúng tôi đều tin tưởng ngài trở về trong đêm. Những ngọn nến hồng tiếp tục đốt lên để chờ ngài. Con chim sáo trong chiếc lồng treo ở hàng hiên cất tiếng, đây là lần đầu tiên tôi nghe nó hót trong đêm. Mưa rơi xuống và ở xa tiếng súng vọng về.

Đúng như lòng mong ước của chúng tôi, gần một giờ sau, cha Gioan trở về bình an vô sự. Áo quần và tóc cha ướt đầm mồ hôi và nước mưa. Bước vào nhà với nụ cười bình thường ngài kêu chúng tôi đốt thêm vài ngọn nến nữa. Chúng tôi xúm lại bên ngài hỏi han tin tức. Ngài nói, hãy thông thả, không có gì quan trọng, các con hãy tiếp tục bữa tiệc, đêm nay phải là đêm cứu rỗi.

Gần mãn tiệc, ngài mới bắt đầu :

— Anh ta đúng là một cán binh cộng sản xâm nhập, năm nay 17 tuổi, còn một mẹ già ở ngoài Bắc, anh gặp cha để xin xưng một vài tội mà suốt thời gian ở giữa rừng sâu không biết xưng với ai. Những tội của anh cha dĩ nhiên không thể tiết lộ cho ai biết. Cha cũng đã nhân danh Chúa để giải tội cho anh và cầu chúc anh may mắn. Dù sao cha vẫn lấy thiên chức của một linh mục để cư xử.

Tôi hỏi chen vào :

— Thưa cha, rồi người cán binh ấy đi đâu ?

— Cha không biết được nhưng anh ta có hẹn sẽ ghé thăm cha trong tòa giải tội.

Một lúc sau, ngài hỏi :

— Chúng con có nghe con sáo hót không ?

— Chúng con đều có nghe.

— Lúc ở trong tòa cha cũng có nghe nó hót. Lạ quá nó cất tiếng hót cùng một lúc người cán binh khóc. Anh ta có hỏi cha một câu : trong cựu ước có nhiều đoạn cổ võ chiến tranh phải không cha ? Cha chưa kịp trả lời thì anh đã từ giã ra đi. Như vậy, cha phải mang một món nợ.

Nhìn lại một lượt mấy ngọn nến, ngài tiếp :

— Trời chắc cũng đã gần sáng, đêm nay dài thật.

Rồi ngài đứng dậy bước vội ra ngoài khi trở vào ngài xách theo cái lồng chim trong ấy có xác con chim sáo đã chết. Mấy giọt máu còn nguyên màu, chưa khô đọng trên nền lông sắt.

Trước những đôi mắt ngạc nhiên của chúng tôi, cha Gioan vẫn bình tĩnh như không xảy ra chuyện gì.

— Thưa cha, tại sao cha giết nó ? Tôi hỏi.

— Không, cha không giết nó.

— Hay là người cán binh trở lại giết nó ? Bạn tôi đặc nghị vấn.

Cuối cùng ngài mỉm cười :

— Trời lạnh quá nó phải chết. Chúng ta cứ tin như vậy.

Ánh nến tàn cuối soi vào những giọt máu long lanh như đổ thêm vào đó một màu đỏ thật tươi.

HỒ MINH DŨNG

TÌM ĐỌC :

MÀU XANH ĐANG LÊN

Truyện dài thứ nhất của nhà văn nữ

LÊ HẰNG

do NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

Được mời cộng tác với nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng, nữ sỹ Lê Hằng đã cân nhắc trong số các tác phẩm chưa xuất bản, để cuối cùng lựa chọn truyện dài ưng ý nhất





đêm thánh vô cùng

truyện

TRẦN HOÀI THU

Bốn chàng thanh niên : áo ấm kéo cao tận cổ, co ro run rẩy bước theo con dốc xuống bờ hồ. Trời của đêm Giáng sinh đầy sao, và trong suốt như đáy cốc thủy tinh màu sẫm tối. Gió nghe lộng trên đồi, rồi lướt xuống lưng, ri rào trên những đợt thông cao. Gió thật lạnh. Cả bốn co rúm trước những cơn gió tê buốt ấy, tuy nhiên họ cũng vẫn chạy theo con dốc, những bước chân ngờ nghệch như trẻ con. Tiếng cười nói thỉnh thoảng lại vang lên, làm cõi đêm bỗng dưng bị bùng vỡ trong giây lát, rồi trở lại cùng vẻ im lặng cổ hữu.

Trong khi đó, thành phố như mở rộng cánh cửa từ lâu khép kín. Ngày trước, để chừng vào lúc màn đêm vừa buông xuống, là các con đường đã trở nên vắng ngắt các nhà hai bên đường coi như đã khép chặt, chỉ còn lại là vài ánh đèn mờ nhạt từ trong một vài quán cà phê, hay vài bóng người thích lang thang trước những cơn gió cắt da cắt thịt. Nhưng đêm nay lại khác. Rõ

ràng, hầu như mọi người thị dân đều tuôn đổ ra đường, quần áo mới, nụ cười tươi, gương mặt rạng ngời, dưới những ánh đèn rực rỡ được thắp lên chào mừng đêm giáng sinh. Và thành phố đã chẳng khác một ngày hội. Máng cỏ, đèn hoa. Những cây Noel rực rỡ màu sắc, và đồ chơi. Những cửa hàng vẫn còn đông nghẹt người dạo phố. Quán cà phê đã thay bằng nhạc thường lệ để trời lên một băng cho ngày Giáng sinh. Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời, Chúa sinh ra đời... Tiếng hát đã hòa cùng niềm vui của một thành phố được coi là mang nhiều vẻ quý phái và sang trọng nhất. Chính niềm vui mừng rộng lớn từ lòng người đến lòng vũ trụ đã khiến những kẻ xa nhà như bốn chàng thanh niên kia phải tức tốc mang áo ấm từ già khu nội trú. Đó là bốn chàng sinh viên, từ những nơi xa kéo về trú ngụ. Và tuổi trẻ đã làm bốn chàng hăm hở, quên cả rét lạnh, quên cả nỗi cô độc của một kẻ xa hương, để mà lang thang xuống phố. Họ đã vượt bộ gần bốn cây số mới đến trung tâm. Họ vừa bước vừa mang vào lòng một nỗi ngất ngây của một đêm thiêng liêng trọng đại. Họ đã thấy được thế nào là một đêm Thánh. Tuồng như mọi người mà họ gặp đều tỏa ra một vẻ dễ mến hết sức. Tuồng như những gương mặt trẻ con đều phảng phất một vẻ đẹp thiên thần. Và những cô con gái đều là những nữ tu hiền dịu. Một thằng bỗng thốt lên :

— Giá đêm nào cũng như đêm này thì tuyệt vời quá nhỉ.

Yên lặng. Không ai trả lời câu nói của hắn. Một lát có tiếng hỏi :

— Đứa nào còn thuốc lá không ?

Một đứa nói có, rồi trao bao thuốc cho thằng hỏi. Một que diêm được thắp lên và hai thằng áp mặt vào ánh lửa. Lại một tiếng nói :

— Tao nghĩ rằng thành phố này đã bị ảnh hưởng nặng đời sống Tây Phương rồi. Hình như nơi này chỉ dành riêng cho giới thượng lưu.

— Không, theo tao quan niệm, ít ra đất nước mình phải có một nơi này để trở về.

— Trở về ?

— Phải. Trở về để nhìn má đỏ môi hồng. Được uống cốc

cà phê trong bóng tối, được nghe nhạc thánh ca. Được đắp mền tận hưởng một giấc ngủ.

— Ngoài ra, còn để tận hưởng những cơn đói cùng tận của những thằng sinh viên xa nhà đói rách, hay những lần cô đơn muốn tự tử. Lời pha trò đã làm cả bọn cười. Tiếng cười rộn rã và đồng loạt đã làm đám người đi ngược trở nên vui lây. Và rồi, một giọng nói con gái trời lên, tinh nghịch :

— Coi kia, mấy ông con trai, có gì vui mà cười quá thối.

Lại những tiếng cười tiếp sau đó. Những tiếng cười trong và rũ rượi. Đứng bọn thanh niên, một chàng đáp lại bằng cách la lên :

— Bọn tui cười thì mặc bọn tui. Có chi mô mà mấy o thắc mắc ?

Giọng Huế pha khôi hài của hắn đã làm cả bọn con gái lại một phen cười nữa.

— Nhưng tiếng cười của mấy ông có vẻ chỉ là lạ...

Một thằng tính đáp lễ, nhưng thằng khác đã chặn ngang kịp thời :

— Đừng có sa vào cái bẫy. Mà biết « có vẻ chỉ là lạ » mà mấy nàng gọi mình là gì không ?

— Không.

— Là giống con đười ươi. Các nàng muốn ví mình với một giống đười ươi, coi chừng sa vào bẫy...

Cả bọn đi dưới ánh đèn nhiều nến. Con gái : bốn đứa. Một thằng vội la lên. Quả thật là tình cờ. Ngược lại, theo các nàng, mau lên. Một đứa khác dục. Rồi ba thằng vội vã đuổi theo tiếng cười khúc khích và quấy rầy kia. Chỉ có một chàng thì bước theo chậm rãi, chẳng buồn hòa nhập vào bầu không khí dễ thương của tuổi trẻ, cũng chẳng cần để ý đến những tiếng trao đổi tinh nghịch của cả bọn. Hình như đó là bản tính của chàng. Nếu người ta nhìn vào, người ta sẽ đoán được chàng là một người ít nói, sống bằng nội tâm, hay hơn thế nữa là một nhà thơ. Người ta chỉ việc nhìn sự côi cút của chàng cho dù chàng đang có mặt bên những người bạn tinh nghịch. Lưng chàng khẽ khom xuống, châu thân co ro trong chiếc áo ấm cơ hàn, và mái tóc bay tự do như mây trời, trước những cơn gió mạnh từ bên kia hồ thổi qua.

Có một lúc nào đó, chàng lại nhìn lên bầu trời đêm, và chú ý đến những vì sao. Trông chàng như một con người cô đơn, đi trong đêm để tưởng nhớ những gì thân yêu đã mất.

Còn bọn con gái, cũng có một cô bé đang đi một mình côi cút. Lúc bọn con trai vượt qua, rồi chậm lại để trò chuyện với bọn con gái thì cô bé kia bỗng nhiên tách rời và đi chậm lại. Thế là không hẹn mà gặp, người sinh viên côi cút đã tiến sát cạnh cô bé, để chừng họ đi song đôi với nhau. Tuy vậy họ không thốt nên một lời nào cả. Trong khi đó sương đã giăng phủ dày đặc, ánh đèn đường chỉ là một vật mỏng, cho đến những vì sao cũng trở nên nhòa nhạt, trên đồi cao, bóng những cây thông không còn nhận ra nữa. Sương mỗi lúc mỗi phủ đầy, khiến hai kẻ đi sau không còn nhận ra bọn trai gái đang đi đằng trước nữa.

Và để phá tan bầu không khí im lặng lẽ thê ấy, chàng hỏi trước :

— Sao cô bé không chịu gia nhập cuộc vui của bạn ?

— Còn anh ?

Chàng nhún vai :

— Tại tôi không thích.

— Em cũng vậy.

— Như thế, hai đứa mình đã hợp nhau rồi.

Chợt người con gái hỏi :

— Gần đến giờ Chúa ra đời chưa anh nhỉ ?

— Tôi không có đồng hồ. Nhưng có lẽ gần đến rồi. Cô bé không thấy người ta đang tụ về ngôi giáo đường mỗi lúc mỗi nhiều sao ?

— Vâng. Em thấy. Và lát nữa, em cũng có mặt tại nhà thờ ấy.

— Còn tôi, tôi là người ngoại đạo.

Rồi chàng ngửa mặt lên bầu trời, vừa nói vừa cười :

— ... nhưng tôi tin có Chúa ngự trên cao...

Đêm càng lúc càng dày. Và bầu trời càng lúc càng thấp. Tiếng gió nghe lộng suốt cả con đường tối. Vô tình hai đứa đi sát vào nhau. Họ không còn để ý đến lũ bạn. Họ cũng không còn để ý đến con đường dẫn lên cao, mà ánh trăng lung linh cả một nền trời, in đậm những hàng thông xoắn tóc. Riêng người con gái, nàng đã quên nàng là giọng hát chính của buổi lễ nửa đêm. Hình

như có một mối giao cảm đặc biệt đã kết hợp lấy đôi trai gái, cho dù họ chưa bao giờ dám nói ra chữ tình yêu. Cho dù, họ vẫn còn e ấp, ngược ngàng khi bước cạnh nhau. Họ đã cảm nhận ái tình. Họ đã cảm ơn Đêm huyền nhiệm. Chúa đã ra đời ban bố tình thương yêu cho nhân loại. Và Chúa đã ban bố cho hai người nam nữ trong đêm này một đặc ân. Tuy vậy, cô ca sĩ có giọng hát thánh tại nhà thờ kia đã không đến đúng hẹn. Không ai biết được điều đó. Chỉ có đôi thông, chỉ có ánh trăng lai láng, và con đường tình sử mới thấy rõ sự bí mật của một con chiên ngoan đạo.

Hai người đã dắt nhau lên đồi. Bóng họ in trên một nền trăng giữa những bóng thông già. Càng lên cao, trăng càng sáng vằng vặc. Ánh trăng tắm lai láng mái tóc đen mượt của người con gái, và làm rạng rỡ một gương mặt thùy mị học trò. Tuy là nửa đêm, nhưng đôi má cô bé trở nên đỏ hồng, do cuộc trêu đùa và cũng bởi cuộc hẹn hò đầu tiên trong đời nàng. Đôi lần nàng muốn ngã vì con dốc lạ, nhưng chàng đã sẵn sàng nâng đỡ, dìu nàng tiến lên cùng cỏi trắng. Những lần ấy, hai người lại vô tình gần nhau lần đầu tiên, nàng tỏ vẻ xấu hổ, mặt cúi xuống, da thịt nóng ran. Nhưng đến lần ngã thứ hai, nàng đã bót đi nỗi thẹn thùng, dấn mặt vào ngực chàng. Họ đã trở thành một đôi tình nhân thực sự. Hai chiếc bóng lẻ loi ấy đã thật sự khắng khít giữa cỏi trắng. Và cuối cùng họ đã lên trên đỉnh đồi, trong khi màu trăng pha với màu sương mù, tạo thành một màu ánh sáng trắng bạc. Rồi người con gái dường như thấy rõ nỗi nhiệm mầu của một đêm vô cùng, đã chạy tung tăng trên đồi thông. Chiếc khăn quàng bằng lụa mỏng phơ phất cùng mái tóc. Rồi nàng đứng lại, đôi mắt sáng dưới ánh trăng, miệng nở nụ cười như hoa :

— Đêm đẹp quá anh nhỉ

Người con trai đã đến bên nàng. Chàng trả lời :

— Đúng, quả là một đêm Thánh vô cùng.

— Em cứ ngỡ như ở một nơi nào.

— Một nơi dành cho những người yêu nhau.

Rồi chàng kéo nàng vào lòng, vuốt nhẹ trên mái tóc mềm của người yêu :

— Chúng mình nên cảm ơn đêm nay.

— Chúng mình phải cảm tạ Chúa.

— Đúng. Phải cảm tạ Chúa.

Một lát, như nhớ lại nhiệm vụ của mình, nàng lại thốt lên :

— Chắc giờ này, các cha đang cho người đi tìm em. Ban hợp ca nhà thờ thiếu em phải bối rối lắm.

Rồi nàng khẽ trách :

— Cũng tại vì anh hết cả.

Lúc ấy, dưới chân đồi, bỗng vang lên tiếng gọi la ơi ơi. Lũ bạn đang đi tìm và ngỡ ma quỷ bắt cũng nên. Nhưng hai người đã không đáp lại. Họ ôm chặt lấy nhau dấu người sau một lùm bụi. Đôi mắt họ mở rộng, như hai con thỏ đang tìm đường trốn thoát. Quả đó là một cuộc chơi. Người con gái đôi mắt lo lắng, nhìn xuống đồi. Chỉ có người con trai thì bình tĩnh hơn. Chàng xiết chặt tay bạn như chuyển mọi hơi ấm. Rồi chàng khẽ nói :

— Không sao đâu em. Họ không lên đây đâu.

Nàng thì thào :

— Em lo quá. Lỡ họ gặp...

— Họ gặp thì sao ? Ai cấm chúng ta yêu nhau.

— Nhưng mà mắc cỡ chết.

Dưới đồi, tiếng la trở nên loãng dần rồi tắt hẳn. Chắc là bạn đang tìm một nơi khác. Người con gái thở một hơi mạnh, nhưng vẫn còn lo lắng :

— Họ đi rồi chưa anh ?

— Họ đã đi rồi. Bây giờ, chúng chắc ngỡ ma quỷ bắt mình đi rồi.

Người con gái đứng dậy, phủi quần áo, rồi cười thật tươi :

— Vui quá anh nhỉ. Mình ngỡ như thời thơ ấu.

— Thời bọn mình trốn cha mẹ.

— Anh có bao giờ trốn cha mẹ chưa ?

— Có Nhiều lắm. Nào là trốn học, trốn nhà để đi về miền xa, bắn chim sẻ, bắt dế mèn, trèo hái trái cây, hay đi tắm biển...

— Riêng em thì chưa bao giờ.

Nàng nhìn lên đôi mắt chàng, nói thật tha thiết :

— Chỉ có lần này là lần đầu tiên. Cũng vì anh...

Câu nói của nàng đã làm chàng cảm động. Chàng lại kéo nhẹ nàng vào lòng, ngất ngây cùng hương vị hạnh phúc. Chàng thầm thì :

— Anh cảm ơn em. Anh sẽ không bao giờ quên được Đêm giáng Sinh này. Em xem, chuông nhà thờ đã bắt đầu đổ, để đón chào hạnh phúc chúng ta.

Rồi chàng áp mặt vào mái tóc người yêu. Mái tóc đã ướt đầy sương. Đôi vai người con gái bé nhỏ bật lên run rẩy, như một con nai hiền vô tội. Chàng nói như một giấc mơ :

— Trên thiên đàng, chắc thiên thần đang nhã nhạc. Và ở một cõi trời nào đó, có đàn cừu đang trở giấc với Chúa Ba Ngôi...

Đêm đã làm hai người quên cả hiện hữu. Ánh trăng trong sương mù loang loáng một màu tái xanh hơn, và từ phía dưới đồi, chuông vẫn tiếp tục ngân lên từng hồi. Đêm đã khiến họ tìm được tình yêu đích thực. Trong khi đó, những hàng thông tiếp tục nhã điệu nhạc trời. Trong trời đất đêm nay, mọi vật dường như sống dậy.

Rồi một động lực nào đó, khiến nàng tự dưng bật lên lời hát. *Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời, Chúa sinh ra đời, nằm trong máng cỏ bên hang lừa...* Chàng nghe nàng hát, mà mắt nhắm lại. Nỗi kỳ diệu và nhiệm mầu của không gian, thời gian, đã khiến chàng muốn chết tức thì cùng với tiếng hát. Trái tim khô cạn tự dưng bừng nóng. Giòng máu để chường nguội lạnh cũng được sưởi ấm hơi rượu nồng. Tuy nhiên, trí não chàng thật tinh khiết. Tâm hồn chàng cũng thật trong sạch. Tinh khiết và trong sạch như cõi đêm Thánh khiết này. Và lời hát của nàng chọt vút lên cao, như chạm vào lớp mây mù, như cuống quít cùng những ngọn thông già, để nhập vào một vầng trăng huyền hoặc hư ảo. Nàng vẫn say mê hát. Nàng hát đề ca tụng Chúa giáng sinh, cũng như đề ca tụng một chuyện tình. Chưa lần nào nàng lại xuất thần như vậy. Cho dù, tiếng hát của nàng, là tiếng hát chính của nhà thờ. Cho dù giọng hát của nàng là giọng hát mà các linh mục ưa thích nhất. Bởi vì những lần ấy, nàng chỉ hát đề mà hát, thố

thời. Nhưng rõ ràng bây giờ, trên đỉnh đồi quanh vắng, trong màu trắng huyền ảo, trọn tâm hồn nàng đều dành cho Chúa, cho người yêu.

Hai người đã ở lại cho đến khi tiếng gà dưới đồi vọng lên. Đã 4, 5 giờ sáng cũng nên. Bây giờ, châu thân nàng bật lên run rẩy vì gió sớm và sương mù. Chàng cũng vậy. Hai người vừa xuống đồi vừa quần quít, sưởi ấm cho nhau, bằng những vòng tay khẳng khít. Họ cố chuyển hơi thở lẫn nhau. Họ vừa bước xuống, vừa hôn, những nụ hôn rất dài.

Họ trở về khi những người đi lễ sớm đã xuất hiện ngoài đường. Nàng kéo chàng tìm lối đi dưới hàng thông để tránh những con mắt trần gian. Trông nàng tội như một con chiên phạm lỗi lần đầu. Vào một lúc nào đó, nàng thầm thì :

— Thôi, anh về đi. Em sợ người ta bắt gặp Chàng cầm chặt bàn tay nhỏ nhắn của nàng :

— Cứ để cho người ta gặp. Có gì đâu em ?

— Em sợ. Em cảm thấy sợ rồi.

Rồi nàng gục đầu vào ngực chàng :

— Chắc đêm qua cả nhà đồ xô tìm em. Các cha cũng vậy. Bởi em là người hát chính trong ban thánh ca.

Rồi nàng lại gỡ bàn tay người thanh niên :

— Em van anh. Anh hãy về. Để khi khác, mình gặp lại.

Sau đó, nàng bỏ chạy. Chàng đứng trông theo cái bóng nhỏ mềm mại ấy mất dần trong sương mù. Sau đó, chàng lại bước theo nàng. Chàng đã thấy ngôi nhà ván, và khung cửa kính sáng loáng ánh điện. Chàng lại nghe tiếng la, tiếng hét và tiếng khóc. Từ dương chàng cúi đầu, buồn bã quay lại... Tiếng chuông lại dục đã kéo giờ lễ sớm... Chàng bước từng bước chậm. Khi đến trước cổng giáo đường, chàng dừng lại rất lâu. Chàng sẽ cầu nguyện cho hạnh phúc của chàng. Hạnh phúc mà Chúa đã đặc ân ban xuống cho nhân loại : tình yêu...

Trở về và ra đi. Trở về như một người con mất quê hương và ra đi như một kẻ bất cần. Em xa cách, chiều hôm nay, anh đã trở về và lại ra đi như thế. Đêm nay là đêm Giáng Sinh, anh hẳn biết được điều đó, nhưng ở chỗ này, anh chẳng còn mái nhà để thấy lại một niềm ấm cúng mà anh bao năm thêm khát. Ở chỗ này, anh chẳng có con đường tối, để anh được dìu em đi lễ nhà thờ, và được cầu nguyện trong buổi lễ nửa đêm. Ở chỗ này, chẳng có gì để anh thấy mình được sống lại một giờ một phút, bằng tiếng phong cầm, bằng những lời kinh, bằng gương mặt thánh khiết như một con chiên ngoan ngoãn của em, bằng những ngọn đèn nến, và những bài thánh ca từ trong một giáo đường tối lạnh, bằng những ngọn nến hồng trên máng cổ, hang lừa. Anh đã trở về và ra đi. Ra đi, không phải bất cần, mà trái lại, mang theo trong tâm hồn mình một mùa Giáng Sinh vĩnh cửu.

Phải rồi, anh đã có mặt tại một nơi chốn cũ. Mấy năm xa cách ngỡ rằng thời gian là một liều thuốc chữa bệnh nhiễm màu, ngỡ rằng số tuổi, gió sương, trường đời, manh áo, miếng cơm đã làm chai sạn con tim mình, nhưng rõ ràng, anh đã phải thua cuộc. Bởi vì, có sống lưu lạc như anh, có lấy gió sương làm chiếc áo khinh cừu như anh, có xuôi ngược dặm trường như anh, người ta mới hiểu mà tha thứ cho anh. Anh đang đi tìm một dư niệm. Kỷ niệm đã theo anh trên bước đường lưu lạc trầm luân. Ở một bậc thềm của cuộc sống, ngồi dựa vào khung cửa đời, anh bỗng nhận ra mình đang muốn sống và chết lại một giờ một phút. Đêm Noel, Đêm của nhân loại, Đêm của an lành, Đêm mà Chúa ra đời để chịu đau khổ cho muôn loài. Và nhân loại phải có bồn phận cảm tạ sự hy sinh của Chúa. Riêng anh, cho dù là một tên ngoại đạo, anh cũng phải cảm tạ Chúa, trăm ngàn lần hơn thế nữa. Anh phải cảm ơn cái đêm huyền nhiệm năm xưa. Anh phải cảm ơn một phép lạ nhiễm màu đã giúp anh đến với em, như giúp nhân loại khổ đau đến với Chúa. Chúa đã đến với chúng ta, như em đã đến với anh. Bàn tay yêu thương của Chúa đã dẫn dắt chúng ta vào lòng yêu thương của Chúa, như bàn tay của em đã dẫn anh vào một chỗ trú ngụ bình yên nhất của đời người. Đêm Noel đã mang con người ra khỏi trần lụy, để hướng về

Chúa, và ca ngợi Chúa cao cả vô biên. Và đêm Noel đã mang chúng ta tìm đến nhau với một chuyện tình thánh thiện, vĩ đại và tuyệt vời, để anh sẽ không bao giờ quên được trên giòng sông lạnh đẽnh của mình.

Em yêu dấu, em còn nhớ không đêm Noel năm ấy. Trời cao nguyên có anh lưu lạc trở về, đói rách lắm than. Anh gặp em vào đêm Noel, tại bờ hồ thành phố. Chúng ta đi cùng chung không ai nói lên lời giữa đám bạn bè huyền ảo, anh co ro lạnh, đốt thuốc dầu nổi rung động đại khờ, và em cũng rét run trong bầu hơi rét của sương và gió bao phủ. Chúng ta đã yên lặng đi bên nhau. Đầu tiên xa lạ, sau đó, đã trở thành đôi bạn làm quen. Bạn bè mỗi đứa đều có một cuộc vui riêng và chúng đã bỏ chúng ta để tìm những cuộc vui. Như vui nhộn giữa đám đông, tung những cánh hoa giấy lên mái tóc của các cô thiếu nữ, hay vào nhà thờ thành phố để ngắm nhìn các tà áo màu. Chỉ còn anh và em lang thang trên con đường tối lờng lờng gió từ đồi và mặt hồ thổi qua. Trên đầu chúng ta, là những chòm thông vàng thẫm dưới vầng trăng sáng. Trăng của đêm Giáng Sinh ấy quả là một huyền thoại. Ánh trăng như tắm cả mái tóc em, gương mặt em. Ánh trăng chiếu lên mặt hồ như một biển nước vàng rực rỡ, và ánh trăng càng thắm tươi ở con dốc mà chúng ta bước lên. Chúng ta đã đi theo tiếng gọi màu nhiệm của đêm Noel. Nhưng không phải là nhà thờ, là cuộc lễ nửa đêm, là những ngọn đèn sáp, hang lừa, hoa chùm gởi. Chúng ta cũng không phải theo rùng người thành phố đang tràn ngập suốt con đường đến giáo đường, mà trái lại chúng ta đang bước lên một cõi trắng lai láng màu nhiệm. Ở đó, có đồi thông rủ, có những bãi cỏ tắm sương mềm mại, có những hàng thông cao in bóng trên nền trắng. Ở đó, là một cõi thánh khiết, như cõi lòng chúng ta. Chúng ta mỗi đứa đều hiểu được điều đó. Và vì vậy, bàn tay anh nắm bàn tay em dịu lên, trong một thứ tình cảm trong sạch lạ lùng. Và vì vậy, em cũng như một con nai hiền, quên đi buổi lễ nửa đêm, quên đi vị trí của em, người ca sĩ chính trong ban hợp ca của nhà thờ. Anh dịu em lên cõi trắng vắng vặc ấy. Chúng ta bước lên trong tiếng gió đưa về tiếng chuông nhà thờ từ xứ, dưới đồi, và tiếng phong cầm mơ hồ nào

đó. Mỗi bước lên cao là mỗi bước đi vào một thế giới khác. Thế giới của tình yêu, thế giới của thiên đường. Chúng ta đã thấy thế nào là vòng tay bao dung của Chúa, ở đây. Vâng, chính Chúa đã dẫn dắt chúng ta vào lòng yêu thương của Chúa. Chúa đã mang cho chúng ta đôi mắt trắng, những vì sao, những bãi cỏ đầm sương. Chính Chúa đã ràng buộc lòng yêu thương của Chúa vào hai con tim chúng ta. Tuồng như, trong trời đất, có thiên thần đang mở lời ca ngợi, và ở một vì sao của phương trời Bết Lê Hem kia, có ánh mắt hiền hòa độ lượng của Chúa. Tuồng như rằng thông trên đôi mắt trắng đang buông lời cùng tiếng gió để nhả nhạc chào mừng. Và em như một người con gái ngoan đạo, hốt nhiên hướng lên vì sao ấy, đôi mắt nhắm lại cùng tiếng hát : *Đêm đông lạnh lẽo Chúa Sinh ra đời, Chúa Sinh ra đời nằm trong hang đá bên hang lừa...* Em đang ca ngợi Chúa và anh phải cảm tạ Chúa. Cho dù, anh là một tên ngoại đạo.

Anh cảm tạ Chúa đã cho anh một đêm Noel tuyệt vời. Anh cảm tạ Chúa đã làm phục sinh con tim lắm than rách nát của anh. Anh cảm tạ Chúa đã mang ý nghĩa tình yêu màu nhiệm. Hơn bao giờ anh phải kính cẩn để nói lên niềm cảm tạ chân thành ấy. Vâng, Chúa đã thương anh, như Chúa đã thương yêu nhân loại. Cho dù anh không có mặt trong ngôi nhà thờ thành phố, cho dù anh chưa biết đọc một lời kinh, chưa hưởng được một phép Thánh của một vị linh mục. Bởi vì, anh đã có một thế giới của riêng anh. Ở đó có em, nép bên mình anh, mà quên đi bốn phận người ta giao phó, ở đó, có đôi mắt trắng lai láng, mà ánh trăng pha sương mù long lanh trên mái tóc mềm của em. Chúng ta đã thấy rõ thiên đường. Chúng ta đã biết được thế nào là hạnh phúc dưới bầu trời bình lữ. Chúng ta đã quên hết mọi gương mặt khắt khe của loài người, những con tim thù hận của thiên hạ, những bó buộc của trường đời. Chúng ta đã thấy rằng, đêm nay, Chúa đã đến với chúng ta.

Vâng Chúa đã đến với chúng ta. Chưa bao giờ anh thấy mình trong sạch đến như vậy. Chưa bao giờ anh thấy mối tình của chúng ta cao vời đến như vậy. Tâm hồn anh như màu trắng trinh bạch kia. Và bên anh, em nghe anh kể chuyện. Chuyện tình

tuyệt vời. Kiều Giang. Chuyện tình Trương Chi My Nương của thời cổ tích. Và một lúc nào đó, em bỗng ngủ quên. Đầu em gối nhẹ trên vai anh. Đôi mi em khép nhẹ, vầng trán em thơm và phẳng lặng như một giòng sông. Anh cứ ngồi yên, đôi mắt nhìn lên cao, nhìn lên một vì sao ở cuối phương trời, trong khi bên tai anh vọng về bản Đêm Thánh Cô Cùng hòa lẫn trong tiếng chuông giáo đường rộn rã..

Đó chính là kỷ niệm vĩnh cửu mà anh mang theo trong một đời người. Đó chính là nụ hoa bất diệt để anh phải trở về Một mình lên đồi cũ. Và anh đã về rồi đó em ơi. Anh trở về để nhìn những chòm thông già, những sườn đồi đầy hoa mặt trời, hoa cúc dại. Anh trở về để qui gối xuống, mà hiểu rằng, em sẽ không bao giờ về với anh được nữa...

TRẦN HOÀI THU

SÁCH PHÁT HÀNH THÁNG 12-74

Tư Tưởng Hiện Đại

của BÙI GIANG

giảng giải

KIERKEGAAR • MALREAU • JASBERS
HEIDEGGER • NIETZSCHE

TÂN AN TÁI BẢN

có nhiều phần bất ngờ ly kỳ hơn 10 năm trước



mấy ngày trước giáng sinh

MANG VIÊN LONG

Tại X. tôi được Linh Mục Hiệu trưởng cho giữ chức giám thị của trường trung học S. Trường S. là một ngôi trường tư thục lớn vào bậc nhất nhì của X. Trường gồm hai dãy lầu, dãy bên phải dành cho học sinh đệ nhất cấp, cũng là khu cho nam sinh. Dãy trái, tầng trên là các lớp đệ nhị cấp chung cho cả nam nữ, và các lớp đệ nhất cấp nữ sinh. Dưới lầu, ở phòng tiền đường trống, kế bên phải là phòng của Giám học, phòng Hiệu trưởng. Cùng dãy này, phòng dành cho giáo sư được xây thêm bên cạnh. Phía sau, giữa hai dãy lầu, là văn phòng. Một dãy hàng rào gỗ ngăn chia khu vực học sinh và nhân viên làm việc. Tổng giám thị, giám thị, thu ngân, sổ sách, được chia ra từng ngăn riêng. Học sinh có thể liên lạc với từng phần hành bên này hàng rào gỗ, và cũng có thể từ cửa phía sau nếu cổng trường phía sau đã đóng. Trường có hai lối ra vào riêng : Cửa trước dành cho nữ sinh và giáo sư, cửa sau dành cho nam sinh. Trong giờ học, các cánh cửa đều được đóng. Có người gác coi sóc mở đóng khi đến giờ học. Chỗ tôi làm việc cạnh bàn của Tổng giám thị. Thường thì tôi thay thế Tổng giám thị, giải quyết hết mọi việc. Theo Linh Mục Hiệu trưởng, tôi phải quán xuyến như vậy, để nên khóa tới, tôi sẽ thay thế vị Tổng giám thị của trường, bởi vì này bận dạy.

Công việc thương ngay của tôi rất bận. Thường ít giám thị

mà học sinh trên bốn ngàn, tôi phải cực nhọc với những giải quyết nhiều lúc không là của giám thị nữa. Từ việc liên lạc với gia đình học sinh, tiếp xúc thân nhân, kiểm soát việc ghi điểm, kiểm diện, sổ phát, nhắc nhở trật tự, đến việc điều động công tác mỗi liên lớp, cấp giấy vào lớp cho học sinh vắng mặt hoặc đi trễ, giữ gìn sổ sách hồ sơ học sinh ; tôi cảm thấy công việc đã xoay tôi như một con vù. Nhưng tôi rất ham thích với công việc của trường học. Những sinh hoạt của nhà trường, tôi đều tham dự, và đôi lúc, đề nghị với Linh mục Hiệu trưởng những dự định mới mẻ khác, cốt gây được một không khí tươi trẻ, vui nhộn song song với việc học. Tôi tự đứng ra trông coi một tờ đặc san. Tôi tổ chức một ban văn nghệ. Những ngày lễ, tôi đã dành thì giờ để nói chuyện một đề tài nào đó về văn chương, hay giáo dục, cho học sinh của trường.

Tôi nhớ nhất là những ngày lễ Giáng sinh năm đó. Một tuần trước ngày tới hôm lễ chính, tôi cho phát hành ở các lớp một đặc san. Nhân ngày lễ, ngoài các phòng triển lãm tranh, đồ nữ công, bích báo của các lớp, tôi chuẩn bị một đêm văn nghệ thực toàn hảo. Đêm đó, tôi ở lại trại sinh hoạt liên hoan với các lớp mà không trở về nhà. Tôi bỏ lễ nửa đêm để nói chuyện với Lam.

Lam nói chuyện với tôi không được tự nhiên. Có lúc như sợ hãi, có lúc như ngượng ngập. Cũng có đôi lúc Lam tỏ ra nồng nhiệt, mạnh dạn, cứng rắn đến nỗi tôi không hiểu được nàng. Mở đầu, Lam có vẻ tránh né, hoặc đổi hờn, giận tức điều gì. Tôi không để ý, bởi vì, thực tình tôi không nghĩ gì về Lam ngoài việc cảm mến năng khiếu văn nghệ, đầu tóc demi garçon, vóc dáng nhỏ nhắn của nàng. Trong câu chuyện, dần về sau, Lam trách thẳng tôi. Nàng dùng mấy chữ « độc ác, lạnh lùng, vô tâm » để tỏ tình cảm của tôi với nàng. Tôi sửng sốt. Đến đây thì tôi đã hiểu được đôi phần thái độ của Lam lúc gặp tôi.

Tôi nhớ lại một lần Lam đi học trễ, vào xin giấy vô lớp, tôi đã quở trách nàng. Giống như những học sinh đi trễ khác. Lần thứ hai trong tháng, tôi không cho giấy phép vô lớp như lần trước vì Lam bị trễ quá mười phút. Nàng khóc. Tôi vì bận công việc không để ý tới. Thái độ Lam lúc đó ra sao, tôi cũng không biết. Hình như nàng đã nhìn tôi với cái nhìn vừa trách cứ, vừa

đổi hờn bằng khuôn. Thời gian sau, lúc tôi tổ chức một ban văn nghệ của trường, Lam làm trưởng ban văn nghệ đến gặp tôi ở phòng giám thị. Nàng có mặt trước mười lăm phút theo như giờ họp ấn định. Tôi có nói đôi câu với Lam, nhưng chỉ đề vui đùa, hoặc bởi sự cởi mở thường ngày. Tôi nhớ tôi đã khen giọng hát Lam. Khen đầu tóc demi garçon. Khen nàng dễ thương.

Một tuần lễ sau đó, lúc vào bàn làm việc, tôi nhìn thấy tập vở để sẵn tại đó. Tôi liếc nhìn tên lớp, rồi gọi một học sinh mang lên trả. Tôi nghĩ có lẽ tập vở của một học sinh bỏ quên, có người nhặt được thấy vào bàn giám thị, đề giám thị có việc làm. Khoảng hai ba ngày sau, tôi lại nhận thấy một tập vở khác nằm ở bàn. Lần này, vì trong giờ học, tôi thấy bỏ phía sau học bàn, chờ giờ chơi mới gọi trả lại. Tôi coi rõ tên, lớp, và tập vở học: Lê thị Kiều Lam, lớp đệ tam, vở vạn vật. Đến giờ chơi, tôi gọi học sinh cùng lớp, gửi trả cho học sinh có tên ghi ở nhãn, kèm theo lời quở trách nhờ nói lại. Lại thay đúng vào sáng thứ hai, tôi nhận thấy quyển vở (tập vở cũ, môn vạn vật) lại nằm sẵn ở giữa bàn. Bạn này tôi giữ tập vở, chờ giờ học, viết giấy gọi học sinh đến lớp kêu tên Lê thị Kiều Lam đến văn phòng giám thị. Lam đến. Ngượng ngập. Tôi đã nặng lời với Lam hôm đó. Nàng khóc. Giống như hôm đi trễ không xin được giấy vô lớp. Nhìn thấy Lam khóc, quả thực là tôi hơi hối hận. Nhưng với một trách nhiệm đã lãnh, tôi không dễ chịu như những lúc sinh hoạt văn nghệ Giám thị, đó là hình ảnh của một ông thầy tay cầm cái roi mây lớn, tay đặt sau đít, đôi mắt lờm lờm theo dõi học sinh. Còn tôi tuy chẳng đến thế, tôi không có cái roi mây, không có đôi mắt lờm lờm hung tợn kia, nhưng tôi phải có sự cứng rắn, nghiêm minh. Đời sống trong các chủng viện đã tập cho tôi một sự nghiêm khắc làm cho nhiều người khó chịu. Đời sống kỷ luật khép kín và gò bó cũng tạo nơi tôi sự hẹp hòi, đến như ich kỷ. Tuy vậy, tôi luôn xét tôi, và rất may, bản tính tôi rất cởi mở, phóng dật nên có thể tránh bớt va chạm với học sinh hay người bên cạnh. Buổi sáng trách mắng Lam đã đột nhiên biến tôi sống trở lại với cái ảnh hưởng cũ. Lầm lì. Cộc cằn. Nóng nảy bất chợt.

Đêm hôm đó, Lam cho tôi biết nàng muốn gửi cho tôi một

lá thư trong tập vở đặt ở bàn làm việc của tôi. (Những giám thị thuê ở ngoài phụ giúp tôi, đồng thời họ có một dãy bàn kê bên phòng chứa sổ sách). Tôi ngạc nhiên, có chút hối tiếc. Nếu tôi được đọc những lá thư đó? Tôi muốn thử coi nàng còn nói thêm điều gì nữa nên tỏ lộ sự ân hận. Tôi ân cần xin lỗi nàng. Lam đã xúc động khi nghe tôi nói thế. Nàng hết vẻ ngượng ngập hay lạnh lùng, bấy giờ tôi nghe thấy giọng nàng như một tiếng chim buổi sáng. Nàng nói biết tôi là thế nào, nhưng không hiểu sao lại yêu thương tôi. Hình ảnh tôi đã ám ảnh nàng rất nhiều, đến nỗi không học được. Nàng kể cho tôi nghe những giờ ra chơi, từ trên hành lang lầu một, nhìn xé xuống chỗ tôi ngồi mà tôi không biết. Mỗi buổi sáng, khi tôi nói chuyện ở máy phóng thanh, nàng đều theo dõi rất tường tận. Ngay cả việc ăn mặc thường ngày của tôi nữa. Hôm nào tôi mặc chiếc áo dài đen đã cũ, cổ sần rách, hôm nào mặc áo mới, vân vân. Nói tóm đêm đó, nghe Lam nói tới điều gì, tôi cũng ngạc nhiên, và cảm thấy lạ lùng.

Những tháng về sau, tôi thường viết giấy gọi nàng xuống phòng giám thị. Dĩ nhiên là để hỏi, và nói những chuyện lặt vặt, cho vui. Tôi cũng cảm thấy, từ đó, tôi khó xóa bỏ hình ảnh Lam trong đầu. Tôi viết được mấy bản nhạc, nhờ những cảm nghĩ xúc động về nàng. Làm được bản nào, tôi sao chép cẩn thận, gọi nàng xuống tặng nàng với tất cả hân hoan. Lam cũng rất thường viết thư gửi tôi, bằng cuốn vở vụn vặt để ở bàn, hay trong học tủ.

Sang niên khóa mới, tôi được Linh mục Hiệu trưởng cử làm Tổng giám thị. Giúp việc bên cạnh tôi có một tu sĩ *probation libre*. Anh ta trang tuổi tôi, đi giúp ở một trường trung học ở Y. vừa đối tôi. Khác tôi, anh ăn mặc tự do, đời sống cũng phóng khoáng tự do hơn. Ngày đầu gặp anh, tôi đã hiểu được đôi nét cá tính của anh ta qua cách ăn mặc chải chuốt, những ngôn từ trong lúc nói chuyện. Anh ta còn cho tôi biết Ngọc Anh chàng giả làm Huyền Trân lúc nọ, đã xia ra khỏi chủng viện, sống với một người con gái vừa tốt nghiệp trường Nữ hộ sinh quốc gia, ngay tại Huế. Tôi chợt hiểu tại sao những thư gửi thăm tôi, Cha Châu đều không nhắc tới Ngọc. Lúc này, tôi mới hiểu tại sao Ngọc có thể nói giả giọng gái Huế một cách tài tình như thế. Tôi cũng hiểu được, trong những giờ bất buộc như giờ kinh, giờ nguyện gắm,

giờ giảng, nhất là giờ nguyện gắm, huấn đức, tại sao Ngọc tra vắng mặt. Có lẽ anh ta phải « nguyện gắm » một mình ?

Có thể nói năm thứ hai ở trường S là năm tôi khổ tâm nhiều hơn hết, mặc dầu bên cạnh tôi có Đức (tên người bạn ở thời kỳ probation libre) phụ giúp, và trường tăng cường thêm hai giám thị nữa. Năm này, tôi về sống chung với Đức trong một căn phòng thuê được ở một đường hẻm. Quả thực như tôi đoán, Đức rất phóng khoáng, và có tâm hồn. Chúng tôi dần dà kể hết những tâm sự, vui buồn, sâu kín nhất cho nhau nghe Đức bị cha Sở ở Y. đề nghị chuyển chuyển tới Y. để cảnh cáo lần đầu, theo lời cầu của anh, vì một chuyện tình với một người bạn gái cùng nơi trọ. Nguyên cô gái là người có đạo, trước cũng học ở T. (trường trung học công giáo ở Y.) nhưng thi hỏng tú tài một, ở nhà tự học đề thi. Cô ta biết Đức, rất rõ. Nàng lần la làm quen, rồi mời đến nhà giới thiệu với cha mẹ, sau đó Đức phải nhận nàng làm « con nuôi tinh thần » theo lời nài nỉ của nàng. Từ đó, những liên hệ trở nên mật thiết hơn, gần gũi hơn. Chuyện đến tai Linh mục Hiệu Trưởng T., năm sau Đức phải đổi đi.

Tôi cũng đã kể đầu đuôi câu chuyện với Lam cho Đức nghe. Anh ta an ủi, và khích lệ tôi. Chính Đức đã khuyên tôi cùng đi với anh lên phố tìm mua một chiếc bím tóc mẫu, gửi tặng Lam để đáp lại những quà tặng của nàng. Thực là buồn cười, sau khi nghe Lam giải thích tại sao không dùng cái bím tóc tôi tặng, mà dùng cái cũ : Tóc nàng ngắn, theo kiểu demi garçon mà tôi lựa mua cái dành cho tóc dài.

Đồng thời với sự liên lạc thường xuyên như vậy, tôi cảm thấy một nỗi khó khăn, một tình cảm gần như phạm lỗi. Không ngờ sự rạn rức, bản khoán của tôi Lam đã nhận biết. Nàng viết gửi tôi liên tiếp ba lá thư, trong ba ngày, trách tôi đổi thay, hay hờ hững. Quả thực, trong đôi lần gặp nàng, tôi muốn lần tránh. Tôi gặp nàng, đôi khi như một cố gắng. Không còn cái nao nức đón đợi. Hết cái nồng nàn âu yếm.

Cũng có nhiều lúc, tôi muốn như Ngọc. Tôi thử đề tình cảm tôi, nỗi xúc động tôi chảy đến đâu thì đến. Ra sao thì ra. Đó là những hôm tôi hẹn cùng Lam đi chơi ở quê, hay đến nơi

tôi trọ. Trong những hôm như vậy, tôi cảm thấy rộn rã, một niềm vui nào thực tươi mát và phần khởi xâm chiếm lấy tôi. Chúng tôi xa lánh thành phố, hẹn nhau ở quán nước một ngã rẽ đi N. Nàng đi xe Yamaha dame. Tôi dùng chiếc Honda của nhà trường cấp. Thế là chúng tôi cứ đi mãi miết vào xóm, dừng lại những nơi muốn dừng. Và nói hết nỗi lòng, những mơ ước của nhau, về một tương lai sum họp.

Tôi nhớ lần đầu tiên hôn Lam sau một ngôi chùa, sau khi chúng tôi thử vào xin một cái xăm. Xăm xin được, theo lời vị thầy trụ trì, không được tốt. Lam thì hỏng. Rồi chúng tôi không thể gần nhau. Nghe nói, Lam chạy ùa ra phía sau khóc. Tôi hôn nàng. Lòng tôi bấy giờ thực yếu mềm. Tâm trí tôi boang mang cùng độ. Tôi an ủi nàng bằng lòng tha thiết của mình. Nàng hỏi tôi, nếu lỡ nàng thi hỏng, tôi còn thương nàng hay không. Tôi nói nàng đừng nên hỏi những câu vớ vẩn, đừng lo những mối lo không đâu. Tôi không yêu thương nàng bằng chuyện đó, nhưng tôi hứa sẽ gọi Lam cho những người bạn giám khảo ở X. Thời gian sau này, nhớ tới lá xăm, chúng tôi chỉ nhớ tới những nụ hôn; bởi vì chúng tôi sống rất gần bó và nồng nàn. Ở trường về, tôi thay bộ áo quần của Đức tìm cách gặp nàng. Nếu là ngày chúa nhật, ngày lễ, chúng tôi đều có hẹn.

Có một buổi sáng chúa nhật Lam đến trễ giờ hẹn mười lăm phút. Tôi đã trách cứ nàng. Thực ra, vì quá nóng lòng và bực chát, tôi nghi ngại nàng không thành thực. Lam giận. Nàng bỏ tôi. Sau đó, cả hai cùng vòng xe đi kiếm nhau, nhưng không gặp nhau được. Suốt một tuần lễ tôi không gọi nàng xuống văn phòng như bấy khi vẫn làm. Tôi cố gắng giữ cơn giận lâu hơn, để coi Lam sẽ thế nào. Đáp lại, nàng cũng im lặng, ơ hờ. Tôi nhận thấy, trong dáng vẻ lạnh lùng đó, có một cái gì khổ sở, thất vọng. Trong giờ học chiều thứ hai, tôi gọi tên Lê Thị Kiều Lam xuống văn phòng.

Tội điềm nhiên hỏi :

— Sao ? Đạo này cô có mạnh khỏe không ?

Lan hơi mím môi :

— Vẫn mạnh luôn.

Tôi cười :

— Còn giận hết ?

Nàng nhìn tôi, ánh mắt thực sáng :

— Hết rồi.

Tôi viết lên mảnh giấy « Nếu hết giận tuần này anh đợi em ở chỗ cũ, tám giờ sáng, nhé ? », đưa cho Lam. Nàng cúi đọc, ngừng lên mỉm cười, gật đầu. Sự nhỏ nhắn của nàng trong chiếc Jupe màu xanh nhạt khiến tôi thấy nàng thực tội nghiệp.

Giáng sinh năm đó tôi và Lam ăn lễ trước một ngày bởi vì trong suốt ngày và đêm lễ chính tôi rất bận. Buổi sáng chúng tôi đi chơi ở quê đến xế chiều mới trở về thị xã. Dịp này tôi có mang theo chiếc máy ảnh của Đức. Tôi chụp cho Lam. Chúng tôi cũng có chụp chung mấy pose, nhờ một người lính chịu chơi và đa tình làm phó nhóm họ. Buổi tối, chúng tôi ăn tiệc ở nhà. Đêm đó Đức đã chuẩn bị sẵn đồ rời phòng trước khi Lam đến nửa giờ. Tôi coi đồng hồ đúng giờ hẹn, thắp sáng hết những ngọn đèn sáp trên bàn, ở lòng đèn, trong hang Belem. Trời đổ mưa nhẹ, nhưng gió lộng. Một chút hơi lạnh đủ để mặc tấm áo len ngắn tay. Đèn đốt một điếu thuốc chờ đợi.

Lam đến. Thực rực rỡ và xinh xắn. Nàng mặc Jupe màu xanh, bím tóc đỏ, đi giày da. Gương mặt nàng hiện ra ở khung cửa sổ như một Giáng Kiều. Tôi đón Lam, trước hết, bằng cái hôn thực ấm.

Tôi hỏi :

— Ngoài phố có vui không ?

Nàng ngồi cạnh tôi :

— Em đi một mạch đến đây, không để ý gì hết.

Tôi choàng tay qua vai Lam, nhìn vào gương mặt hơi ngơ ngác của nàng :

— Em lạnh lắm không ?

Nàng ngược mắt nhìn tôi, nở nụ cười :

— Lúc này thì có, bây giờ hết rồi.

Tôi cúi hôn lên tóc nàng. Mùi nước hoa phảng phất, dịu dịu. Lúc này, nàng mới hết vẻ sợ sệt, lo lắng của lúc mới đến. Trong ánh sáng lung linh của những ngọn nến, gương mặt Lam tươi tắn, đỏ hồng. Đôi mắt rực sáng.

Lam giở xác lấy ra một gói giấy, nàng hỏi đồ anh những

gi trong này. Tôi cười, anh chịu. Mắt anh đâu phải mắt thánh mà nhìn suốt lớp giấy dày đó. Tức thì nàng mở ra cho tôi xem, đó là một tấm đá cẩm thạch, khắc hai chữ : *François Xavier-Marie*. Tôi bồi hồi. Lam sung sướng khi nhìn thấy tôi cảm lặng vì ngạc nhiên và xúc động.

Tôi hỏi :

— Em thuê làm bao giờ ?

Nàng cười :

— Đố anh ?

— Anh chịu thua. Cái gì em cũng ra đố anh. Em làm như anh là học trò.

— Chứ anh là gì của em ?

— Là gì cũng được.

— Em muốn chúng ta là những người học trò trong tình yêu.

— Anh cũng muốn vậy.

— Thì trả lời mau lên.

— Em thuê làm hôm chúa nhật ?

— Sai rồi. Chúa nhật ai đi chơi với anh ?

— Chứ bao giờ ?

— Trong tuần lễ em giận anh đó. Anh coi — Nàng lật tấm đá ra phía sau, có ghi ngày tháng đây này.

Tôi cảm thấy chưa có một mùa Giáng sinh nào tôi được hạnh phúc như vậy. Năm ngoái, tôi nhìn Lam với cái nhìn ngó chừng chừng, với sự tạnh không của tâm hồn. Đêm Giáng sinh, khi nghe chuông lễ nửa đêm đổ, tôi nói chuyện với Lam gần như là đùa cợt, bằng quơ. Hơn một năm trôi qua, phút này hình ảnh Lam đã trở nên hình ảnh của hạnh phúc, của nguồn vui và hy vọng của đời sống tôi. Nàng còn dự phần chính trong quyết định mà những tháng sắp đến đây tôi sẽ trình bày với Cha Châu. Tôi chọn lựa con đường đi vào đời cam khổ, phần đầu sắp đến, cũng vì Lam. Lam đã khiến tôi khổ sở trong nhiều tháng nay, để chọn lấy một thái độ. Một cách sống.

Sau cùng, tôi cảm thấy phần khởi và tin tưởng, để gần Lam. Hình ảnh những mùa Giáng sinh cũ trong ký ức chạy thoáng qua, tôi rất đối ngạc nhiên khi nhìn thấy bóng dáng mình thấp

thoáng trong đó. Những ngày Giáng sinh hồi còn ở Làng Sông, cái không khí tĩnh lặng, cái buồn bã khép kín không xóa hết được cho đâu những sinh hoạt những ngày kề cận có được tổ chức. Chúng tôi đi chơi ở miền núi. Những năm sau, chúng tôi được đi chơi tập thể ở bờ biển Qui Nhơn. Hồi về sống ở khu La San tuy cái không khí ít u mặc, ngưng đọng, nặng nề như ở Làng Sông, nhưng nổi tẻ lạnh không với trong tâm hồn tôi. Trái lại, thời gian này, tôi hiểu được tương lai tôi, những ngày sống khép kín nghiêm nhặt làm tôi bỗng nhiên đôi lúc thấy ngỡ ngàng. Ở Đại chủng viện, tuy sinh hoạt được tự do hơn xưa, đời sống thoải mái, nhưng cũng từ đó, trong tôi nhen nhúm một nỗi mơ ước đi xa.

Lam nắm lấy bàn tay tôi đặt lên ngực nàng:

— Anh mơ nghĩ gì thế?

Tôi vẫn còn bàng hoàng. Thời gian êm ả cùng đời sống thắm lặng, lùi thúi ở ký túc xá, còn đứng lại trong đầu tôi. Tôi đưa bàn tay Lam lên môi. Tôi nói: « Anh nghĩ tới ngày mai, những ngày Giáng sinh sum họp của chúng ta. »

Lan thở ngáy:

— Không còn xa nữa đâu, anh nhỉ?

Tôi đáp:

— Chẳng còn lâu đâu. Như đã định với em mấy lần trước, hè này anh ra lại Huế, gặp Cha Châu. Sau đó anh vào Sài Gòn trong hai năm, học xong hai chứng chỉ chót, anh sẽ trở về...

Lam nhắc:

— Nếu em thi hỏng, anh còn thương em không?

Tôi cười:

— Đừng nói bậy nữa. Chuyện đó, anh đã lo sẵn cho em rồi.

Chúng tôi cùng dùng những món ăn nguội đã sẵn sẵn từ buổi chiều mà Đức đã chịu khó đi tìm giúp. Một con gà quay. Bánh mì. Chả lụa. Nem nướng. Hai hộp bánh ngọt. Bấy nhiêu đã quá đủ cho chúng tôi mừng đêm Chúa giáng sinh. Tôi uống bia, còn Lam uống Coca pha một ít bia từ li của tôi. Gần Lam, được sống cùng nàng những giây phút ấm áp và quần quít như vậy, tôi thường nghĩ tới những ngày ở các trường học. Hình ảnh tôi trở lại một cách rời rạc và xa lạ làm sao. Tiếp theo, khi

cổ xua đuổi những bóng dáng lấm lũi căm lạng đó, tôi nghĩ tới một mái gia đình. Một sum họp. Điều này bao giờ cũng làm tôi chạnh choáng, tôi tưởng như bị lạc vào một cõi nào thực xa.

Trước khi đưa Lam trở về, tôi ôm hôn nàng thực lâu, Dường như tôi bị say. Lam vừa rời tay tôi ra khỏi cửa, bỗng chạy vào ôm lấy cổ tôi, nàng hôn tôi như một đứa trẻ.

Tôi không biết diễn tả thế nào để có thể nói được đôi phần cái tâm trạng tôi khi rời hẳn Đại Chung Viện Xuân Bích. Khi xa cha Châu, người Cha Linh hướng đã giúp tôi tu học, hướng dẫn tôi vượt qua được những cơn khủng hoảng tối tăm của tâm trí. Rời Đại Chung Viện lần này, tôi biết rằng, tôi sẽ rời xa nó mãi. Nếu có dịp tôi trở lại, cũng là sự trở lại của một kẻ ở ngoài, một du khách hay một tìm về lạc lõng, bơ vơ. Rời phòng Cha Bề Trên, đi giã biệt quý Cha giáo sư, tôi cảm thấy vừa nôn nã, vừa ngại ngùng. Cụ Sau, giáo sư Thần học, nhìn tôi với đôi mắt sâu thẳm, ưu tư hơn Cha Nhân, giáo sư Cựu ước, lặng lẽ và triu mến. Các giáo sư như Bouyer, Nguyễn Hữu Đăng, an ủi và cầu chúc tôi như một đứa con sắp rời gia đình đi vào chốn khó khăn, nguy hiểm. Chỉ có Cha Michel Barnouin (mà chúng tôi gọi là Cao Như Sơn), cười nói rất bình thản khi nghe tôi giã từ ông.

Bây giờ, nghĩ nhớ lại, tôi hiểu tôi lúc đó bị dẫn dắt bởi những lời nguyện ước, và những mơ ước về đời sống : Tôi bị lạc lõng, hơi lo sợ và cũng có một hạnh phúc âm ái. Tôi từ giã các bạn còn lại mà không lời giải bày, bởi vì, tôi không thể nói gì được khi tôi đã nghĩ và quyết định trái ngược với họ. Tuy thế, họ đã hiểu tôi, rất niềm nở và tự nhiên, với sự ra đi vĩnh viễn của tôi. Có lẽ, họ coi tôi đáng thương hại, hoặc không đáng chê trách, khi tôi không đủ ý chí, nghị lực, cũng như không đủ ơn phước để nhận lãnh ơn nghĩa Thiên Triệu thiêng liêng. Tôi là một kẻ đã bỏ cuộc. Tôi chọn lựa một cuộc đời sống khác, hợp với bản chất và lòng mơ ước tự nhiên của tôi. Ngày gặp Lam, tôi tự nhủ, hãy cứ để tình cảm trôi chảy, cứ việc sống hờn hận và nồng nhiệt theo tâm hồn. Bây giờ, tôi đã bị trôi đi, bị cuốn hút vào một giòng nước mạnh mẽ, tôi không thể cưỡng lại. Nói cho đúng,

tôi không muốn cưỡng lại. Ngày mẹ tôi được tin tôi vào đời, bà tự nhiên không nói. Trên gương mặt bình thản, đầy ắp tình thương của bà, tôi biết bà không trách tôi. Hình như bà cho tôi làm vậy, là một việc không có gì để nói.

Tôi vội vã trở lại X. khi mùa Hè sắp đến. Tôi gặp lại Lam. Chúng tôi tiếp tục sống với những hò hẹn, gặp gỡ, và cuồng nhiệt được mấy tuần trước ngày tôi đi Sài Gòn thực hiện những dự tính mà tôi đã nói với Lam. Lam thường đến với tôi, sau bữa cơm chiều, cho đến mười giờ đêm mới về nhà. Tôi tạm trọ chung với Đức, nhưng tôi và Lam hoàn toàn tự do, bởi Đức thường vắng mặt giờ đó. Hơn nữa, Đức tỏ ra một người sành sỏi, đã tạo dịp thuận tiện cho chúng tôi sống những ngày sắp xa nhau. Lam thường đến, mini jupe màu, giày da, tóc cột bím, mắt sáng, môi đỏ, nụ cười hồn nhiên, tấm lòng dào dạt khao khát. Gặp nhau, Lam như vừa lo sợ xa cách và tham lam, ôm chầm lấy tôi, không rời. Tôi bỗng nàng lên ghế như một con búp bê. Đôi khi, tôi bị lôi cuốn bởi Lam, con sóng dào dạt, không ngăn được những khao khát sôi nổi bùng nóng trong lòng. Chúng tôi nằm ở giường cho đến giờ Lam phải trở về.

Tôi không thể kéo dài thêm một vài ngày nữa với Lam bởi vì chuyến bay tôi đã ghi trước, mọi việc đã được thu xếp chuẩn bị. Buổi sáng hôm ra đi, tôi không muốn Lam đưa tiễn. Chúng tôi đã đưa tiễn nhau mấy hôm trước rồi. Nhưng lúc Đức vừa chở tôi đến trạm hàng không thì tôi nhìn thấy Lam ở đó. Tôi trông thấy nàng ngơ ngác và tội nghiệp. Nàng có vẻ sợ hãi. Vẻ mặt xanh xao, ánh mắt lạnh lùng kia làm tôi nao núng lạ. Tôi nghe tôi khóc trong lòng. Tôi thấy tôi chềch choáng. Gặp tôi, Lam chỉ trao tôi tập Văn số mới đặc biệt về Simone De Beauvoir, rồi lẳng lặng đi về. Tôi muốn giữ nàng lại, muốn được nhảu nhủ (cho dầu suốt mấy tuần qua đã nhảu nhủ), muốn ôm hôn nàng (dần tôi đã hôn nàng chiếc hôn từ già từ tối hôm trước). Nhưng Lam đã bỏ đi.

Trong tập báo nàng trao tôi, có một lá thư :

X. Đêm 5 tháng 7 . 1970

Anh yêu dấu,

Mai anh đi rồi, để lại cho em sự cô đơn và buồn bã cũ. Và

nỗi thương nhớ không nguôi. Sự chia lìa đã đến thực rồi. Em phải làm sao đây? Làm sao để níu kéo lại những ngày yêu nhau cũ. Vậy mà những ngày qua em vẫn còn mù mờ không nghĩ rằng anh sẽ xa em, sự xa cách đau khổ cho em biết chừng nào. Đêm qua, rồi anh trở về, em suy tư và nghĩ ngợi về anh quá nhiều. Em nhớ anh — nhớ ngay cả trong giấc ngủ nên không thể bình thần để học hành. Anh đã lấy mất linh hồn và thể phách em từ lúc nào. Xa anh trở về, mang theo nỗi buồn trống vắng, nỗi cô đơn, sầu thảm nào đang vây bủa quanh em. Anh yêu dấu muôn đời của em, nhớ lại những ngày tháng xa, những lúc cùng anh vui chơi, em đã khước từ những mê đắm, những ôm ấp thương yêu nhưng anh biết đâu đó chỉ là cái vầng nổi của một phần con người thực trong em, để rồi, buổi chiều của những buổi sáng, em đã nằm mãi, mơ mộng mãi, không thể học, không thể ngủ, không thể làm được một cái gì. Điều nào ước muốn đang lặn khuất, hành hạ trong em.

Anh yêu dấu,

Cho em trở lại những ngày đầu tiên thần tiên đẹp đẽ. Anh ơi, đây là hành lang, dưới kia là văn phòng, anh đang làm gì, đang nghĩ gì? Xin hãy ngược nhìn, có em đứng đây với vô số những miền man suy tưởng. Ôi, chuyể đi xa, mi đã tạo ra một khoảng cách giữa ta với người. Tội nghiệp cho ta. Cho đôi mắt mê mải nhìn. Anh có còn nhớ không giờ lễ nửa khuya Giáng Sinh năm kia, chúng ta đã nói chuyện quên ngủ. Mới đây, mùa Giáng Sinh tuyệt vời nhất đời em, bên cạnh anh. Buổi sáng rong chơi khắp miền ngoại ô. Buổi tối ấm cúng bên nhau, trong nhau, bên ánh đèn mờ tỏ. Và những ngày say đắm nhất, in khắc vào tâm hồn em nhiều nhất, vừa mới vượt khỏi tầm tay em, sáng hôm nay.

Anh yêu dấu,

Anh đi rồi. Em phải làm sao đây khi sự xa cách quá lâu? Dù muốn hoặc không, thì bây giờ cũng không thể nối tiếp lại những ngày vui cũ. Thôi hết rồi những lần hẹn hò chờ đợi. Thôi hết rồi những lần quần quít bên nhau quên cả giờ về. Anh ơi, từ đây một mình sao em có thể trở lại chốn cũ. Nhìn tên thánh của hai đứa đã khắc sâu vào phiến đá? Xa anh rồi, tâm

hồn em lạnh lẽo, bây giờ càng lạnh lẽo xa vắng thêm. Đầu óc em mê muội, trí óc em bằng bễnh trôi nổi. Trời ơi, thế này mãi thì làm sao em học được. Anh ơi, nếu em thi rớt rồi anh có còn yêu em không? Hay lúc đó, bao nhiêu tình cảm đều tiêu tan mất? Em sợ lắm. Sợ vì xa cách anh sẽ quên em mất thôi.

Em của riêng anh,

Lê Thị Kiều Lam

Tôi viết thư cho Lam mỗi ngày khi đến Sài Gòn. Cuộc sống mới, hoàn toàn xa lạ, đã làm tôi càng ao ước được trở về với Lam — sống thu nhỏ trong một khu vườn, một mái nhà. Tôi đã phải phấn đấu và nhẫn nại với sự chọn lựa một cách khổ sở. Lam gửi thơ thường xuyên, giống như tôi, mặc dầu nàng nói đang bận lo học thi. Tôi có viết thư gửi Lam cho vài giáo sư quen, nhưng họ đã đến một nơi khác. Tôi không nhắc đến chuyện này, ngại nàng buồn. Hơn nữa, nhắc tới thi cử, là nhắc lại câu hỏi: « Anh ơi, nếu em thi rớt, rồi anh có còn yêu em không? », càng khiến nàng lo lắng, và tôi buồn bực. Tôi cũng không hiểu lý do gì, vì đâu, đã khiến Lam cứ nhắc lui tới việc thi cử của nàng, rồi coi đó là một yếu tố quyết định tình yêu. Nàng cũng không ngớt sợ hãi, hoang mang bởi sự xa cách. Một thư nàng viết: « Anh ơi, có đang buồn, có đang nhung nhớ, có đang thao thức như em? Sao em nóng cả ruột gan, không thể vùi đầu vào chăn gối, vào giấc ngủ. Thôi em thức mãi nghe anh? Em thức để nhớ tới ai đã đến và đã xa khuất nẻo mù tăm. Hai năm, hai năm nữa, ta mới thực là của nhau cho suốt một đời. Biết em có còn sống để chờ đợi, biết anh có mãi mãi nuôi dưỡng một tình yêu nhỏ dại, hay rồi anh ơi, đây chỉ là giấc mơ, một tấn kịch trong đời em ngắn ngủi? ». Sự hoang mang của nàng chuyển đến tôi như cơn bệnh truyền nhiễm hiểm nghèo, tôi muốn trở về X. Muốn chung sống bên Lam. Tôi đã thay đổi được đời mình thì tôi cũng có thể khước từ hết thảy mọi thứ ở đời để chỉ cần có nàng. Trong lúc chờ đợi sự quyết định dứt khoát, tôi gửi tặng nàng chiếc nhẫn cưới. Đáp lại, Lam gửi tôi sợi dây

chuyến có thánh giá thương ngày vẫn đeo ở cổ. Sau đó, những thư của nàng với bết buồn rầu, cái ý nghĩa ly biệt mù tăm cũng tiêu dần, nhường lại cho những kẻ lẽ kỷ niệm, những dấn dò hy vọng. Một thư nàng viết : « Anh ơi, buổi sáng nào cuối, sao anh chẳng hôn em. Anh quên hôn em mất rồi anh ạ. Em muốn đứng lại, cố níu kéo nhưng không thể làm khác hơn là quay đi. Em nhìn theo anh từ một góc đường mà không dám đưa anh đến tận nơi vì ngại gặp mặt, phải chào hỏi người ta. Nên để anh đi, không một vẫy tay đưa tiễn, một lời cuối dấn dò. Nhìn chuyến xe ca chở anh rời thành phố mà em không ngăn được những giọt nước mắt âm thầm chảy. »

Tôi được Đức viết thư báo tin Lam thi hỏng tú tài. Dầu chưa nhận được thư chính thức của Lam nói về chuyện này, tôi vội vã viết một lá thư an ủi và phân tích những ý nghĩ không chính xác, nông nổi của nàng về việc thi cử. Tôi chờ tin. Một tháng trôi qua. Tôi sống trong cùng cực lo âu, và thất vọng. Tôi trở về X. muộn bởi đang phải lo thi. Vừa tới X. tôi cùng Đức đến ngay đường Cao Thắng, số 32. Với tư cách là giáo sư và Tổng giám thị trường S. (Đức lên làm Tổng giám thị trường S. từ khi tôi ra đi) Đức hỏi người nhà cho gặp Lê thị Kiều-Lam để có việc cần. Làm lại hồ sơ gì đó. Người nhà vào trong, trở ra thưa không có Lam ở nhà. Chúng tôi ra về. Một tuần lễ lưu lại X. tôi lẩn quẩn hoài bên khúc đường Cao Thắng, hy vọng sẽ gặp Lam, nhưng vô ích. Bên này một quán nước, từ tám giờ sáng đến mười hai giờ trưa, tôi nhìn ngó sang nhà Lam. Buổi chiều, từ hai giờ đến sáu giờ. Suốt một tuần như thế. Đức cũng không giúp tôi gì hơn sau lần cùng tôi đến nhà. Anh ta nói cũng không hiểu được. Quả thực, tôi cũng không hiểu.

Khi rời X. vào lại Sài Gòn, tôi nhờ Đức đến nhà trao hộ Lam lá thư cuối cùng của tôi. Tôi gọi là cuối cùng, bởi vì, tôi đã viết nó với tâm trạng và lời lẽ của một người vĩnh viễn ra đi. Đến nay, tôi không còn nhớ hết tôi đã nói những gì trong ấy, nhưng tôi biết chắc rằng tôi đã bày tỏ hết nỗi thất vọng, đau xót của tôi vì sự tan vỡ, vĩnh biệt này. Với Lam, tôi nghĩ, có lẽ bởi tuổi trẻ và sự hoang mang dễ bị lung lạc dễ thất vọng, nàng đã không thấu hiểu hết tôi.

Ở Sài Gòn khoảng vài tháng, sau đó, tôi xin làm giáo sư khế ước, được bổ nhiệm tới dạy tại P. một thị trấn miền duyên hải Trung phần. Đó là một nơi thực tĩnh lặng, và heo hút.

Tôi là người luôn luôn đến trường sớm nhất. Lý do : Không có đồng hồ, nằm mãi trong phòng suốt buổi sáng (tôi chỉ dạy một buổi chiều), nên muốn được ra ngoài. Hằng ngày, hễ tôi mở cửa bước ra là để đi dạy, còn trở về thì nằm lì luôn. Cơm nước đã nhờ đứa nhỏ ở cạnh lên hiệu ăn xách về giúp. Tôi trở nên trễ nãi trong việc giao thiệp, và lười biếng trong việc ăn mặc. Hơn nữa, ở trường, giáo sư trên ba chục nhưng nghe nói phe phái đã có tới ba bốn nhóm. Họ ăn nói glib glib, kênh kiệu, khách sáo thái quá. Ai cũng nghĩ rằng mình là một người quan trọng. Bởi thế, cách ăn mặc họ cũng phải tỏ ra là như thế : Cà vạt luôn luôn dính vào cổ, ngay cả những ngày nóng bức. Có người mỗi ngày một bộ đồ, một chiếc cà vạt. Màu sắc phải harmonie.

Tôi ngồi ở dãy ghế dựa nhìn ra ngoài sân. Học sinh đã đông. Trời buổi chiều nay tạnh ráo, nhưng gió lạnh. Những cành dương trong sân trường xơ xác sau những ngày mưa bão lụt lội. Đứa con gái người phu trường mang hai bình nước trà đặt lên bàn. Tôi chồm tới rót một tách nước trà nóng. Tôi bỗng nhìn thấy tấm bảng kê ở vách thấy ghi : « Yêu cầu quý vị giáo sư nộp phiếu điểm tháng 12 cho Văn phòng kịp làm thành tích. Hạn chót : Trước ngày nghỉ Noel », phía trên hàng chữ cũ vẫn không xóa « Yêu cầu quý vị Giáo sư dạy dỗ như thường vì lụt đã rút hết nước. Văn phòng ».

« Hạn chót trước ngày nghỉ Noel », tôi đọc thầm. Lại một mùa Giáng Sinh nữa sắp đến. Chỉ còn bốn hôm. Thốt nhiên tôi đưa tay lên cổ, cầm chiếc thánh giá của sợi dây chuyền, nói khẽ : « Bây giờ Lam ở đâu ? ».

MANG VIÊN LONG



những bài thơ tình việt nam hay nhất

VỞ I phần ca dao miền Bắc đăng trên Văn số trước, tuyển tập Những Bài Thơ Tình Việt Nam Hay Nhất đã đi vào Thời Kỳ I của tuyển tập, tức Thời Kỳ Ca Dao Truyền Khẩu. Chúng tôi trình bày tiếp ở số này những hạt ngọc của thơ tình trong ca dao miền Nam. Và số tới, phần thứ ba của kho tàng ca dao ba miền là ca dao miền Trung, trước khi đưa tuyển tập tới gặp những bài thơ tình tuyệt tác nhất Thời Kỳ Cổ Điền.

Riêng về phần ca dao miền Nam, chúng tôi thành thực cảm tạ sự giúp đỡ của thi sĩ Tô Thùy Yên.

CHỈ sau vài glòng loan báo ngắn ngủi trên Văn, công việc sưu tầm thơ và thực hiện tuyển tập của chúng tôi đã nhận được ở thân hữu và bạn đọc yêu thơ một hưởng ứng nồng nhiệt. Nhiều bạn đã chép gửi cho chúng tôi những bài thơ tình các bạn thấy là hay nhất, đề nghị tiêu chuẩn chọn thơ, hoặc viết hẳn những bài nhận định về thi ca trữ tình mọi thời. Chúng tôi xin ghi nhận và đặc biệt lưu ý đến những góp phần quý báu ấy.

Từ Văn số sau, dưới phần thơ chọn đăng, chúng tôi sẽ mở thêm một Hộp Thư riêng cho tuyển tập và trích đăng những đoạn thư góp ý với chúng tôi về tuyển tập.

THANH TÂM TUYỀN • MAI THẢO • PHAN LẠC PHÚC

những bài thơ tình việt nam hay nhất

I
THỜI KỲ CA DAO
(tiếp theo)

CA DAO MIỀN NAM

Một vũng nước trong
Trăm dòng nước đục
Một trăm người tục
Một chục người thanh
Biết ai tâm sự như mình
Mua tơ thêu lấy tượng Bình Nguyên Quân.

Anh về giếng dứa qua trường
Gió day bông sậy bỏ buồn cho em

Chim chuyền nhánh ớt lú lo
Mãng sầu con bạn ốm o gầy mòn.

Giả đồ mua khế bán chanh
Giả đi đòi nợ thăm anh kéo buồn.

Ra về không lẽ về luôn
Đề khăn xéo lại, lệ tuôn em chùi.

Trời nắng mưa nắng chuyền
Đất ngoài biển nắng lở nắng bồi
Đôi ta thương lở nhau rồi
Chàng than thiếp thổ, phụ mẫu ngồi sao yên?

Anh đi, em một ngó chừng
Ngó sông, sông rộng, ngó rừng, rừng sâu.

Anh đi lọng lưa ba bông
Bỏ em cấy lúa giữa đồng cây khô

Gió đưa trăng thì trăng đưa gió
Trăng lặn rồi, gió biết đưa ai.

Lên non chọn đá thử vàng
Thử cho đúng lượng mấy ngàn cũng mua.

Chuông già đồng điệu chuông kêu
Anh già lời hứa em xiêu tấm lòng.

Nghĩ con cá lý ngư cũng như thân thiếp
Chờ cho mãn kiếp tu được hóa rồng
Thôi anh đừng mong vợ mong chồng
Để cho em xa lánh bụi hồng gió trăng.

Ngó lên đám bắp trở cò
Chuối kia đúng vóc, anh chờ duyên em

Qua trường anh đập lấy gai
Anh ngồi anh lẽ trách ai không chờ.

Ra về nguyệt lặn sao thừa
Dứt tình tại bến, qua chưa tiếng gì.

Ra về thấy kiềng thêm thương
Nhành mai ủ dột, vách tường nhện giăng

Rồng châu ngoài Huế
Ngựa tể Đồng nai
Nước sông trong sao lại chảy hoài
Thương người du sứ bạc loài tới đây

Sông dài con cá lội biệt tăm
Phải duyên chồng vợ ngàn năm cũng chờ

Tiếc công lao đào ao thả cá
Ba bốn năm trời người lạ tới câu

Tôi đây dầu dối giả no
Dầu khôn giả dại dặt dò ý em.

Chừng nào đá nổi, vông chim
Muối chua, chanh mặn, mới tìm dặt em

Đèn treo cột đáy, nước chảy cột đèn rung
Anh thương em thấm thiết vô cùng
Biết cha với mẹ có bằng lòng hay không ?

Lên non thiếp cũng lên theo
Tay vịn chơn trèo, hái trái nuôi nhau

Ai qua đò ấy bây giờ
Ta còn ở lại ta chờ bạn ta
Mưa nguồn chớp biển xa xa
Ấy ai là bạn của ta ta chờ

Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc
Gió nào độc bằng gió Gò Công
Thổi ngọn đông phong lạc vợ xa chồng
Đêm nằm nghĩ lại nước mắt hồng tuôn rơi

Sài Gòn mũi đỏ
Gia Định súp lơ
Giã hiên thê ở lại lấy chồng
Thuyền anh ra cửa như rồng lên mây.

Trăm năm ai chớ bỏ ai
Chỉ thêu nên phụng, sắt mài nên kim.

Trăm năm dầu lỏi hẹn hò
Cây đa bến cũ, con đò khác đưa

Trời mưa vẫn vũ
Tình cũ xa rồi
Biết ai nương tựa lẫn hồi tẩm thân.

Từ hồi bão lụt năm Thìn
Đến nay trời nổi mới nhàn được em

Xa xuôi chi đó mà lắm
Phải hương hương bén, phải trầm trầm thơm

Bầu gele đóm đậu sáng ngời
Lỡ duyên tại bận, trách trời sao nên

Chiều chiều chim vịt kêu chiều
Bâng khuâng nhớ bạn chín chiều ruột đau

Chim ham trái chín, ăn xa
Buồn tình nhớ lại gốc đa, muốn về

Cá bỗng đi tu
Cá thu nó khóc
Cá lóc nó rầu
Phải chi ngoài biển có cầu
Anh ra (ngoài) đó giải đoạn sầu cho em

Buổi xuân xanh thiếp chẳng gặp chàng
Bây giờ năm con bảy cái ra đường gặp nhau

Cây đa cũ, con yến rũ, cây đa tàn
Bao nhiêu lá rụng thương nàng bấy nhiêu

Chờ nhau cho đáng kiếp chờ
Chờ cho rau mác lên bờ trở bông

Dễ kêu cho giải cơn sầu
Mấy lời bậu nói bạc đầu không quên

Đêm nằm tơ tưởng tưởng tơ
Chiêm bao thấy bậu dậy rờ chiếu không

Em thác ba năm xương tàn cốt rụi
Em đầu thai con nhận bạch về đầu bụi chạnh
Cất tiếng kêu anh đi nói vợ
Đừng chờ đợi em như hồi buổi xuân xanh không còn

Ngó vô nhà nhỏ
Thấy đôi liễn đỏ
Có bốn chữ vàng
Thạnh suy anh chưa biết, thấy nàng vội thương

Đưa tay mà ngắt ngọn ngò
Thương em đứt ruột, giả đồ ngó lơ

Trời xanh kinh đỏ đất xanh
Đĩa bu, nước cần làm anh nhớ nàng

Sớm mai đi chợ Gò Vấp
Mua một xấp vải
Đem về con Hai nó cái
Con Ba nó may
Con Tư nó dệt
Con Năm nó viền
Con Sáu đơm nút
Con Bảy vắt khuy
Anh bước chân ra đi
Con Tám niu, con Chín trỉ
Ở Mười ơi, sao em để vậy còn gì áo anh

Nghĩa nhân mỏng dánh
Như cánh chuồn chuồn
Khi vui nó đậu khi buồn nó bay

Dao phay kẻ cồ, máu đỏ không màng
Chết thời chịu chết, buồng nàng không buồng

Một trăm con bướm trắng nó cắn sợi giây đơn
Bởi anh thất hứa, con bạn hơn trăm năm

Bãi dòi
cát nhỏ tằm tằm
Phải cần duyên trời định, bấy nhiêu năm anh cũng chờ

Bỏ chiếc ghe sau chèo mau anh đợi
Kéo khuất bóng bầu anh Bắc em Nam

Cá sấu cá chằng quật đuôi
Như loan sấu huệ như tui sấu mình

Tử sanh, sanh tử tận tình
Dù ai ngăn đón, tui cứ mình tôi thương

Chim liểu nó biểu chim quỳnh
Biểu to, biểu nhỏ, biểu mình thương tôi

Chim chuyễn bụi sậy, con cá quậy bụi từng
Anh thương em thăm thiết vô cùng
Đĩa nghiên mài mực tạm cùng bức thư

Đèn Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ
Đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu
Anh về học lấy chữ nhu
Chín trăng em đợi mười thu em chờ

Ghe anh lui về Gia Định, em thọ bệnh đau liền
Không tin anh hỏi lại xóm giếng có không

Mâm thau chùi sáng, để dưới ván thấy hình
Cháo đậu xanh, đường cát trắng mắng sầu tình quên ăn

Tiếc công anh vạch lỗ chun rào
Thăm không đặt bậu, hàng rào có cào trầy lưng

Anh đừng ham cái bóng quế bỏ phế cái bông lài
Mai sau quế rụng, bông lài thơm xa

Anh buồn có chốn thở than
Em buồn như ngọn nhang tàn thấp khuya

Con quạ đen xuống sông nó tắm
Chồng bậu ở nhà khó lắm bậu ơi

Củ đậu nấu đậu ra dầu
Lấy mình không đặt, qua cạo đầu đi tu

Chợ Sài Gòn cần đá
Chợ Rạch Giá cần xi moong
Chúc em ở lại vương tròn
Anh về xứ sở chắc không còn trở vô

Đau tương tư uống thuốc bạc trăm
Không thấy người nghĩa tới thăm chút nào

Một tấm thanh tre là nghĩa
Một chiếc chiếu là tình
Bấy lâu nay em thương bóng, nhớ hình
Bây giờ em hỏi thiệt, anh có thương mình hay không?

Bạn mình ơi ! chim kêu dưới suối trên nhánh
Qua không bỏ bạn, bạn đành bỏ qua

Em chớ thấy anh nhỏ mà rầu
Kìa con ong bao nhiêu tuổi nó chằm bầu, bầu thui.

Anh nói với em nhiều tiếng thăm trầm
Đêm nằm nghĩ lại, nát bầm lá gan

Thấy em nhan sắc, anh bắt giết mình
Con mắt đưa duyên thì có, bắt như tình thì không

KỶ TỚI : CA DAO MIỀN TRUNG



V Õ P H I Ê N

CHÚNG TA, QUA TIẾNG NÓI

4

nó thổi sinh khí vào danh từ

Cái tiếng thường đứng trước mỗi danh từ Việt nam, tiếng ấy là cả một sự rắc rối. Có người gọi nó là tiền danh từ (Phan Khôi), có người gọi nó là loại từ (Trần trọng Kim, Trương văn Chính, Nguyễn hiến Lê), các sách giáo khoa ngoài Bắc hiện nay gọi nó là phó từ, cũng có người coi nó là một bộ phận đặc biệt của danh từ kép (Nguyễn hồng Phong) Thảo luận qua, thảo luận lại, thương xác lui thương xác tới, mãi vẫn chưa có sự đồng ý với nhau về nó. Chỉ nguyên hai tiếng *con* và *cái* đã làm chảy bao nhiêu là mực, đã bôi đen bao nhiêu trang sách báo nghiên cứu về ngữ pháp.

Mà tiền danh từ (hay loại từ ? phó từ ?) Việt nam thì đâu phải chỉ có hai tiếng, ba tiếng, hay mười tiếng, trăm tiếng ? Trời ơi, ai mà biết được nó đông đảo đến bao nhiêu ! *Con* sông, *chiếc* lá, *hòn* đất, *nắm* xương, *mảnh* áo, *nắm* mồ, *sợi* râu, *nồi* lòng, *con* ghe, *trận* mưa v.v..., bết sao mà kể cho hết. Ông Nguyễn hồng Phong bảo : « Có thể nói có bao nhiêu danh từ,

thì gần bằng ấy tiền danh từ ». Ông Nguyễn cho rằng thế thì tiếng nó không còn phải là tiền danh từ nữa, rằng chuyện tiền-danh-từ bất thành vấn đề.

Theo cách nói của đồng bào Bahnar, hai người đàn ông là « par nu drânglo », hai đứa con là « par nu con », còn hai cái nhà là « par tở hnam », hai con chim là « par tở xem »... Trước danh từ chỉ người thì dùng *nu*, trước mọi thứ khác thì dùng *tở*.

Ở đồng bào Bahnar có sự chia biệt một bên là người một bên không phải là người, ở dân tộc Pháp có sự chia biệt phía đực phía cái — Nhảm nhí thực, nhưng dù sao thật đơn giản — Và chắc chắn trên đời còn có những dân tộc xài tiền danh từ một cách đơn giản hơn nữa.

Còn ở chúng ta, có lẽ sự rắc rối phong phú đã đạt tới chỗ tột cùng, ít ai bì kịp.

Sở dĩ như thế, trước hết là vì trong khi thiên hạ dùng danh từ để gọi đến sự vật, chúng ta không chỉ gọi tên mà thôi: chúng ta còn mô tả sự vật luôn. Loại từ Việt ngữ giúp vào cái việc khó khăn mà đầy hứng thú ấy.

Thỏi sắt, hòn sỏi, viên phấn, tảng đá, đồng rơm v.v., hình dạng nào, loại từ nấy.

Gọi phó từ đã đành là một cách gọi thô sơ: sự phân biệt tiếng chính với tiếng phó không nói lên được cái đặc điểm của Việt ngữ. Gọi nó là tiền-danh-từ cũng chẳng qua là chỉ định được vị trí của nó; còn gọi là loại từ thì mong nói đến chức vụ của nó; tuy nhiên nói mà thiếu sót biết bao!

Thật vậy, trong *cây táo, cây mận, cây chuối, rắn lục, rắn hổ, rắn nước, cá mè, cá chép, cá rô...*, những tiếng *cây, rắn, cá* quả có dùng chỉ từng loại. Nhưng trong trường hợp: *mảnh đá, tảng đá, hòn đá, cục đá, khối đá, viên đá v.v...* thì loại từ đâu có khiến phân biệt các loại đá? Vượt quá sự phân biệt chủng loại, nó mô tả đến cả dạng thái của từng vật thể được gọi tên. Tham vọng của nó thật khiếp.

Như ở đồng bào Bahnar chẳng hạn thì đúng là có loại từ;

na chỉ phân loại, là chỉ phi-nhân-loại. Chứ nói năng như chúng ta thì đâu có đơn giản như vậy ?

Các nhà ngữ học quen với những tiếng *te*, tiếng *la*, tiếng *the...*, những tiếng vô vị ở Âu Mỹ, khi trở về gặp lại cái đám đông nghìn nghịt, thiên hình vạn trạng đứng trước các danh từ Việt ngữ, bèn đâm ra bối rối, không biết phải gọi nó bằng tên gì, xếp nó vào đâu, chia nó ra làm bao nhiêu thứ hạng v.v...

Khó lắm thay : làm sao có sự so sánh giữa những tiếng *le*, *la* đứng gần ngơ vô tích sự, với những *mảnh*, *khối*, *nổi*, *niềm* ... của chúng ta, những tiếng đứng bên cạnh để trao một dạng thái cho danh từ, đem lại cho danh từ một thần sắc riêng — Làm sao có sự so sánh ấy mà không gây lúng túng ?

Loài người và không phải loài người, chuyện ấy đối với chúng ta không mấy quan trọng ; giống đực với giống cái, vấn đề ấy chúng ta cũng không quan tâm bao nhiêu. Tiền danh từ của chúng ta không đặt ra để phân biệt những cái ấy.

Chúng ta chỉ lấy làm quan trọng những ghi nhận của giác quan bằng những hình dạng màu sắc v.v... Mũi thì gọi là cái mũi nhưng mắt lại là con mắt ; trâu thì lúc nào cũng là con trâu, nhưng kiến thì có thể là cái kiến. Một bên linh động một bên không linh động, một bên to lớn một bên bé bỏng : những ghi nhận như thế chúng ta không bỏ qua.

Và không phải chính vì được gọi là con tàu, con thuyền, con sông, con bún v.v..., mà những vật vô tri nọ đã trở thành sống động, đã « sống » được đó sao ? Không phải cái tiếng nói của chúng ta đã thổi sinh khí vào những vật vô tri nọ đó sao ?

Tôi xưa nay vẫn thế. Những bộ luận trừu tượng, những công việc phân loại tỉn vi nhất không bao giờ làm sống động sự vật được đề cập tới. Có làm sống động được chăng một cành cây trong bức tranh, một cánh bướm trong câu thơ, ấy là nhờ ở những ghi nhận của cảm quan người nghệ sĩ.

Cái thứ tiếng đứng trước các danh từ Việt ngữ là một thứ tiếng của nghệ thuật.

Chúng ta nói tiếng nói của giác quan, mà cũng là tiếng nói của tình cảm nữa.

Lão thợ rèn, gã thợ rèn, ông thợ rèn, bác thợ rèn..., tất cả đều là *người thợ rèn*. Nhưng mỗi người đặt trong một quan hệ tình cảm khác nhau đối với kẻ nói.

Trong đời sống, quanh ta có kẻ gần người xa, kẻ dưới người trên, kẻ thân người sơ, kẻ khinh người trọng...; khi nói « một người thợ rèn » là đã có sự tách lìa nhân vật trừu tượng nọ ra khỏi mọi quan hệ gần xa, trên dưới, thân sơ, khinh trọng v.v... Chúng ta không hay làm cái công việc tách lìa ấy. Chúng ta không nói một cách « khách quan ». Chúng ta nói đến một người nào là đồng thời nói luôn cả cái tình cảm của mình đối với người ấy.

Thái độ ấy không khỏi làm ngỡ ngàng người ngoại quốc. Hãy tưởng tượng cái tình cảnh khốn đốn của một người Pháp, người Anh học tiếng Việt mỗi lần ậm ừ cân nhắc giữa những *gã, lão, ông, bác v.v...*, để chọn lựa một tiếng thích hợp. Hễ động nói đến ai cũng phải khai trình minh bạch liên hệ tình cảm, sao mà khổ sở quá vậy? Đó là điều bắt buộc không thể trốn thoát đối với những ai muốn nói tiếng Việt: điều bắt buộc do cha ông chúng ta kín đáo gửi vào qui luật vận dụng tiếng nói dân tộc. Điều bắt buộc đối với kẻ khác, nhưng đối với chúng ta thì không, nó đáp ứng một nhu cầu tình cảm khiến chúng ta chẳng những xoay sở hết sức để dàng thoải mái giữa bấy nhiêu rắc rối mà thỉnh thoảng lại còn đặt thêm ra những tiếng mới để « bỏ tức » cái rắc rối ấy.

Đã từ hai nghìn năm nay, chúng ta được biết một đức Khổng tử. Hồi đầu năm 1974 này, có 48 chiến sĩ Việt nam bị quân đội Trung cộng bắt từ quần đảo Hoàng sa đem về Quảng châu giam giữ. Tại đây, lần đầu tiên họ nghe nói đến một tên Lâm Bưu với một *thằng* Khổng tử! Họ sửng sờ.

Trong tiếng nói của Âu Mỹ, Confucius bao giờ cũng là Confucius. Ở ta cái tiếng đứng trước danh từ đưa các danh từ nọ vào một thế giới tình cảm đầy những chuyện phức tạp, tình vi, tế nhị, phiền toái.

Vì là tiếng mô tả, cho nên thứ tiếng ấy đã làm cho các loại (?) từ trừu tượng mất vẻ trừu tượng.

Lẽ ra, theo các ông Trương văn Chính và Nguyễn Hiến Lê loại-từ phổ thông sự (hay việc) đi với các tiếng trừu tượng : sự (?) thật, việc đấu tranh, sự vâng lời, việc học hành... Nhưng thường khi chúng ta không dùng các tiếng sự hay việc; chúng ta nói : nền văn hóa, mối tình, con ghen, trận lòi đình... Do đó, những giận, ghen, tình... thành ra được nhuộm ít nhiều tính cách cụ thể.

Lại vì là tiếng tình cảm, cho nên cách dùng nó thật rắc rối. Nói « người ấy », được; nói « con người ấy », cũng được; mà nói « cái con người ấy », lại cũng được nữa. Được cả, đại khái cũng giống nhau cả, mà thật ra lại không giống hẳn nhau. Chỉ vì tiền-danh-từ : khi thì không dùng, khi thì có dùng, khi lại dùng trùng điệp. Mỗi sự thêm bớt đem vào câu nói một không khí tình cảm khác nhau.

Cái thứ tiếng cho là phụ (phó từ), để chỉ loài (loại từ), đặt trước các danh từ (tiền danh từ), trong các ngôn ngữ khác ở đâu mà được vậy chăng ?

VỖ PHIẾN

12-74

(?) Chữ bị lem, chỉ đoán

Đã Phát Hành Toàn Quốc

ÁNH LỬA
CUỐI ĐƯỜNG HẦM

truyện dài
của Mai Thảo

Anh Lộc xuất bản

LÊ HUY OANH

NHÃ CA

SÁU NHÀ THƠ HIỆN ĐẠI

BÀI HAI

và người nữ mới

Trong khuôn khổ loạt bài về 6 nhà thơ Việt Nam hiện đại, trong Văn số trước chúng tôi đã cho đăng bài về Nguyễn Sa. Lần này là bài nhận định của Lê Huy Oanh về thơ Nhã Ca.

VĂN

Hình như thơ Nhã Ca đã xuất hiện đầu tiên khoảng năm 1957, trên tạp chí Hiện Đại do Nguyễn Sa chủ trương. Đạo đó, trên Hiện Đại, người ta đã gặp vài bài thơ thật dễ thương như Bài Nhã Ca Thứ Nhất, Thanh Xuân, Ngày Tháng Trôi Đi... bên dưới ký tên Trần Thy Nhã Ca.

Mới đầu, nàng ký tên dài như thế, nhưng sau, nàng thường lược bớt hai chữ Trần Thy, chỉ giữ lại hai chữ Nhã Ca thôi.

Riêng cái tên Nhã Ca cũng đã có vẻ rất thơ rồi vì Nhã Ca có nghĩa là bài « Thánh Ca của những bài Thánh Ca » (Cantique des cantiques), tức bài thơ tình danh tiếng của vua Salomon ở sách Cự Ước, trong đó đức vua đã cho một cặp tình nhân ca ngợi những vẻ đẹp trên thân thể người tình của mình đồng thời phát biểu những tình cảm mê man đắm đuối của mình đối với người tình đó.

Thơ Nhã Ca, với hình thức thanh thoát, nhẹ nhàng nhưng tại chứa đựng những tình cảm thiết tha sôi nổi của một thiếu nữ mới lớn, đã được người đọc chú ý tới ngay và mến chuộng ngay từ lúc đầu.

Với những bài thơ khá đạt trên tạp chí Hiện Đại, như đã kể, Nhã Ca khởi sự nghiệp văn của mình. Nàng tiếp tục làm thơ

rồi sau đó, quay sang viết tiểu thuyết. Cho tới ngày nay, Nhã Ca đã có được một văn nghiệp khá đồ sộ, gồm một tập thơ (*Thơ Nhã Ca*) và có lẽ không dưới hai mươi cuốn tiểu thuyết. Về số lượng, thơ ít, tiểu thuyết nhiều, thế nhưng mặc dầu người ta rất chú ý tới tiểu thuyết gia Nhã Ca, người ta chẳng hề bao giờ có thể quên được nàng là một nhà thơ. Thơ của nàng luôn luôn giữ một địa vị quan trọng trong số những tác phẩm của nàng.

Vào năm 1972, nghĩa là mười mấy năm sau khi cho ra mắt quần chúng những bài thơ đầu tiên của mình, Nhã Ca đã cho xuất bản tập « *Thơ Nhã Ca* » gồm thi tập « *Nhã Ca Mới* » và những bài thơ mới viết thêm, cùng với một bài đề tựa của Nguyên Sa. Ngay sau bài « *đề tựa* » đó, còn có một đoạn thơ trích từ bài *Cantique des Cantiques* của vua Salomon.

Ngoài bài *Tiếng Chuông Thiên Mục* (trang 19), có tính cách như những lời tự sự tổng quát, tập *Thơ Nhã Ca* còn có 50 bài thơ khác, được chia thành ba phần. Phần một (Những bài thơ viết thời mới lớn) gồm 22 bài ; phần thứ hai (Thơ cho đời sống ta), 23 bài ; phần ba (Thơ cho tình ta), 5 bài. Tập thơ có thể coi như tập « *lịch sử* » quãng đời chính yếu (về cả tinh thần lẫn vật chất) của một người đàn bà, được kể lại qua những lời tự sự.

Qua bài tự sự tổng quát, *Tiếng Chuông Thiên Mục*, mở đầu tập thơ, người ta thấy thoáng những chặng của quãng đời ấy.

Tôi lớn lên bên này sông Hương... Thì ra, đó là một cô gái Huế. Cô bé đã lớn lên giữa một quang cảnh rất thơ mộng, mà có lẽ trong suốt đời cô, sẽ chẳng bao giờ cô quên được cả. Chúng ta dám đoán chắc như thế, bởi nếu như không luôn luôn thương nhớ nó một cách da diết, thấm thía, làm sao cô viết nổi những lời hoài niệm thiết tha đến thế về nó chứ :

*Tôi lớn lên bên này sông Hương
Con sông chẻ đôi ra những vùng thương nhớ
Cây trái Kim Long, sắt thép cầu Bạch Hổ
Cửa từ bi vồn vã dưới chân sông*

Mặt nước xanh trong suốt in đôi thơ hồng
Tháp cồ chuông xưa sông hiền sóng mơn
Những đêm tối bao la những ngày tháng lớn
Những sáng chim chiều để canh gà
Tiếng chuông buồn vui dọn thầu trong đa
Người với chuông như chiều với tối...

(Tiếng Chuông Thiên Mụ)

Vẫn theo lời kể của nàng, thì năm nàng mười chín tuổi nàng đã bỏ nhà ra đi. Vì đâu mà nàng đã bỏ nhà ra đi? Nhã Ca không nói rõ, thế nhưng chúng ta cũng có thể đoán biết được một trong những lý do chính yếu là Ái Tình. Ngày nay chắc hẳn không ai còn lạ gì mối tình sôi nổi, thiết tha và rất bền vững giữa Nhã Ca với chàng Trần Dạ Từ, cũng là một thi sĩ. Mỗi lần nghĩ tới họ, tôi không thể không liên tưởng tới cuộc tình ngày xưa của hai thi sĩ lớn bên nước Anh là Robert Browning và Elizabeth Barrett Browning.

Nhã Ca đã rời bỏ sông Hương, rời bỏ cầu Bạch Hổ, rời bỏ chùa Thiên Mụ để cùng với người yêu đi vào Saigon. Họ yêu nhau, họ làm thơ, họ viết văn viết báo để sống, chắc hẳn, đối với hai kẻ cùng giàu mơ mộng ấy, cuộc sống thực tế của họ tại cái đô thị đầy sự tranh đua kẻ cựa vì miếng cơm manh áo, đầy những sự giả trá hoặc tàn nhẫn của thành phố Saigon, đã nhiều khi cực kỳ khó khăn vất vả. Thế nhưng, họ đã có Ái Tình, một sức mạnh ghê gớm luôn luôn yên ủi, khuyến khích, nâng đỡ, che chở cho họ.

Tuy sống xa đất Thần Kinh, nhưng Nhã Ca hằng nhớ đất Thần Kinh, trong tâm tư người đàn bà ấy biết bao lần đã vang động tiếng chuông ngày cũ của chùa Thiên Mụ:

Từ đạo xa chuông khôn lớn giữa đời
Đôi họ thay tên viết văn làm báo
Cơm áo dạy mồm ăn lơ nói láo
Cửa từ bị mất dấu dĩa con hư
Tháp cồ chuông xưa sông nhỏ sương mù
Giòng nước cũ trong mắt nhìn âm đục
Con đường cũ trong hồn nghe cỏ mọc

*Chuông cũ giờ đây vẫn bật trong da
Tuổi hồng sa chân chết đuối bao giờ
Ngày tháng cũ cầm bằng như nước lũ*

*Nhưng sao chiều nay bỗng bằng hoàng nhớ
Tiếng chuông xưa bừng sống lại trong tôi
Tiếng chuông xưa kia luồn đại la ơi
Chuông oà vỡ trong tôi nghìn tiếng nói
Những mảnh đồng đen như da đêm tối
Những mảnh đồng đen như tiếng cựa mình
Những mảnh đồng đen như máu phục sinh
Những mảnh đồng đen kề nhau bước tới...*

(Tiếng Chuông Thiên Mục)

Tiếng chuông đó biểu hiệu cho thời thơ ấu tuyệt vời của Nhã Ca bên sông Hương. Tiếng chuông đó là một nửa đời sống của nàng. Cuộc đời ấy gồm hai phần, một của hiện tại và một của dĩ vãng. Hiện tại có thể được kể từ lúc nàng rời bỏ xứ Huế ra đi với người yêu của nàng. Dĩ vãng chỉ còn là những kỷ niệm, những kỷ niệm man mác nhưng lồng đượm, day dứt, những kỷ niệm rất cần thiết cho nàng, bởi chúng hợp thành một yếu tố quan trọng góp phần vào việc dẫn dắt và nuôi dưỡng sự sống cả về tinh thần lẫn vật chất của nàng. Vì thế những kỷ niệm đó luôn luôn nổi rõ trong hiện tại đến độ gần như là trở thành một phần của hiện tại, chúng sống động không những trong tâm tưởng nàng mà cả trong tiếng tim đập, trong hơi thở, trong mạch máu, trong tất cả mọi giác quan của nàng.

Nói theo cách hơi khác đi một chút cuộc đời Nhã Ca đã được tạo thành bằng hai yếu tố chính: những kỷ niệm thời thơ ấu và tình yêu. Hai thứ đó luôn luôn quấn quít lấy nhau chặt chẽ, hợp thành một nhất thể bất khả phân. Chúng ta đã nghe nàng nói tới những kỷ niệm thuở nhỏ. Bây giờ hãy lắng nghe người đàn bà đó nói tới tình yêu của mình.

Lúc bấy giờ, thiếu nữ đó vừa mới lớn lên, thấy đời mình « buồn như lá cây ». Nàng ngây thơ đại khờ, tâm hồn thấp thoáng

nổi u buồn. Thiếu nữ dễ u sầu đó đã gặp một chàng thanh niên
để rồi yêu chàng ta mãi mãi không thôi.

BÀI NHÃ CA THỨ NHẤT (1)

*Tôi làm con gái
Buồn như lá cây
Chút hồn thơ dại
Xanh xao thán ngáy*

*Tôi làm con gái
Một lần qua đây
Rồi không trở lại
Ôi mùa xuân này*

*Tôi làm con gái
Đời như heo may
Tình bằng cỏ dại
Giận hờn không khuây*

*Tôi làm con gái
Một lần yêu người
Một lần mãi mãi
Bao giờ cho nguôi*

*Tôi làm con gái
Bao nhiêu tuổi đời
Bấy lần thơ dại
Buồn không ai hay*

Bản chất thiếu nữ đó vốn đã buồn, gặp được người tình, nàng càng buồn hơn nữa. Tại sao thế? Vì nhiều lý do lắm: trước hết, vì nàng phải từ giã thiên đường của tuổi trẻ thơ ngây. Có người con gái đa cảm nào mà không luyến tiếc tuổi thơ ngây. Thứ nữa, bắt đầu bước chân vào tình yêu là bắt đầu bước chân vào những nỗi lo sợ hãi hùng, không biết cuộc tình đó sẽ đi về đâu, không biết tương lai mình sẽ ra sao, ngay cả khi vai kề vai người yêu mà vẫn cứ cảm thấy mình lo âu, cứ cảm thấy mình cô đơn sâu thẳm,

(1) Toàn bài.

trong lúc ngày tháng vùn vụt trôi đi. Cô bé người tình nỗi cô đơn buồn tủi kỳ lạ đó của cô?

*Đời sống ối buồn như cỏ khô
Này anh, em cũng tự sương mù
Khi về tay nhỏ che trời rét
Nghe giá băng mòn hết tuổi thơ...*

(Thanh Xuân, trang 32)

Tôi bỗng nhớ tới Xuân Diệu ngày xưa khi chàng ta cùng người yêu ngồi khóc dưới ánh trăng, khóc vì hoang mang lo sợ cho tương lai; hoặc khi chàng ta ngồi sát bên người yêu mà vẫn cứ cảm thấy lòng mình cô đơn, vẫn cứ thấy giữa mình với người yêu vẫn còn quá xa cách. Cái tâm trạng như thế chẳng phải riêng Xuân Diệu mới có; nó vốn là cái tâm trạng chung của tất cả những kẻ đang yêu. Và cho đến bây giờ, lại có Nhã Ca là người, một lần nữa, tỏ bày một tâm trạng tương tự:

*Đêm chìm xuống khi tình yêu thức dậy
Trăng mờ hơn cho sao biếc trao tình
Em cũng sầu hơn vì quá xa anh
Dù tiếng nói trong hồn ta đã sát*

*Và đôi mắt uống hình nhau đã chặt
Tay nâng tay thương nhớ nuốt trong lời
Đêm buồn sương làm mắt ướt xa xôi
Và giá lạnh bao nhiêu lời tình tự...*

(Ghé Mỏi Sầu, trang 36)

Như vậy là lại một lần nữa, có thêm một nhà thơ khẳng định với chúng ta rằng: ái tình, dầu nó đi tới kết quả nào, tới một cuộc đoàn tụ, hay một sự tan vỡ, dầu nó kéo dài hay nó thoáng qua, nó cũng tạo cho những người tình rất ít những nụ cười và rất nhiều những giọt lệ.

Những giọt lệ. Tuy nhiên, biết bao nhiêu thi nhân đã công nhận rằng đó là những giọt lệ cần thiết, những giọt lệ tạo ra những xao xuyến, khắc khoải, bối rối, âu lo vốn dĩ là một phần cái khả năng của tình yêu trong việc cung hiến những cảm giác mãnh liệt, những cảm giác gây rung động ghê gớm cho cả linh

hồn lẫn thể xác con người. Cái hấp dẫn nhất của yêu đương chính là những cảm xúc mãnh liệt ấy.

Những nỗi buồn. Những nỗi buồn thiết yếu đó của yêu đương còn đã được thấy trong nhiều bài thơ khác của Nhã Ca như *Lời Xin* (trang 42), *Tuổi Xuân Đôi* (trang 43), *Congễn Xe Đêm* (trang 46) *Đơn Ca* (trang 49), *Bài Tháng Sáu* (trang 61) v.v...

Lạ thật, những nỗi buồn như thế khiến người ta đau tủi, sợ hãi, nhưng cũng hấp dẫn người ta lạ lùng. Tình yêu là một vực thẳm; người ta choáng váng khi đứng trước bờ vực thẳm đó, thế nhưng người ta vẫn cứ bắt buộc phải nhào xuống vực thẳm; thế rồi, dưới vực thẳm đó, người ta thở than, người ta hối tiếc, người ta chơi vơi, để rồi không bao giờ ra thoát khỏi nó được, không hẳn là vì người ta không sao ra thoát mà có lẽ còn vì thật tâm người ta không muốn thoát ra. Trong Ái Tình có nhiều nỗi buồn và có rất ít nỗi vui. Thế nhưng niềm vui, mặc dầu ít, nhưng chúng lại mãnh liệt quá, ghê gớm quá, đến độ chúng khiến cho kẻ yêu nhau, mặc dầu than thở, thống trách, nhưng vẫn vui lòng chấp nhận những nỗi buồn. Bởi có chấp nhận những nỗi buồn người ta mới có thể có được chút niềm vui một trăm lần kỳ diệu kia. Do đấy, mặc dầu luyến tiếc dòng sông cũ, mái chùa cũ, mặc dầu nhớ thương Thiên Đường tuổi thơ, mặc dầu phải sống với những lo sợ hãi hùng, người con gái « buồn như lá cây » kia vẫn có đủ can đảm rời bỏ tất cả để đi theo tiếng gọi của Tình Yêu.

Mối tình của hai người đó đã kết tụ thành một cuộc sống chung. Những nỗi mộng mơ chạm mặt với thực tế, khủng khiếp nhất là vấn đề cơm áo. Mỗi năm có một đứa con ra đời, mỗi năm trách nhiệm của chàng và nàng càng thêm nặng, những trách nhiệm đối với riêng mình, những trách nhiệm đối với nhau, và nhất là những trách nhiệm đối với con cái. Cho tới lúc này, Nhã Ca vẫn còn than thở rất nhiều, và đủ thứ chuyện không vừa ý nàng, thế nhưng nàng vẫn luôn luôn can đảm nhận lãnh trách nhiệm của mình. Nàng cố gắng chống lại tất cả mọi trở ngại của cuộc sống. Thái độ và lời lẽ của nàng nhiều lúc đầy vẻ cương nghị:

THƠ SỚM MAI (1)

Buồn buổi sớm đầy trong ngõ
Vườn ăn năn cây cối vừa xanh
Sáng chủ nhật mặt trời đỏ chín
Đầy tuổi con rồi đó nghe anh

Nghe đó anh, con đầy tiếng nói
Sự thật, kìa, con nói đi con
Nói đi con, nói dùm mẹ với
Bạo lực nào cóm nỗi lộc non

Con nói đi, kìa, mặt trời mọc
Mặt trời đang mọc, mặt trời hồng
Mặt trời đang mọc, ba đừng khóc
Mưa gió nào chôn nỗi rặng đông

Con nói đi, kìa, sáng chủ nhật
Chủ nhật sao đầy ắp cửa nhà
Nụ cười trong máu hơi trong đất
Tiếng nói con đầy lịch sử ta

Sáng chủ nhật cùng khắp mọi người
Con nói đi, mặt trời đang mọc
Mặt trời mọc, mọc rồi, mọc rồi
Mặt trời mọc mà sao mẹ khóc.

Mà sao mẹ khóc ? Thật ra giọt lệ đó của nàng không phải biểu hiện của một sự thua trận. Ngược lại nó là biểu hiện của một sự thắng trận, hoặc nói cho đúng hơn, của một kẻ tin rằng mình đã thắng trận ; giọt lệ đó không biểu dương cho sự thất bại nhưng cho một sự phấn chấn. « Nói đi con, nói dùm mẹ với — Bạo lực nào cóm nỗi lộc non ». Nếu không phấn chấn, tại sao người ta có được cái giọng tự tin đến như thế được chứ.

Dĩ nhiên cuộc tình đã bước sang một chặng mới, nó không còn thơ mộng nữa, nó không còn là những đêm hai mái đầu kề

(1) Toàn bài.

nhau thủ thủ dưới ánh trăng, không còn là lúc nàng một mình bước chầm chậm trên những con đường hoa phượng để mơ tưởng tới người yêu, không còn là những buổi sáng hồi hộp chờ thư.

*Đi đâu mất rồi những ngày tháng cũ
bút, giấy xanh và mực tím
đôi mắt to, cô nữ sinh
với tình yêu buộc dưới chân chim
thả lên trời cao vút*

*Đâu cả rồi những buổi sáng rực rỡ
cửa sổ hé ngợp ngừng
người phát thư lúc mười giờ sáng
tiếng chuông kinh coong mở cửa trái tim nhỏ
nàng cười*

(Lời Lữ Thư Tình Trên Gác Xếp, trang 102)

Những ngày tháng cũ đó mất rồi. Thế nhưng, tôi tin chắc rằng tình yêu của hai người đó vẫn còn và vẫn cứ thấm thiết. Có điều nó mang một bộ mặt khác, bộ mặt của phần đấu bởi vì tình yêu vốn là một sự phấn đấu không ngừng nghỉ, hoài hoài, mãi mãi, phần đấu để đương đầu với những nghịch cảnh, để hướng tới một tương lai tươi sáng, để bảo vệ lẫn cho nhau, để nuôi nấng hướng dẫn con cái sao cho chúng trở thành những kẻ xứng đáng sau này. Rất nhiều bài thơ trong tập « Thơ Nhã Ca » cho chúng ta thấy Nhã Ca là một người đàn bà can đảm, một kẻ đầy sức phấn đấu. Một chứng cứ, trong cơn đau đang tới trước giờ sinh con, nàng rất sung sướng, rất vui vẻ, rất hăng hái, say sưa :

*Nước reo hò trong tôi
con đau bắt đầu reo*

*con đau đến thì thăm
thật nhẹ nhàng
vuốt ve và an ủi
an ủi và dỗ dành
trên khuôn mặt tôi thân thuộc*

Tôi trở dậy, đi đứng một mình
thân thể rạn nứt từng thớ thịt
trong suốt và trần trụi
cho thai nhi bắt đầu cựa quậy
hãy can đảm, con
tiến vào sự sống
tôi đang lột dần thịt da
cho thai nhi tôi

Hãy ra đời vào lúc bình minh
hãy ra đời đẹp như hoa nở
như hạt sương nhỏ bé đeo trên lá
như hy vọng của mẹ
với bầu trời xanh cao
nơi mặt trời sẽ rực rỡ mùa may
mừng thai nhi biết thở

(Trước Giờ Sinh Con, trang 105-106)

Một điều rất đặc biệt, Nhã Ca lúc nào cũng hãnh diện ở chỗ mình được là phái nữ, hãnh diện đến độ nàng đã say sưa kêu lên rằng « đàn bà là mặt trời ». Đàn bà giống với mặt trời bởi vì họ tinh khiết và rực rỡ như bình minh, bởi vì họ làm ra tình yêu, hoa lá và sự sống trên trái đất, bởi vì chính họ tạo ra thiên đường, ra những vị vua, những chàng hoàng tử, bởi vì họ là nguồn hạnh phúc của những ông vua ấy, những chàng hoàng tử ấy. Đối với Nhã Ca, vị « đế vương » kia chính là người đàn ông mà nàng đã yêu, đã trao thân gửi phận cho. Nàng luôn luôn muốn làm đẹp lòng người yêu của nàng, bằng tư tưởng, bằng tinh thần, bằng tình cảm, bằng sự nâng niu triu mến và bằng chính cái vẻ hấp dẫn của người đàn bà. Nàng hiểu rằng vẻ quyến rũ của nàng là một trong những lợi khí tạo ra sự sung sướng của chàng, vậy nên dù vất vả, dù khó nhọc, dù bận bịu trăm công nghìn việc, lúc nào nàng cũng vẫn tự nhủ : mình đã hấp dẫn và mình phải hấp dẫn mãi mãi. Nàng kêu lên bằng giọng rất say đắm :

Chị có đôi mắt sâu như giếng nước phương Nam
 Chị có tóc mun đen như giòng sông đêm Ai Cập
 Chị có lòng nồng nàn dữ dội như biển Đông
 Chị có ái tình ngọt như mật ong
 Tôi sẽ tới van xin các chị
 nài nỉ các chị cho tôi mượn tất cả
 để tôi khoe với chàng
 đem tới cho chàng
 để chàng nâng niu
 coi tôi như công chúa

(Đàn Bà Là Mặt Trời, trang 129-130)

Tập « Thơ Nhã Ca » quả là những tiếng nói say sưa và chân thực của một người đàn bà rất ư đàn bà, một kẻ luôn luôn mê man đắm đuối với cuộc sống gồm đầy đủ nỗi buồn nỗi vui của nó. Nàng vừa nhớ thương luyến tiếc những kỷ niệm của quá khứ, lại vừa háng hái sống với hiện tại. Lễ sống của nàng gồm một số sự kiện, trong đó có không hiếm những sự kiện tương phản nhau kịch liệt: kỷ niệm và thực tại, mộng mơ và phấn đấu, buồn và vui; trong số những sự kiện ấy, quan trọng nhất là Tình Yêu dành cho « vị vua » của lòng nàng và cho cả một bầy con cái.

Và cho nghệ thuật nữa chứ.

Bởi thế nên chúng ta mới được đọc tập « Thơ Nhã Ca ».

Về hình thức thơ, trong « Thơ Nhã Ca », người ta thấy Nhã Ca dung hợp thể thơ có vần với thơ Tự Do. Sự thành công của Nhã Ca đã tạo thêm nhiều vẻ đặc sắc cho lối thơ cổ truyền đồng thời cũng nâng cao giá trị của thơ Tự Do. Nhã Ca là một trong những thi sĩ đã góp công lớn vào việc bảo tồn tinh hoa cổ truyền và phát huy lối thơ Tự Do.

Trong một số bài như *Đàn Bà Là Mặt Trời*, *Một Đoạn Nhã Ca...* Nhã Ca đã tỏ ra chịu ảnh hưởng sâu đậm, những hình ảnh và ngôn từ của bài *Cantique des Cantiques* của vua Salomon.

Chính Nhã Ca đã công khai nhìn nhận thơ nòng thục bắt cảm hứng từ những câu thơ nồng nàn và trong suốt của vua Salomon.

Cho nên, nàng đã hãnh diện dùng tiếng « Nhã Ca » làm bút hiệu. Cũng như nàng đã từng gọi thơ của nàng là « Nhã Ca Mới ».

Nếu như đức vua Salomon sống lại và có đủ khả năng đọc thơ Việt, chắc Ngài sẽ hài lòng có một « đệ tử » xứng đáng như Nhã Ca.

LÊ HUY OANH

*Chiều ra vườn quét lá rơi
Đưa con gái bé mãi chơi — quên chiều
Cường nghe chim hót tịch liêu
Vội vàng quơ chổi quét liêu bóng trắng.*

SUỐI MÂY HỒNG

gần ngàn giọng lục bát đơn giản của TRẦN THỊ TUỆ
MAI hay là của « đứa con gái bé » Hà Nội thuở nào.

VĂN CHƯƠNG xuất bản

Đã có bán tại Khai Trí, Lá Bối và các nhà sách

CHIA BUỒN

Được tin buồn thân mẫu nhà văn NGUYỄN SỸ TẾ
vừa từ trần.

Xin thành thực chia buồn cùng anh chị Nguyễn Sỹ Tế
và cầu chúc linh hồn cụ sớm tiêu diêu miền cực lạc.

*Thanh Tâm Tuyền — Mai Thảo — Phan
Lạc Phúc — Ngọc Dũng — Nguyễn Xuân
Hà — Nguyễn Nhật Duật — Phạm
Đình Chương.*



nửa cuộc

Tim nàng mỏng, máu vương cũng mỏng
Lạc hồn hoa, kín cổng, chưa về
Mưa đã hết. Cảnh lẻ thúc vọng
Bước chân còn lạ lắm ngoài kia
Ô nửa cuộc đắm dĩa hư thực
Bóng nàng soi nguyệt nhạt dưới đầm.

mộng trắng

Xóm mây bạc, lùm tre giỡn gió
Bầu rượu che vai lệch chiều khô
Se sắt lạnh, âm từ đèo mạn
manh áo nào ngăn ngọn đông xô
Năm với tháng xoay quanh bóng đồ
Nhớ ngoài sông trôi khúc cơ hàn.

trúc

Gánh mộng theo chim đến non kang
Suối rừng lổ lổ giấc bình an
Đùa trăng về cỏi tre và trúc
Vắng một đồng xanh biếc cỏ ngàn.

NGUYỄN VIÊN CHÂN

doãn quốc sỹ

kỹ thuật cổ điển dựng truyện

BÚT PHÁP SỐNG ĐỘNG

5. Gây hồi hộp thắc mắc

Sử dụng bút pháp này tác giả khiến độc giả phải hăm hở, chăm chú theo dõi truyện, luôn luôn tự đặt câu hỏi cái gì sẽ tới nhỉ, câu chuyện sẽ ra sao nhỉ. Tác giả dụng ý như vậy để tô đậm điều dành cho độc giả khám phá về sau. Bởi vậy ít tác giả lại đại dốt nói tuột móng heo ngay trang đầu phần kết thúc đề rồi sau đó chỉ còn giữ vai trò buồn nản là thuật lại những gì đã xảy ra trước đó. Và khi tình tiết truyện tiến triển từng nấc một, tác giả cũng không đại gì mà tiết lộ hết mọi điều độc giả cần thiết, trái lại thường nắm giữ lại chìa khóa của từng phần u-ẩn để kích thích trí tò mò của độc giả.

6. Bút pháp gây bất ngờ

Gây bất ngờ mà thành công là một chuyện kỳ thú trong văn chương. Có thể độc giả hồi hộp thắc mắc rất nhiều rồi mới đi đến chung cục bất ngờ, nhưng cũng có những bất ngờ nhẹ nhàng, không kém phần kỳ thú mà không cần phải hồi hộp, có trường hợp tuyệt đối không để cho độc giả thắc mắc gì rồi « bất ngờ » bùng nổ như một trái bom nổ chậm và đạt được tối đa hiệu năng. Có loại bất ngờ được giải thích, có loại bất ngờ nêu lên rồi bỏ lửng để độc giả tự tìm lấy câu trả lời. Vào

trường hợp này yếu tố bất ngờ không những phục vụ cho đức tính sống động mà còn phục vụ cho cả đức tính hàm súc nữa.

Tượng trưng, ẩn tượng, hài hước cũng như thắc mắc, hồi hộp, bất ngờ có vô vàn trường hợp biến hiện khác nhau trong các tác phẩm, ở đây chỉ xin nêu một vài trường hợp để chúng ta có một ý niệm cụ thể.

Trong truyện « Những Giọt Mực » của Lê Tất Điều, sau khi nghe ba giọt mực cuối cùng tỉ tê khóc than cho sự khô cạn vô ích của mình, mọi vật trong phòng đều không biết khuyên giải ra sao. Nhiều chữ nghĩa đến như Cụ Sách mà cũng chỉ còn biết nêu ra một ý kiến thiếu dứt khoát là số mệnh đề an ủi. Đúng lúc đó Ông Bàn nêu lên điểm bất ngờ là ba giọt mực không có quyền khóc, trái lại cả ba phải reo mừng vì đã sống những ngày đầy ý nghĩa. Sau đó sự bất ngờ được Ông Bàn giải thích chí lý đến không ngờ, so sánh việc làm của ba giọt mực với công ơn của những chiến sĩ vô danh, gián tiếp thống trách lũ vô ơn. Lý luận của Ông Bàn đơn giản mà đanh thép, tình cảm nồng nàn trung hậu. Ông Bàn dứt lời, căn phòng im lặng hoàn toàn, và trong bình thủy tinh lóng lánh, ba giọt mực cuối cùng kiêu hãnh hân hoan bốc thành hơi.

Đọc những giai thoại về Thiền học đầy rẫy những bất ngờ kỳ thú.

Hai nhà sư Tanzan và Ekido hôm đó xuống phố. Cả hai gặp một thiếu nữ xinh đẹp ăn mặc lụa là đương ngại ngùng không biết làm sao qua đường. Tanzan bèn bảo cô lại, bế cô trên hai tay mang sang đặt bên kia đường. Rồi cả hai nhà sư tiếp tục đi, không nói năng gì với nhau nửa lời, suốt ngày. Chiều tối, khi cả hai đã cùng trở lại thiền viện, tới lúc đó Ekido không thể nhịn được nữa mới thốt lên :

— Đã xuất gia tu hành sao lại gần đàn bà, nhất là lại bế cô gái đẹp như thế. Tại sao đạo hữu có thể làm như vậy cơ chứ ! »

— Quý đạo hữu ơi — Tanzan ôn tồn đáp — tôi đã đặt cô gái đó xuống ngay sau khi giúp cô ta qua con đường lầy lội, có ai ngờ đạo hữu vẫn còn công cô ta theo về tận thiền viện này. »

Câu trả lời bất ngờ tỏ đậm ý « vạn sự nơi tâm con người » lý thú biết chừng nào.

Yếu tố bất ngờ nơi bút pháp thành công thì hồn nhiên như vậy, càng những bất ngờ sừng sờ ngòi bút càng phải điều luyện. Trường hợp non tay, « bất ngờ » lộ vẻ giả tạo, di hại cho tác phẩm không nhỏ.

Đã đề cập đến những yếu tố gây hồi hộp, thắc mắc, bất ngờ, không thể không nói đến kỹ thuật chấm-phá-tiền-khởi phục vụ không nhỏ cho những yếu tố trên.

7. Bút pháp chấm phá tiền khởi

Trước đây, các phê bình gia ít chú ý đến yếu tố này trong văn chương, có lẽ coi đó chỉ là một khía cạnh kỹ thuật nhỏ. Bé nhưng bé hạt tiêu, biết đến nó vẫn hơn. Anh ngữ dùng chữ *foreshadowing* để chỉ bút pháp sử dụng những nét chấm phá tiền khởi.

Có khi những nét chấm phá tiền khởi mang dụng ý gây hồi hộp, gây thắc mắc, gợi trí tò mò để quyến rũ độc giả phải hăm hở theo dõi câu chuyện. Nhưng cũng có khi những chấm phá đi trước đó chỉ như những viên sỏi vô tình đánh rơi, rồi lập tức tác giả đánh lạc hướng sự suy đoán của độc giả, nhằm gây bất ngờ về sau. Nhưng dù ở trường hợp nào (gây hồi hộp thắc mắc, hay cố tình đánh lạc hướng) tác dụng của những nét chấm phá tiền khởi vẫn là để giải thích, hợp lý hóa mọi diễn biến của tình tiết truyện, khi đến hồi chung cục. Trước đây các mảnh tản mát đây đó, nay được khép lại khít khao, người đọc thưởng ngoạn một kiến trúc nghệ thuật trọn vẹn.

Võ Phiến khởi sự « Ngày Xuân Êm Đềm » bằng câu: « Sau khi nghĩ đi nghĩ lại, tôi bèn tin vào khoa địa lý. Và tôi hiểu vì

sao mình không thể rời khỏi Quy Nhơn được». Đó là những nét chấm phá tiền khởi nhằm hấp dẫn sự chú ý của độc giả ngay từ dòng đầu. Nét tiền khởi đó khiến độc giả phải tự hỏi: Tác giả đã nghĩ đi nghĩ lại làm sao mà rời tin vào khoa địa lý? Như vậy là trước đây tác giả không tin hoặc ít ra là lơ là với khoa địa lý? Dây liên hệ giữa việc tin khoa địa lý với việc không rời khỏi Quy Nhơn được ra làm sao vậy? Đọc!

Trong truyện « Cô Út Về Rừng. » Sơn Nam đã nhiều lần đề cho ông Hương Cả và bà Cả đề cập đến chuyện muối ở xứ Cạnh Đèn:

Xứ dẫu hơn xứ Cạnh Đèn

Muối kêu như sáo thổi, đĩa lội lênh như bánh canh.

Hai ông bà thảo luận với nhau, cãi nhau về sự kiện ở xứ đó, chiều chàng vạng là ai nấy đã vô mừng để ăn cơm. Bà Cả không muốn gả Cô Út về xứ đó chút nào. Sinh con một bề, chỉ có cô Út, sao lại gả về cái xứ dị hợm, kỳ quái, hiểm nguy đó. Ông thì gả. Bà mẹ nheo là gả xuống đó « muối ăn thịt nó. Nó bỏ thây ở dưới đó, hai ba năm chưa chắc về thăm mình được một lần...» Cô Út về làm dâu xứ Cạnh Đèn, hai ba năm đầu vợ chồng và con (cô Út sinh năm một) có về thăm cha mẹ. Nhưng rồi liền mấy năm sau họ bất tin. Ngày Tết ngày giỗ cũng chẳng thấy về. Ông Cả lại bị bà Cả mẹ nheo về chuyện đi gả con về xứ... muối. Thâm tâm ông Cả cũng nao núng khi nghe bà khóc lóc: « Tôi nói muối rằng nó ăn thịt hai đứa nó rồi. Xứ gì mà muối kêu như sáo thổi. Không đau bệnh rét thì cũng chơi nước lớn bụng mà chết... Hồi đó ông cãi tôi, nhớ không? »

Nhưng rồi có bạn của vợ chồng cô Út ở xứ Cạnh Đèn tới cho hay tiểu gia đình anh Quỳnh cô Út và lũ con (sáu đứa) đều khỏe mạnh, chỉ vì mùa màng thất bát, hai vợ chồng còn mãi lo làm ăn nuôi con chưa về thăm cha mẹ được đó thôi. Khi nghe nói con gái mình đã đẻ được sáu con bà Cả mừng quỳnh: « Úy! Bộ con Út đẻ năm một sao? Con nhỏ đó thiệt giỏi! »

Thì ra tất cả những chuyện ông, bà Cả dằng dai cãi vã, mâu thuẫn nhau về muối chỉ là những nét chấm phá tiền khởi đề đưa đến đoạn chung cục thật bất ngờ, thật ngộ nghĩnh. Đến

lúc bấy giờ ông Cả, bà Cả mới hiểu thêm một sự bí mật quan trọng của tiếng « tiếng muỗi kêu như sáo thổi » khiến vào lúc chạng vạng là cả nhà, vợ chồng con cái rút vô mùng, do đó muỗi, bên sự làm hại sức khỏe con người, còn là yếu tố gián tiếp gắn bó mối tình chồng vợ hơn ở xứ không có muỗi.

Đọc « Bông Hồng Cho Emily » của W. Faulkner chúng ta chứng kiến những nét chấm phá tiền khởi nhưng với dụng tâm đánh lạc hướng của độc giả. Nét chấm phá có mùi hôi thối phát từ nhà Emily xông ra thì tác giả cố tình đánh lạc hướng khiến độc giả có khuynh hướng ngờ là có con chuột, con rắn nào đó chết. Nét chấm phá tiền khởi cô Emily đi mua thuốc độc loại mạnh thì độc giả bị đánh lạc hướng là có thể cô mua về để giết chuột. Nhưng rồi đến khi đọc hết đoạn văn cuối cùng, dứt dòng cuối cùng độc giả mới bất ngờ vỡ lẽ thuốc độc đó là cô mua để đầu độc người tình, chàng Homer Barron, và mùi hôi thối trước ai nấy ngờ là mùi rắn, chuột chết, chính là vào lúc xác chàng Barron xinh lên. Thực hiện được bất ngờ trọn vẹn như vậy, tưởng chúng ta có thể mệnh danh kỹ thuật này là bút pháp... bom nổ chậm.

8. Bút pháp như một toàn thể

Sau khi đã nghiên cứu tách rời từng đề mục bút pháp, cứ như vậy soi rọi vào những chi tiết khác, biết bao giờ cho hết? Vì vậy tôi nghĩ có thể bề mặt phần kỹ thuật cổ điển dựng truyện bằng một cái nhìn tổng hợp cuối cùng đề « nhất dĩ quán chi » tất cả những gì đã nói và vô vàn những chi tiết thiên biến vạn hóa sẽ gặp.

Khi chúng ta mới chập chững chân ướt chân ráo vào nghiệp viết hẳn thường nhận thấy sự kiện này: Có những đoạn hoặc tả người, hoặc tả cảnh, hoặc đối thoại... ghi chú riêng biệt đọc thật tuyệt, thật sống động, mà khi ghép bên nhau sao rời rạc, nhiều khi yếu tố nọ làm hại yếu tố kia là khác. Thực ra điều

đó có gì lạ đâu, bởi dựng truyện là dựng một kiến trúc toàn bộ nội dung, hình thức bất khả phân. Khi ngồi vào bàn viết, người viết đã mang trong đầu một dự phóng kiến trúc trọn vẹn rồi, do đó mà khi ghép những phần riêng lẻ, dù « tuyệt tác », mà không ăn ý nhau, ngơ ngác đứng bên nhau, còn ai ngoài người viết biết điều đó, bất mãn trước điều đó, và hủy bỏ tác phẩm không cho chào đời.

Hãy tưởng như một người viết đã quen, kiến trúc một truyện đã được phác qua trong đầu; rồi viết đến đâu, truyện thành hình đến đấy cùng cá tính nhân vật được tô đậm dần; rồi tùy nghi, từ đồng tài liệu ghi chép của mình kia, lấy ra tài liệu nào thích hợp nhất, đặt vào chỗ thích hợp nhất đem lại tác dụng gợi cảm tối đa. Có người tự đặt cho mình kỷ luật làm việc khoa học hơn, ghi kỹ dàn bài chi tiết rồi mới bắt đầu thực hiện truyện đó. Dĩ nhiên với những tình tiết mới phong phú, có thể dàn bài cũ bị sửa đổi đi hoặc nhiều hoặc ít. Nhưng dù ở trường hợp nào thì tác phẩm thành công vẫn luôn luôn là cái một-toàn-thể nhịp nhàng, điều hòa.

Dưới đây chúng ta hãy chiếu rọi tia nhìn nhất-dĩ-quán-chi vào một vài yếu tố truyện để có một ý niệm rõ hơn về việc này.

● *Cảnh, tình, nhân vật và toàn thể* : Quan niệm máy móc phân chia tả người, tả thiên nhiên, tả bối cảnh như tách hẳn khỏi tình tiết diễn biến của truyện. Các tiểu thuyết gia Tây phương vào thế kỷ XIX thường có khuynh hướng này. Honoré de Balzac của Pháp chẳng hạn, bỏ ra hàng bao nhiêu trang tả thiên nhiên, hay bối cảnh, hay giới thiệu tính tình nhân vật, rồi sau đó mới vào truyện chính. Với các tác giả cận đại, họ không ưng đường lối tách rời đó, họ xử dụng bút pháp tả người, tả tình, tả cảnh hòa làm một với các yếu tố khác như tình tiết, hồi hộp, cao độ kịch tính... của truyện. Nhiều khi xen kẽ giữa những lời đối thoại linh động là những nét chấm phá cũng rất linh động những cảnh và tình. Kỹ thuật cảnh, tình, nhân vật hòa hợp trong một toàn thể thuần nhất bất khả phân này cho ta thấy cảnh dù hùng vĩ hay dịu dàng hay huyền ảo tự nó không quan trọng gì hết,

quan trọng phải là ở chỗ nó tác động vào tâm tình nhân vật ra sao, do đó nó gây những biến chuyển gì vào dòng nhân quả của các tình tiết biến thiên.

Đặt tên : Sự kiện đặt tên tác phẩm, đặt tên nhân vật (đặc biệt những nhân vật chính) gây một âm hưởng thống nhất vô cùng với toàn thể tác phẩm... Chúng ta hay tự kiểm điểm lại những tên tác phẩm và nhân vật chứng minh điều đó (tác giả nhiều khi đề mặc cho trực giác chọn lựa những tên đó): *Đoạn Tuyệt* với Loan, Dũng của Nhất Linh, Chí Phèo trong *Chí Phèo* của Nam Cao, Nghị Hách, Thị Mịch, Vạn Tóc Mai, Tú Anh trong *Giông Tố* của Vũ Trọng Phụng, Lan, Ngọc trong *Hồn Bướm Mơ Tiên* của Khải Hưng... Những gương thành công thì như vậy, và chắc chắn chúng ta ai cũng hơn một lần đọc lướt qua tên một tác phẩm rồi không đọc nữa chỉ vì tên ấy không có sức sống, không có sức quyến rũ, hấp dẫn, gợi cảm, nghe lảng mạn rẻ tiền làm sao ấy. Có thể là chúng ta đã đúng mà không đọc, vì nhan đề tác phẩm đã phản ánh trung thành nội dung, nhưng cũng có thể là chúng ta đã lầm mà bỏ lỡ không thưởng thức một viên ngọc vào hạng quý của văn nghệ. Tuy nhiên lỗi đó chính tác giả phải gánh một phần ở chỗ đã không nắm vững được nghệ thuật tìm ra, chọn được, một cái tên có sức sống, gợi hình, gợi cảm, quyến rũ độc giả, tương xứng với tác phẩm, và chắc chắn nhan đề đó — nếu như tác giả thành công trong việc chọn nhan-đề sẽ chiếu thêm ánh sáng vào chủ đề, sẽ giúp độc giả hiểu thêm tác phẩm, hoặc gây trước được bầu không khí mê hoặc quyến rũ, hoặc chuẩn bị trước một nét cảm thông.

● **Những nét linh tinh khác :** Tác giả có thể có những dòng diềm xuyết về nơi ăn chốn ở, cách trang sức của nhân vật ; tác giả có thể sử dụng tiếng địa phương, hay tiếng lóng, hay tiếng chuyên môn của riêng một thành phần nào trong xã hội. Sự sử dụng đó sẽ thất bại, gây tối tăm, nặng nề cho tác phẩm nếu chỉ cốt chép y nguyên thực tại để gây lạ tai lạ mắt chốc lát : nhưng nếu đó là những ghi chú lục lọi, đặc biệt để gây không khí truyện, chiếu rọi vào cá tính nhân vật, gây linh động cho động tác, thì lại khác hẳn.

Nói tóm lại điều quan trọng là những vẽ đẹp, vẽ lạ không bao giờ chỉ đẹp, chỉ lạ một cách riêng rẽ, mà luôn luôn đóng góp cho vẻ toàn bích của toàn thể tác phẩm.

Tác phẩm quả thực không khác gì cơ thể sống của con người. Chúng ta vẫn có thể (và vẫn nên) nghiên cứu, tách ra nào là thần kinh hệ, bộ máy tuần hoàn, bộ xương..., nhưng sau đó chớ để mất cái-nhìn-toàn-thể, cái-nhìn-tràn-ngập, bởi cắt cơ thể ra, bất kỳ chỗ nào, mà chẳng đồng thời có đủ máu, xương, thần kinh hệ?

Henry James đã nói trong *The Art of Fiction* là trong một tiểu thuyết giá trị chúng ta không thể đọc một đoạn thuật tả mà không bao hàm ý thuật truyện, một đoạn đối thoại mà không bao hàm ý thuật tả, một đoạn suy tư mà không có liên lạc với hành động, hoặc một đoạn hành động, mà lại không hàm ẩn những gì mình suy tư.

Mozart trong một bức thư viết cho bạn có nói rằng nghệ sĩ lúc sáng tác như thể đi vào một giấc mơ tuyệt vời và tỉnh táo, cảm tất cả, nghe tất cả. ngợp cùng một lúc đâu, có thưởng thức đoạn này trước, đoạn kia sau.

Ở những giây phút nhập điệu đó giới sáng tác cũng như kẻ thưởng ngoạn thấy cả thế gian trong hạt cát, thấy cả bầu trời trong cánh hoa.

DOÃN QUỐC SỸ

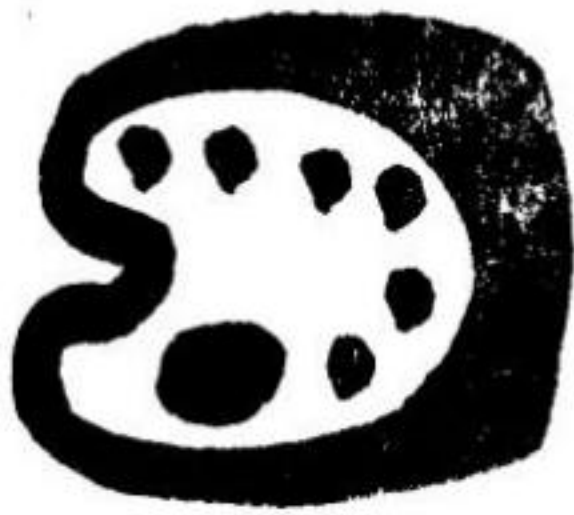
CHÚC MỪNG

nhà văn ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

và cô dâu BÙI THỊ HOA

trăm năm hạnh phúc.

MAI THẢO • DOÃN QUỐC SỸ



ấn phẩm mới

Giai phẩm **VĂN** vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc.

— **MẮC VŨNG RU NGƯỜI**, thơ Trần Kiên Thảo, Sông Ngân xuất bản gồm 36 bài thơ, 92 trang sách. Bản gửi tặng không đề giá bán.

— **TÌNH ĐÓ**, tập nhạc gồm mười lăm ca khúc của Nguyễn Tất Vịnh, Trầm Hương xuất bản. Giá 300đ.

— **SỬ ĐỊA**, số 27 và 28, do nhóm giáo sư, sinh viên đại học sư phạm Sài Gòn chủ trương. Một công trình biên khảo đáng kể. 360 trang, giá 800đ.

— **GỌI THẦM** tập thơ của Nguyễn Ngọc Hạnh, Đường Văn xuất bản. Sách dày 50 trang, bản gửi tặng không đề giá bán.

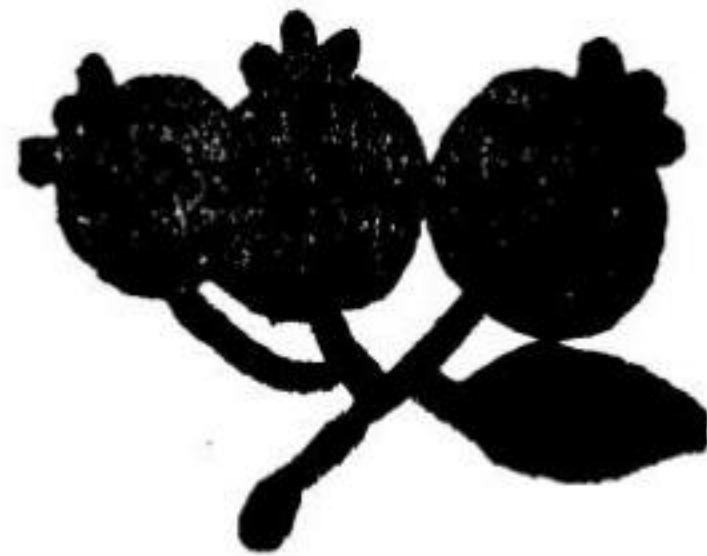
— **NHẬN DIỆN**, Tập san số ra mắt, nhóm Anh Em Lạc Hồng chủ trương. Mỗi số 40 đ. một năm 450đ.

— **SUỐI MÂY HỒNG**, thơ Tuệ Mai, Văn Chương xuất bản, mẫu bia Lê Tài Điền. Bản giấy trắng 450đ, giấy thường 350đ.

— **QUYỀN TỪ ĐỘ BỎ THÔN ĐOÀI**, thơ Phạm Thiên Thư, mẫu bia Dương Tấn Hồng, Văn Chương xuất bản, 80 trang. Giá 350đ.

— **HỢP TUYỀN**, Thơ Triều Linh, Hoàng Hương Trang, Diễm Phương xuất bản. Sách dày 60 trang, bản đặc biệt không đề giá bán.

— **THƠ TRUYỆN KHÔNG QUÂN THỜI CHIẾN**, tuyển tập 33 tác giả, phần lớn là các nhà văn nhà thơ không quân. Nhà xuất bản Vàng Sơn. Sách dày 600 trang. Bản đặc biệt không đề giá bán.



hộp thư

— **Anh Nguyễn Hải Tâm** : Biên trong thơ anh còn quá chật hẹp. Muốn ra khơi, điều trước hết là phải rời bỏ hẳn những bến bờ danh từ và ý tưởng cũ, đã đầy ắp trong thơ người khác.

— **Ông Phù Sinh** : Ông có thể tin chắc tôi đọc rất kỹ bài ông. Như tất cả những bài nhận được.

— *Ngọc Hiệp* : Chán thì đừng viết. Văn chương không phải là một bắt buộc.

— *Ông Dương Văn Minh* : Phản chiến thì không, chỉ chưa đặc sắc thôi. Ông khỏi cần giải thích. Chúng tôi đọc sẽ hiểu. Xin cứ gửi tiếp.

— *Thanh Trâm Linh* : mới 16 tuổi, sao thơ đã già và buồn quá vậy ? Viết cho mình. Chớ có viết thay cho một người nào. Sẽ chẳng nói được gì hết.

— *Lê Văn Ngân* : Chia sẻ niềm vui lần đầu ấy với anh, cũng là niềm vui của tôi, mấy chục năm về trước. Anh nắm được kỹ thuật thơ tự do rồi đó. Nên khai triển và tiếp tục.

— *Hoài Phương* : Muốn đóng góp, sớm muộn sẽ được như ý. Đừng buồn. Không biết tiền sử Nhã Ca nên không làm vừa lòng Phương được.

— *Anh Vũ Phan Long* : Sẽ đăng Phúc Ca. N. M. G. đến chơi luôn. Cho hỏi thăm các bạn ngoài ấy. Thân.

— *Bùi Đức Long* : Đã nhận được thơ. Tôi đã gặp anh Ngy Cao Uyên trong Tân Sơn Nhất. Thế nào cũng có vụ xuống chơi dưới ấy vài ngày.

— *Trần Như Phương* : Chưa được.

— *Anh Dương Linh* : Một tài năng văn chương tự nó hiện hình rất rõ rệt, không phải tìm kiếm. Thơ anh thường bị một số danh từ và ý tưởng nhắc lại quá nhiều lần. Phải

đẹp bỏ được khuyết điểm ấy trước đã.

— *Phạm Quang Phước, Âu Thị Phục An, Ngô Thị Kim Thanh, Hồ Minh Dũng* : Đã nhận được. Sẽ đăng trong những số tới. Thân ái.

— *Anh Lý Thiên Ngộ* : Mua thể là đủ, không thiếu số nào. Đề nghị anh mỗi tháng gửi cho tôi chừng năm bài thôi. Những bài với anh vừa ý nhất.

— *Cô Nguyễn Thị Tuyết Nhung* : Cô nên đọc kỹ lại đoạn kết truyện ấy. Thế là họ sẽ tái ngộ, lấy nhau và suốt đời sung sướng, « hết mục » ngang xương chỗ nào đâu ? Mấy nhận xét của cô về văn Tr. thị Ngh. đúng lắm. Sẽ đăng Ngó Nhau.

— *Trần Hữu Dũng* : Một vài câu đặc sắc. Toàn bài chưa được. Chúc anh tiến hơn.

— *Cô H. T. (Định Tường)* : Thạch bản là gì, tôi không hiểu ? Nếu là bản thảo thì không có vì tác giả không giữ lại.

— *Doãn Linh Hùng* : Minh họa cho đẹp trang báo, không có dụng ý nào hết. Những tài thơ lớn không chỉ thu hẹp trong một bài thơ. Cho nên phải đợi một thời gian mới biết rõ được.

— *Khánh Minh* : Triển vọng thấy rõ. Khuyến anh nên tiếp tục.

— *Chinh Thanh* : Truyện ngắn anh còn thật thà quá. Cần mới lạ hơn trên mọi phương diện.

— *Văn Tấn Hàng* : Ý thơ của Những Ngọn Nến rất đặc biệt. Sửa lại bài đó cho chau chuốt hơn rồi gửi cho tôi.

— *Tám Thanh* : Thơ không phải là một viên gạch. Cũng không đúng những điều viết về phong trào hiện sinh trong bài đoản văn. Muốn làm thơ hay, phải bỏ ngay cái ý nghĩ thơ là « của rơi lượm được ở dọc đường ».

— *Hà Uyên Yên Phương* : Đã biết đề những chữ đầu giống nhau là « bê bối » sao còn đề, lạ quá. Lên khuôn cho vui là thế nào ? Phải hay mới đăng được.

— *Anh Tang Hồ* : Cô sơn nữ trong kỷ niệm đẹp lắm. Chuyển đi lên núi cũng vậy. Thơ thì chưa.

— *Hạnh Hoàn* : Ba bài lục bát được hơn ba bài kia. Tuy nhiên, tất cả còn chim nhại chưa mới lạ. Chưa ai dùng bút hiệu anh.

— *Lê Kim Long* : Đã gửi trả. Nhưng một lần thôi đấy.

— *Phạm Long Sơn* : Sẽ đăng Đáp và Mở Thơ trong một số tới.

— *Anh Lê Minh Diệu* : Dịch là một cách trau dồi và học tập rất tốt. Anh nên tiếp tục dù bài được đăng hay không.

— *Phan Hy* : Sẽ đăng một phần.

— *Phạm Ngủ Yên* : Sẽ đăng truyện ngắn. Thân ái.



bài nhận được

Giai phẩm VÂN đã nhận được bài của các bạn có tên sau đây. Chúng tôi đang đọc. Các bài được chọn đăng, sẽ có báo tin trên những kỳ sau. Nếu sau bốn kỳ mà không thấy tin trên hộp thư hay thư riêng, xin hiểu cho là bài không thể đi được.

Chúng tôi không giữ lại cũng như không trả lại những bài không được chọn đăng. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ « yêu cầu miễn ghi » trên đầu bản thảo.

• THƠ

Thanh Trầm Linh . Thiên Nguyệt Giang . Hoài Phương . Ngụy Vãng . Nguyễn Ngã Tĩnh . Lê Ngọc Phung . Lê Nguyên Trang . Trần Minh Nghĩa . Hàn Nhân . Hồ thị Mai Ca . P' . H' . H . Phạm Ngũ Yên . Mítin . Trần Như Phương . Phương Hoài Sơn . Trần Hoàng Vy . Hoàng Pháp . Hạnh Hoàn . Yên Phương Thành . Đặng Huỳnh Văn Dung . Nguyễn Tường Anh . Trần Đỗ Thân Đào . Tĩnh Hồng .

Trần Thiện Chấn . Phạm Hữu
Mẫn . Hoàng Sa Trần Thị . Trần
Hữu Dũng . Chương Cung . Vương
Hồ . Đỗ Khắc Vĩnh Lưu . Dương
Mặc Thu . Nguyễn Nhật Ánh . Trần
thị Từ Ly . Lưu Dạ Thi . Chữ
Điền . Trần Châu Kỳ . Đông Châu .
Hoàng Kim . Trịnh Cao Châu .
Điện Bàn . Đoàn Nhưộng Hiên .
Mộ Dung Thiên . Tam Thu . Phạm
Nguyễn Thu Tâm . Học Lãnh Vân .
T . H . N . Nguyễn Khiếu . Vương
Khắc Hư . Hoài Oanh . Đan Vũ .
Ngọc Hiệp . Phạm Long Sơn .
Nguyễn Tường Anh . Lê Đình
Thạch Hân . Hồ Thanh Tranh .
Nguyễn Trọng Huy . Nguyễn Hùng .
Hà Huy Linh . Phan Phù Khư .
Thái An . Trần Tùng . Nguyễn Lê
Phủ . Chương Thanh . Hồng Ngọc .

Đoàn Trần Nghĩa . Tùng Sơn .
Mặc Phát . Năng Hồng . Thân
Trọng Hiệp .

Cánh Đồng Xanh . Hồ Trong
Tưởng . Nguyễn Thị Thảo . Lê
Nguyễn Hồ Vũ . Nguyễn Nguyên
Nguyên . Trần Quang Thiệu . Lê
Thụy Đạt . Hoàng Ân . Thu Đan .
Chu Văn Đức . Đăng Nguyên .

● VĂN

Chinh Thanh . Hàn Phòng . Hoàng
Văn Bình . Phan Văn Minh . Dương
Huyền Ý . Ngọc Văn . Huỳnh
Nhưng . Tâm Thanh . Bái Thạch .
Phạm Như Thi . Lê Minh Diệu .
Phạm Thái San . Nguyễn Viện .
Minh Huy . Nguyễn An Đoàn . Lê
Minh Diệu . Bái Thạch .

Các bạn yêu THƠ TÌNH, tìm đọc :

NGƯỜI HÀNH HƯƠNG TÌNH YÊU

Thơ TRỊNH BỬU HOÀI

KHAI PHÁ xuất bản ★ Ấn loát mỹ thuật
(liên lạc tác giả ở K.B.C. 7018)